

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Linh Bảo**

#### **Tiểu sử**

Tên thật Võ thị Diệu Viên, biệt danh: Lại Cẩm Hoa, Vũ Trung Thu.  
Sinh 14.4.1926 tại Huế. Hiện sống tại Hoa Kỳ.

#### **Tác phẩm**

Tàu ngựa cũ - Những đêm mưa - Con chồn tinh quái - Những cánh diều



### **Mục Lục**

Vài hàng về tác giả - 2  
**Tàu ngựa cũ – 2**  
**Những tết tha hương – 7**

#### **Phụ đính I:**

**Hậu hắc học - Mạn đà la - Hà thủ ô – Lỡ duyên**  
**Cây chuối buồn - Cái thang - Chiếc cột đèn**

#### **Phụ đính II:**

**Người quân tử**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả



Tên họ: Võ thị Diệu Viên

Bút hiệu: Linh Bảo

Sinh nhật: 14 tháng 4, 1926

Sinh Quán: Huế, Việt Nam

Sở thích: Văn chương, Hội họa, Âm nhạc, Thể dục, Computer, may vá, làm vườn.

Sinh hoạt các nơi: Việt Nam, Nam Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Hongkong, Anh, Pháp, Mỹ.

Việc làm:

- Nhân viên Lãnh Sự Quán Việt Nam tại Hongkong.
- Dạy Việt ngữ trường Sinh Ngữ Quân Đội, Monterey, CA USA

Gia Đình: Hai con gái, 3 cháu ngoại

Sách Xuất Bản, Năm, Nhà xuất bản

- Gió Bắc, 1953, Đồi Nay
- Chiếc áo nhung lam 1953
- Tàu ngựa cũ, 1961, Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1962
- Những đêm mưa, 1961
- Con Chồn tinh quái, 1967, Ngày Mới
- Những Cánh Điều, 1971, Trí Đăng
- Mây Tàn, 1981, Việt Nam Hải Ngoại

Chú thích:

- \* Tiểu sử trên đây do nhà văn Linh Bảo cung cấp cho Đặc Trưng.
- \* Nhà văn Linh Bảo là chị của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh.

## Tàu ngựa cũ

Những tiếng động ồn ào bên mình làm Kỳ bưng tỉnh. Anh không cần mở mắt nhìn cũng biết tàu đã đến một ga nào đấy, hành khách đang chen chúc lên xuống, và trong số đó chắc có người sẽ là bạn đồng hành của anh. Kỳ đã lên tàu từ ga Huế và sẽ đi suốt đến Saigon. Trải qua bao nhiêu ga, bao nhiêu người vào căn phòng hạng nhì này, cùng ngồi tàu với anh một lúc rồi lại đi.

Có người ngồi lâu, nói được vài mẩu chuyện trời mưa nắng, có người, Kỳ tránh nhìn họ để khỏi phải bắt chuyện. Kỳ mong mỗi gặp một bạn đồng hành đi suốt với anh quãng đường dài này, và giá hợp chuyện nữa thì sung sướng biết bao! Anh không nhớ hết những ai đã vào cùng ngồi với anh. Đầu tiên là một bà cụ già đi với cô con gái. Anh chưa nhìn, cô em đã thẹn thò quay mặt đi nơi khác, nhưng nàng nhìn trộm anh trong tấm cửa kính. Bà cụ nhờ anh sắp đồ đạc cẩn thận, làm Kỳ tưởng bà cũng đi xa như anh, nhưng mới đến ga thứ nhất, bà đã kéo cô con, lếch thếch xuống tàu, vội vàng như bị ma đuổi.

Kỳ không thất vọng, vì đường dài lắm, anh sẽ còn cơ hội gặp người bạn đường khác. Nhưng từ lúc ấy trở đi, bao nhiêu người lên xuống, người nào cũng chào hỏi, nhưng anh chưa cảm thấy hợp chuyện, họ đã xuống ga rồi.

Mãi cho đến bây giờ, đi đã gần nửa đường, Kỳ thấy hơi chán, không còn hy vọng có một bạn đường vừa ý nữa. Anh đem báo ra đọc. Đọc hết cả tin tức, tiểu thuyết, quảng cáo, lại thuộc lòng cả một tá thơ tương tự của một nữ sĩ. Anh hơi lạ, vì thấy nữ sĩ tả hoa tương tự, lá tương tự, núi sông tương tự, mà không thấy nói đến người tương tự. Không lẽ cái tương tự của con người không đáng nói.

Kỳ che tờ báo lên mặt, giả vờ ngủ. Anh chán nản lắm rồi. Bây giờ, bên cạnh anh, ai lên xuống, ga nào, người ít nhiều, anh cũng mặc, không nhìn nữa.

Kỳ biết có người vào phòng anh. Trước hết, chắc là một thiếu nữ, vì nghe bước chân nhẹ nhàng và mùi nước hoa thoang thoảng. Theo sau, là hai thanh niên còn trẻ lắm, vì anh nghe thấy họ hành động nhanh nhẹn và nói cười có vẻ đầy nhựa sống.

Thiếu nữ ngồi bên cạnh Kỳ, có lẽ nàng thấy ngồi bên cạnh người ngủ say, trên mặt lại còn che một tờ báo, sẽ yên ổn hơn ngồi cạnh hai chàng thanh niên có vẻ "sát khí đặng đặng" kia.

Một thanh niên nói:

- Tôi đã bảo, xuất hành nhằm giờ "túc hỷ", thế nào cũng gặp "giai nhân".

Kỳ cười thầm. Anh thấy "mặt trận" sắp được dàn ra rồi, chắc thú vị lắm.

- Sơn cũng đồng ý với Nam, nhưng yêu cầu Nam nên nhường cho Sơn thì hơn.

- Vì lý do gì?

- Lý do thứ nhất: vé tàu của Sơn, Nam mua hộ. Lý do thứ hai: Sơn nhiều tuổi hơn Nam, "kính lão đắc thọ" mà! Ba la...

- Là gì?

- "Quả nhân hữu tật"...

Kỳ suýt bật cười lên tiếng. Trong chốc lát, cả một thời thanh niên trẻ trung của anh hiện ra trong ký ức.

Thuở ấy, cách độ hơn mười năm, Kỳ cũng còn hăng say như hai anh chàng này, và cũng đã có lần từng chế nhạo các bạn: "Quả nhân hữu tật". Đó là câu tự thú của một ông vua ngày xưa: "Quả nhân hữu tật, quả nhân hiếu sắc". Chỉ nói lên về đầu, người ta sẽ hiểu về thứ hai. Những

người bạn ấy, có người đã sống cùng anh một thời gian khá lâu, có người thỉnh thoảng còn gặp, có người chỉ trông thấy vài lần rồi không bao giờ gặp lại nữa.

Thiếu nữ chùng khó chịu vì hai chàng thanh niên “ nghiên cứu dung nhan” kỹ quá, nên cũng lấy một tờ báo che mặt như đọc.

Có tiếng thở dài:

- Thôi, chúng mình đành đọc báo vậy! Sơn đọc một tờ, Nam đọc một tờ, đã có người cầm hộ.

Nam vẫn tinh nghịch:

- Hai tờ báo! Nói liền nhau không biên giới. Thực là “Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc”.

Kỳ thấy bọn họ dễ thương quá. Kỳ ao ước giá bọn họ cũng đi đến Saigon, chắc anh sẽ không đến nỗi buồn lắm. Kỳ giờ tờ báo ra nhìn họ với cái nhìn đầy thiện cảm.

- Chắc chúng tôi làm ông mất ngủ?

Kỳ mỉm cười:

- Không sao. Có các ông ngồi cùng phòng, nói chuyện càng vui, quên được đường dài.

Kỳ quay sang nhìn thiếu nữ. Bàn tay nàng cầm tờ báo hơi rung rung. Kỳ thấy tự nhiên tim mình đứng hẳn lại. Nốt ruồi đỏ như son trên cổ tay thiếu nữ, trông quen thuộc quá. Chỉ có một người anh quen, có nốt ruồi như thế. Người ấy đã đi bên cạnh anh trong một thời gian, ngày xưa, thời loạn ly...

- Ông xuống ga nào ạ?

Kỳ trả lời như người mất hồn:

- Ga cuối cùng.

- Chúng tôi cũng thế. Ông cho phép chúng tôi tự giới thiệu: chúng tôi là sinh viên.

- Trường?

- Đại Học Văn Khoa ạ. Còn ông?

- Tôi được mời đi dạy. Cũng Đại Học Văn Khoa. Chắc chúng ta còn gặp nhau nhiều.

Sơn và Nam nhìn nhau.

Kỳ thấy mình nói dối tự nhiên quá. Câu nói bật ra trong lúc anh vẫn còn nhìn nốt ruồi trên tay thiếu nữ. Anh không hiểu mình có ý định gì, nhưng câu nói của anh có hiệu nghiệm ngay lập tức. Hai sinh viên ra dấu cho nhau và cùng sang toa khác. Chắc họ không muốn ngồi chung với người có thể là ông giáo của họ.

Tàu vẫn chạy trong đêm, và đêm cũng đã khuya lắm rồi, nhưng Kỳ không thấy buồn ngủ tí nào nữa. Anh nhớ đến bàn tay người bạn gái năm xưa, bàn tay anh đã cầm nhiều lần. Không biết

có phải đúng là Thơ ngày xưa của anh không. Bàn tay gầy gò anh lắm, nhưng anh không dám nắm lấy. Bàn tay ấy không đẹp, không chải chuốt, không có móng đỏ như máu, nhọn như vuốt, giống hệt như bàn tay anh đã nắm ngày xưa, nắm một cách yêu thương tin cậy, và lòng êm dịu, bình yên, thỏa mãn như người nằm đúng vào chần đệm và giường của mình trong một đêm rét mướt mưa bão.

Kỳ vừa ao ước nàng là Thơ, vừa mong không phải. Nếu không phải, chắc anh sẽ bằng khuôn mặt vài hôm rồi lại đầu vào đây. Nhưng nếu nàng là Thơ thật tình thì sao? Trong chốc lát, Kỳ thấy trong tim mình như định ra một biên giới. Đây là tình yêu vợ, yêu con, đây là tình . . . như nước sông, nước suối, nước thác, mỗi dòng nước có một con đường riêng, không hề xâm phạm đến nhau, nhưng tất cả đều đổ về lòng bể, là anh.

Nếu đúng là Thơ, anh sẽ không để cho nàng đi thoáng qua như những người bạn đường kia nữa. Nàng sẽ ở bên anh mãi mãi và sẽ đi cùng anh đến ga cuối cùng của cuộc hành trình, cũng như đến ngày cuối cùng của cuộc đời.

Thiếu nữ hình như ngủ say. Nàng bỏ rơi tờ báo xuống, đầu nghiêng về một bên. Kỳ thấy lạnh hẳn cả người. Đúng là Thơ ngày xưa rồi. Hình bóng Thơ nằm yên lặng trong tâm hồn suốt bao nhiêu năm trời, bây giờ hiện ra trước mắt anh bằng xương bằng thịt. Thơ già dặn hơn, nhưng những nét vẫn là Thơ ngày xưa. Mi mắt Thơ tuy nhắm, nhưng lòng mắt bên trong rung rung. Nếu Thơ ngủ thật, chắc nàng đang mơ một giấc mơ buồn. Nét mặt Thơ cố đè nén một cảm xúc gì. Kỳ thấy muốn để đầu Thơ ghé vào vai mình, như thế, chắc Thơ sẽ dựa êm ái hơn, ngủ ngon hơn, và không thể nào mơ những giấc mơ ghê sợ nữa.

Mí mắt Thơ bỗng rung động mạnh và hai giọt nước mắt chảy ra, đem theo cả một dòng, lan tràn trên má. Thôi, Thơ không hề ngủ tí nào cả, nàng chỉ giả vờ ngủ để kéo dài thời gian trước phút nhìn được nhau. Chắc Thơ cũng đã nhận được ra anh lâu rồi. Thơ chỉ nghe giọng anh nói, cũng như anh chỉ nhìn bàn tay, cũng biết được nhau. Lần này Kỳ quả quyết lắm. Anh nhất định nắm lấy tay Thơ, rồi ra thế nào thì ra.

Thơ mở mắt nhìn anh, nói rất nhẹ:

- Em không ngờ. Có người cho em biết anh chết sau lúc xa em mấy tháng.

- Anh cũng không ngờ. Nghe kể lại, mẹ em đặt bàn thờ và tụng kinh cho em một trăm ngày. . . anh ngờ sao được!

Kỳ kéo đầu Thơ dựa vào vai anh như trước đây mấy phút anh đã ao ước được như thế.

Hai người cùng yên lặng, hình như không còn nghe thấy gì ngoài tiếng đập của trái tim.

Tàu bỗng hình như chạy mau hơn một cách kỳ lạ và dễ ghét. Kỳ vuốt tóc Thơ, thì thầm:

- Chúng mình đã đi được nửa đường rồi mới bắt được nhau.

Thơ cố nén cảm xúc:

- Nửa đường của chuyến xe suốt, và cả của cuộc đời!

- Cũng còn kịp để gặp nhau!

- Muộn chưa hở anh?

- Chưa em ạ. Đường còn dài, đời cũng còn một nửa để chúng ta nhìn thấy nhau, ngồi cạnh nhau, sống với nhau. Đừng làm sóng gió nữa em, đừng làm khổ nhau, đừng làm khổ mình, đừng tự ngược đãi mình nữa. Bây giờ, anh không để em thoát. Không có gì trên đời này có thể cản trở chúng ta được nữa !

Kỳ không hiểu tại sao anh có thể nói ra được những câu trái với sự thật như vậy. Ai cho phép anh được ngồi với Thơ, sống với Thơ? Anh rất thành thật với lòng. Anh nói những lời xuất phát từ trái tim và đồng thời cảm thấy rất chua xót, không biết làm cách nào để Thơ hiểu rõ, để cho Thơ biết sự thật, biết anh không còn tự do nữa. Anh muốn giữ Thơ trong cuộc hành trình đi đến phần mộ trong đời mình, mặc dầu biết không có một điều kiện nào.

Như muốn tránh sự thực hiện tại, anh bảo Thơ:

- Em đừng nói gì nữa. Chúng mình sẽ có rất nhiều thì giờ nói chuyện. Bây giờ, hãy để yên cho anh ngồi bên cạnh em, biết có em trong tay. Chúng ta đã lỡ nhau suốt nửa đời người rồi. Yên cho anh sung sướng gặp em . . .

- Ngày xưa . . .

- Đừng nhắc đến ngày xưa nữa em . . .

- Ngày mai . . .

- Cũng đừng nói đến ngày mai!

Hai người cùng yên lặng và hiểu nhau hơn lúc nào hết.

Thơ nhắm mắt lại, ngả đầu vào vai Kỳ! Tàu chạy đều và rung nhẹ, vai của người mình yêu quý, làm gối rất êm. Mi mắt Thơ không còn thấy rung rung nữa, nếu Thơ ngủ được, chắc giấc mơ sẽ yên lành biết bao.

Kỳ nhìn ra ngoài trời. Trời đen nhưng trong, mây sáng lơ thơ giăng mắc khắp không trung. Muốn ngàn vì sao lấp lánh rực rỡ, có những sao băng xẹt ngang rất nhanh rồi tắt hẳn. Kỳ ao ước giá còn được lòng tin tưởng thơ ngày xưa, ngày anh còn bé ở làng quê. Hồi ấy, mỗi khi thấy sao băng, anh cời nhanh một cục áo và nói một điều ước. Anh không nhớ những điều anh ao ước có bao giờ thành sự thực, linh nghiệm như lời bà anh vẫn bảo không, vì anh quên ngay hôm sau. Bây giờ, nếu còn hy vọng và tin tưởng được, anh chỉ ao ước có Thơ trong tay anh mãi mãi.

Tàu đến Nha Trang lúc trời vừa sáng. Kỳ và Thơ cùng nhìn nhau mỉm cười. Cả hai đã ngồi yên lặng không nói một điều gì quan trọng, cùng muốn phút giây quên hết quá khứ, tương lai và sự thật, càng kéo dài càng tốt.

Kỳ đứng dậy nhìn ra sân ga. Bỗng anh thấy cả người như tê lạnh một cách lạ thường. Vợ anh đang đứng nhìn lên từng toa như tìm kiếm. Trông thấy Kỳ, vợ anh reo lên:

- A, anh! Em cứ sợ anh nhớ chuyện này.

Nàng chen lên tàu, bước vào phòng, nói ríu rít:

- Em đang nghỉ mát, được tin anh vào, nên đón tàu để đi cùng với anh cho vui. Thế nào, anh có mệt không?

Bất giác, Kỳ thấy mệt thực. Bao nhiêu nhọc nhằn chán nản, phiền muộn trong nửa đời người đã trải qua, anh đã quên không muốn nhớ, giờ phút này chúng đứng đung đung kéo nhau đến bao vây lấy anh, làm anh thấy mình chỉ trong một lúc như già hẳn đi. Tất cả hy vọng tiêu tan trong chớp mắt một cách đột ngột và tự nhiên vô cùng.

Thấy Thơ đứng dậy sắp sửa hành lý, anh cũng không thể nói được một lời nào, để từ giả hay giữ lại. Anh chỉ nhìn theo với đôi mắt buồn rầu băng khuâng.

Vợ Kỳ xem xét hành lý và nói với anh những điều gì nhiều lắm, nhưng anh không nghe rõ, và dù nghe rõ cũng không hiểu gì hết. Mắt Kỳ như mờ đi, nhìn theo Thơ vội vàng ra khỏi ga. Anh biết tình yêu của Thơ và anh vẫn còn nguyên vẹn. Anh biết Thơ cố tránh. Thơ không muốn thấy mình cùng đi với Kỳ một chuyến xe trong đời, mà không thể nói với nhau một lời nào.

Kỳ ngồi bên cạnh vợ, nghe vợ nói chuyện và thấy nàng đã nói nhiều quá, trong khi Thơ chưa kịp nói với anh gì cả.

Bây giờ, làm sao anh còn nắm được tay Thơ. Làm sao anh biết được Thơ nghĩ gì. Thơ đi đâu? Thơ làm gì? Bao nhiêu năm qua, bao nhiêu lần roi đã quất vào tâm hồn nàng? Bao nhiêu thất bại, đau khổ. Ai lau nước mắt cho Thơ?

Kỳ chưa kịp biết được gì hết, anh đã để cho bóng Thơ tan mất. Và đau đớn biết bao, anh không có dịp nói một lời giả từ. Giả biết được phải chia rẽ đột ngột và vĩnh viễn như vậy, anh sẽ cố nói với Thơ một vài lời, dù chỉ là những lời rất vô nghĩa, cũng còn có dịp nhìn được mắt nhau lâu thêm vài phút.

Tàu vẫn chạy rất bình yên, như không bao giờ biết được bao nhiêu ly hợp đã xảy ra trong một chuyến đi.

Người vợ ngồi bên cạnh đem lại cho anh thói quen thường ngày. Kỳ thấy lòng mình bình tĩnh lại. Anh lắng tai nghe vợ nói, trả lời vợ và ngoan ngoãn theo vợ về nhà. Ngoan như con ngựa nhà, ngựa thuần. Con ngựa rất siêng năng cần mẫn, ngày ngày kéo xe cho chủ. Đôi mắt ngựa bị che hai bên lại, chỉ còn nhìn thấy một phía trước mắt, một con đường thẳng, một bồn phận. Ngày ngày làm xong công việc, tối về tàu, ngựa sẽ được phát cho một nắm rơm hay cỏ khô, cho ngựa ngủ yên, đợi ngày mai lại tiếp tục công việc, lưng mang nặng yên cương, mắt che kín. Đền bù lại, ngựa được chủ cho ăn no, được khen là ngoan ngoãn, và ngựa rán hết sức lực làm việc cho chủ vui lòng.

Nhưng may mắn làm sao, Kỳ thấy dù mình như con ngựa đã bị che kín hai mắt, chỉ được phép nhìn thấy một con đường thẳng trước mặt, chỉ được trở về với tàu ngựa cũ mà thôi, tim anh vẫn còn nguyên vẹn, vẫn còn có thể cảm, nghĩ và yêu thương.

## Những tết tha hương

Tết năm nào tôi cũng nghĩ đây là một tết tha hương cuối cùng và tự an ủi: “Thôi, chịu khó năm nay, sang năm về nhà ăn Tết. Tết ở quê hương có Thủy Tiên, hoa Đào, hoa Mai và nhất là có mẹ già..” Nhưng hết năm này đến năm khác, mấy chục năm qua, không những vẫn Tết tha

huong mà lại còn biến thành tết lưu vong, và mẹ thì cố nhiên là không còn nữa !

Năm nào cũng như năm nào, Tết ở đâu cũng cô đơn, dù tôi có xê dịch hay ở yên một chỗ, ăn Tết ở nhà mình, ở nhà người, một mình, hai mình, nơi đông đảo hay vắng vẻ. Và lắm khi càng đông người càng cảm thấy cô đơn hơn.

## TẾT HONGKONG - 1946

Cuộc chiến đã bắt tất cả thanh niên nam nữ ra ngoài ngưỡng cửa gia đình, bắn tung ra cả đến ngoài biên giới, xô dồn tất cả lứa tuổi từ 16 trở lên vào con đường tranh đấu. Bằng cách này hay cách khác, sớm hay muộn, ai cũng khăn gói lên đường.

Sau khi thoát khỏi nanh vuốt và những vụ bắt bớ của phe này, phe khác, tôi kinh sợ cái hăng say khát máu của các cấp chỉ huy. Cuộc sống bấp bênh đến mức độ có thể, sau một giấc ngủ vô tư, sáng dậy, người ta bỗng trở thành lãnh tỵ. Chỉ huy, hay là bị cùm xích cả chân tay. Không muốn lãng phí cái chết của mình, một sớm tinh sương, tôi phiêu phiêu đổ bộ đất HongKong với một bộ quần áo Tàu mong manh. Cái công ty Tàu tổ chức đón nạn dân đổ bộ, chờ đến sau khi “ các chú”, “ các thím “ qua thoát lưới Hải Quan Anh là họ trút gánh nặng, quay tàu ra khơi để còn đi làm chuyến khác.

Trời Hong Kong mùa Tết gió rét như cắt, nhất là ở những con đường ngay cạnh bãi biển. Hai bên đường phố, các hàng bán hoa quả và hàng Tết bày lan tràn ra đến lề đường , như giục giã người ta sắm Tết, nhắc nhở Tết đây rồi, làm tôi thấy nhớ nhà, nhớ mẹ lạ lùng.

Tôi được giới thiệu vào ở trọ trong một gia đình Tàu. Nhà không rộng, nên họ dọn cho tôi một cái giường vải trong một góc phòng, giăng một tấm màn ngang qua giường, và trong chóp mắt, góc phòng bé nhỏ biến thành cái thế giới riêng biệt của tôi.

Bên kia tấm màn biên giới là giường của hai thằng bé độ sáu bảy tuổi, con nuôi của bà chủ nhà. Hai thằng be ù thực khỏe mạnh và kháu khỉnh, nhưng bị mù. Chúng nó sinh ra toàn vẹn cho đến khi quân Nhật đánh chiếm Hương Cảng. Không biết lửa đạn vung vãi thế nào mà chúng biến thành ra mờ côi và tàn tật.

Trong nhà còn đôi ba cặp nữa, mỗi đôi ở một căn phòng nhỏ, ngăn lại bằng ván ép. Biên giới là tấm ván mỏng, không ngăn được tiếng nói thì ào ào yếm lúc đêm khuya, và cũng không ngăn được giọng cãi vã, dù người ta có xuống giọng thấp đến mấy đi nữa. Nhưng nhờ có cái biên giới tượng trưng nên ai cũng thấy yên tâm như được che chở, và khi bóng tối bao trùm thì bên kia biên giới là hư vô .. .

Thì ra biên giới thật co dãn. Biên giới có thể là Vạn Lý Trường Thành, là biệt thự này cách biệt thự kia hàng trăm thước, là cái hàng rào thưa, mảnh ván ép, và cũng có thể chỉ là một tấm màn mỏng manh. Sau biên giới vải, tôi nằm im lìm vờ ngủ, lắng nghe những sống động ưu tư trong lòng, và đồng thời cũng lắng nghe cái Tết đang lan tràn.

Người ta có cả tháng để chuẩn bị , thế mà cho đến phút cuối cùng vẫn còn có kẻ mua bán rổ rít. Người nào cũng lo áo quần mới cho gia đình, quà bánh cho khách đến chúc Tết, phong bao cho trẻ con. Đồ ăn thì cố nhiên là phải đặc biệt, những món ăn riêng cho ngày Tết. Đêm đã khuya mà ngoài đường vẫn còn cả một rừng người tập nập đi mua sắm hay đi nhìn thiên hạ mua sắm ! Họ đi vào ánh đèn ngũ sắc như trăm nghìn con thiêu thân, vì chính họ cũng là một loại thiêu thân.



Giờ này ở quê hương, gia đình của tôi đang ở lao tù nào ? Các bạn của tôi, chắc hẳn từng đoàn, từng nhóm, đang “ xếp bút nghiên” .., đang “ một ra đi là không trở về..” Còn tôi mơ màng nghĩ đến ngày mai vào Quảng Châu để gặp các anh em sinh viên cách mệnh đang học ở đấy. Mấy hôm trước, anh Hùng sau khi đọc bản tự thuật “ Hoa Sen trên biển” của tôi, đã bảo anh Vĩ, người liên lạc :” Anh đưa cô ấy đi Quảng Châu ngay. Càng sớm càng tốt. Đừng để mất !” Anh Vĩ tin là thế nào tôi cũng sẽ được ở lại học với các anh ấy.

## TẾT NAM KINH

Căn nhà chúng tôi thuê được ở ngoại ô Nam Kinh nhỏ bằng một cái phòng. Và thực sự nó cũng chỉ có thế. Nó vốn vẹn là một cái phòng vuông vắn, một cửa ra vào và một cửa sổ. Không có gì nữa, ngoài mấy cái giường vải, ngày xếp lại, tối mới giờ ra. Nhà không có lò sưởi, đã thế, vách ván lại hở, cửa gài thô sơ, gió lọt vào lạnh thấu xương.

Bên cạnh nhà là hồ Huyền Vũ, Cái tên thực đẹp. Người Tàu có tài đặt tên đẹp cho tất cả những gì cần đến tên. Hồ này là để cho tất cả xóm giải quyết vấn đề nước non. Họ dùng nước hồ để nấu nướng, giặt quần áo, rửa rau, vo gạo, ban ngày cho tất cả mọi người, và thêm tám ban đêm cho chúng tôi.

Những nhà Tàu, nếu không phải là thứ tối tân thì không bao giờ có phòng tắm. Nhưng họ có cách tắm ngay trong phòng ngủ, nếu cần. Mỗi gia đình đều có một cái thùng gỗ. Họ ngồi trong thùng, pha một chậu nước ấm để bên cạnh, rồi từ từ dội từng gáo nước lên người. Tôi học được cách tắm này trong thời kỳ ở trọ với gia đình Tàu.

Bọn chúng tôi , cũng như tất cả các anh em đã nhất quyết “ ra đi không vương thê nhi ..” chả nhẽ lại đi vương cái thùng tắm kè kè bên hông, thành ra khi muốn tắm, phải cẩn rắng chạy ra hồ, tắm xong, cẩn rắng chạy một mạch về nhà. Hàng xóm trông thấy phục lãn, cứ tưởng bọn này võ nghệ siêu quần, nội công thần sầu quỉ khốc, chả biết rét là gì .

Mỗi ngày, ăn điểm tâm xong, chúng tôi cuốc bộ ra thư viện học, Anh Hùng thì Châu chực ở Bộ Giáo Dục về việc giấy tờ cho chúng tôi chính thức vào Đại Học.

Hồi ở nhà, tôi chỉ biết ăn mà không biết nấu, tiểu thư mà lại! Bây giờ là người nữ độc nhất và đầu tiên của cả bọn, nên phải học nấu cơm với các anh. Đồ ăn thì thực giản dị. Ai cũng học thuộc lòng câu “ thánh kinh :” Muốn cao lương mỹ vị thì về nhà mà ăn” , nên không ai chê tôi nấu ngon nấu dở bao giờ cả. Vì tiền Tàu thật giá theo với tình hình quân sự , nên khi có tiền, chúng tôi phải tích trữ rau ăn. Chả có rau gì để dành được lâu bằng hành, nên trong bữa cơm bao giờ cũng có hành. Tôi cũng gắng tập đổi món: hành xào, hành luộc, hành nấu canh, nấu xúp, dưa hành.. Được phép nghỉ học một buổi, chúng tôi ăn Tết bằng cách đi xem thiên hạ sắm sửa. Chúng tôi cũng hòa mình vào với các làn sóng người đang đi mua bán như điên, để hưởng thụ cái cảm giác say sưa của Tết. Xem thiên hạ tiêu tiền xong, chúng tôi về nhà ăn Tết với nhau. Bữa cơm Tết có thêm một món mới hành trộn dầu dấm.

Chiều đến, ông Lũ, một giáo sư đại học, bạn của anh Hùng và cũng là một Mạnh Thường Quân của anh em sinh viên cách mệnh , đến thăm. Ông bà ở thực xa nhưng cũng chịu khó đi xe ba bánh đến , tặng cho chúng tôi một bao gạo và một số lượng khô. Chúng tôi nhất định làm cơm thịt ông bà. Các anh chịu khó tĩa rau muống ngâm nước cho nó cuộn cong, trông thực đẹp, để trộn dầu dấm làm món xà lách. Chỉ tiếc, ông bà cũng như tất cả những người Tàu cẩn thận khác, không dám ăn rau sống. Với người Tàu, rau gì cũng có một tính chất: hàn, nhiệt, độc, lạnh v.v.. Rau sống thuộc hàn, lạnh, rau muống cũng thuộc hàn, đã hai lần hàn, lại ăn vào mùa đông thì eo ôi, hậu quả không biết thế nào mà lường được !

Sau này tôi mới biết là đàn bà Tàu phần nhiều rất thạo tính chất của các món ăn hàn nhiệt, để chỉ huy sự “hàn, nhiệt” của các đấng trượng phu. Khi nào thấy các ông “ hàn” với mình quá, các bà chẳng cần phải điếm phần tô son gì cả, chỉ cần nấu mấy món “ nhiệt” là các ông thay đổi thái độ ngay. Và trái lại, nếu các ông “ nhiệt “ quá, thì trong bữa cơm lại thấy có những món canh, món hầm đặc biệt. Trên nguyên tắc thì các ông vẫn là chủ động, nhưng chính các bà là người chỉ huy, giật giây lúc nào thì các ông được phép “ chủ động” lúc ấy. Thực là tế nhị và hòa bình biết bao ! Nếu nghiên cứu kỹ lại thì chắc Hồ Ly Tinh ngày xưa trong truyện Liêu Trai, có lẽ cũng chỉ là những cô nương biết xử dụng các món ăn hàn nhiệt.

Cơm xong, anh Thành, một sĩ quan Việt Nam trong quân đội Trung Hoa. Mang đến cho chúng tôi một gói mút gừng, mút sen, trà Tàu, hạt dưa. Chúng tôi vớt vát lại, mời khách tráng miệng mút gừng, món nhiệt để cứu vãn cái hàn của bữa cơm rau đạm bạc. Anh Thành bảo chúng tôi liệu cuốn gói ngay đi. Chánh phủ cụ Tưởng sắp rời Nam Kinh đến nơi. Anh được lệnh chỉ huy một đoàn xe về Nam, sáng mai sẽ lên đường. Anh cho chúng tôi tháp tùng miễn phí.

Khỏi cần bàn cãi gì cả, chúng tôi sửa soạn xếp hành lý ngay. Cả bọn đã chuẩn bị bán đồ đạc từ lâu, nên khi quyết định đi là có thể đi liền. Tiền bán bớt hành lý đủ cho các anh, người thì đi xe lửa suốt, trực tiếp về Quảng Châu, người thì nghỉ xa xôi hơn, chạy thẳng qua Đài Loan trước khi chính phủ chạy, như thế, chạy một mạch, đỡ vất vả tốn kém đến hai lần. Đây là anh Toàn, người giàu nhất, có bà con tiếp tế từ Pháp sang đều đều.

Tôi và anh Hùng nhẹ túi nhất, nên theo anh Thành leo lên chiếc xe nhà binh. Ngoài tài xế, chỉ vợ con họ là được ngồi trong xe, còn tất cả những kẻ tháp tùng đều phải ngồi trên đồng thùng xăng, phụ tùng để sau xe không mui, tha hồ mà làm quen với nắng mưa sương tuyết trên con đường Nam tiến – nói cho đúng hơn, là Nam lùi.

## TẾT THƯỢNG HẢI

Đoàn xe lên đường lúc còn sớm tinh mơ. Đã là nhà binh, lại chạy loạn , nên hình như ai cũng vui lòng tập hợp đúng giờ, không hề nghe một lời phàn nàn, thở than. Trong không khí hốt hoảng vội vàng, các bà vợ tháp tùng theo xe chồng vẫn ăn diện như Tết. Điểm đặc biệt, là tay bà nào cũng ôm kè kè một cái bọc mà họ gọi là “ xám pao” (bọc quần áo). Cái bọc này, tôi chắc là dù có chết đến nơi họ cũng không thả ra.

Có tin Cộng-quân đã lần quét đầu đây, nên dân chúng mạnh ai nấy chạy. Họ ôm quần áo, heo gà, gồng con gánh cái, chạy ngược chạy xuôi. Họ nội chạy sang họ ngoại, họ nhà trai chạy sang họ nhà gái, nhưng chạy đi đâu cũng thấy có người chạy ngược lại về phía mình vừa mới bỏ đi, gây thành cái hiện tượng kiến trong miệng chén, và cái chén đang ở trên một lò lửa đỏ hồng. Đoàn xe vượt qua Tô Châu nhanh như chớp. Không ai nghĩ đến hoài tiếc, không thể đi chậm lại để thưởng thức một danh thắng, mà chỉ nghĩ đến vùng an toàn trước mặt.

Hùng và tôi ngồi trên đồng thùng xăng cao ngất ngưỡng lộ thiên, nên phải lấy chăn khoác thêm lên người để chống lại khí lạnh của sương mù. Nếu là thời bình, có thì giờ đi ngao du sơn thủy, thì thú vị biết bao.

Trước khi anh Thành đến “ bốc” chúng tôi đi, cả bọn đã biết là sẽ phải về Nam, anh Hùng đã phác họa chương trình đi bộ nếu cần. Chúng tôi đã sửa soạn hành lý chỉ vừa đủ trong ba lô, các vật dụng khác, chỉ giữ lại cái gì sức mình có thể mang nổi trên lưng. Anh đã chuẩn bị tinh thần cho tôi khá đầy đủ về cái chương trình “ Nam lùi” bằng chân, để tôi đỡ kinh sợ và chán ngán. Anh tưởng tượng ra nhiều cảnh lý thú mà chúng tôi sẽ gặp. Ví dụ như một cái quán trọ

bên đường trong lúc chúng tôi đã gần kiệt sức ... những cây cam dại trong rừng...

Tuy không có nệm êm, có cửa kính đóng lại ảm áp, mà phải ngồi trên mui xe phơi nắng gió, nhưng khỏi mang xách, khỏi phải lết chân lên đèo, lê ba lô xuống đèo, tôi vẫn cho là một sự may mắn tuyệt trần.

Suốt quãng đường dài, tôi tưởng như mình đang đi vào một bức tranh vẽ. Những bức tranh thủy mặc thần kỳ với những núi non trùng trùng điệp điệp. Mây trắng như tơ bao quanh chân núi, hoa vàng nở đầy trong rừng... Tôi nghĩ đến những truyện kiếm hiệp, tả cảnh “tầm sư học đạo”. Nếu người đồ đệ chí thành phải leo lên những ngọn núi ấy để tầm sư, thì ... eo ơi! Sư có tầm tôi thì tầm, chứ bố bảo tôi cũng không có sức mà tầm sư.

Cảnh thực đẹp, mà tôi không có lòng nào để thường thức khi thấy đám quân nhân xô gạt những bàn tay gầy guộc của dân chúng chạy theo hai bên bờ xe, kêu khóc, năn nỉ, níu kéo, xin lên xe quá giang một đoạn đường, nếu họ không lòi ra một đồng bạc trắng.

Đến Thượng Hải, anh Thành được lệnh đóng trong một tòa nhà lầu vĩ đại đang xây cất dở dang. Chủ nhà chắc biết thân biết phận nên đã bỏ chạy, lánh nạn đi đâu không biết. Mỗi đám vài ba người, chiếm một căn phòng nhỏ vôi gạch ngổn ngang, ở tạm. Đoàn xe tất cả 70 chiếc, phải sửa chữa, lĩnh đồ phụ tùng, xăng nhớt, nhận huấn lệnh v.v.. nên chắc còn phải chờ nhiều ngày mới xong, chúng tôi bắt đầu học vài câu tiếng Thượng Hải thông dụng để mua bán, hỏi đường nhờ bị lạc.

Không khí Tết ở Thượng Hải như có chất điên. Mọi người cuồng say vì Tết lẫn với loạn. Cái không khí loạn cũng như cái Tết bao trùm khắp nơi, không phải chỉ trước mặt hay sau lưng, không còn biết chạy đi đâu để mà tránh nó. Tết qua rồi, mà ai cũng còn hăng say ăn Tết, vì họ ăn Tết với cái ý niệm có thể là ngày mai ăn Tết với ông bà Tổ Tiên.

Chúng tôi góp tiền ăn với quân đội, nên đến bữa chỉ đi lĩnh, khỏi phải tự nấu. Cơm Tết có thêm một miếng thịt mỡ, ngoài món rau xào cổ hữu. Tôi nhường cho anh Hùng vì tôi không thích ăn thịt mỡ. Từ lúc bắt đầu cuộc “Nam lữ”, tôi ngạc nhiên thấy Hùng không buồn rầu thất vọng, trái lại, hình như anh vui vẻ khác thường, săn sóc tôi một cách rất chu đáo.

Suốt một năm trời nhìn anh đóng vai thầy, vai anh, vai cha, giờ đây anh mới để lộ con người tình cảm. Cái tình cảm anh cố vùng vẫy chống cự, che giấu. Lúc nào cũng làm cái mặt ta đây đảng trưởng nghiêm nghị, cứng rắn, không bỏ qua một cơ hội nào là không huấn luyện đàn em, nhất là tôi, anh còn bắt khoan bắt nhặt, thử thách nhiều hơn tất cả các anh em khác.

Tối đến, anh trèo lên nóc nhà, lấy giầy câu điện ở cột đèn, ngoài đường vào phòng. Thế là trong khi cả tòa nhà thấp đèn dầu leo lét, chúng tôi có đèn điện, lại có cả cái lò điện nhỏ dùng để sưởi và nấu nước trà nóng, còn phong lưu hơn tất cả các bạn đồng hành.

Trong ánh sáng, lò sưởi ấm, cạnh chén trà nóng, anh tạm gác bỏ vai trò đảng trưởng, hiền hòa ngồi chép cho tôi bài thơ Trường Hận Ca của Bạch Cù Di:

*Hán Hoàng trọng sắc tư khuynh quốc  
Ngự tự đa niên cầu bất đắc ...*

trong khi chờ đợi đoàn xe tiếp tục lên đường, chúng tôi ngày ngày đi xem phố và các Tô giới. Người trong thành phố đông như kiến, thực đúng như kiến, không ngoa tí nào. Tôi có cảm tưởng nếu có ai ngã xuống đất, thì chỉ trong chớp mắt sẽ bị dẫm nát ngay, mà không ai biết là

mình đã dấn lên cái gì. Họ đi ngược đi xuôi, mua đồ, ngắm phố, ăn cắp vặt, móc túi, giật ví ... đủ các mục đích.

Chỉ lơ đãng một tí là có thể bị cái làn sóng người ấy đánh giạt đi mất tầm mắt tích trong chớp mắt. Hùng sợ tôi bị lạc, nắm chặt tay tôi để kéo đi cùng một hướng. Và bắt đầu từ đây cho đến khi về đến nhà, suốt cuộc nhàn du, đi bộ cả một ngày trời, anh không hề thả tay tôi ra nữa.

Tối hôm ấy, Hùng bảo tôi:

- Em có biết là em sẽ phải hy sinh rất lớn không? Người cách mạng không bao giờ lập gia đình. Gánh nặng vợ con làm hại sự nghiệp. Anh đã nói nhiều lần cho em biết là hại như thế nào, hại về gì. Anh không cần nhắc lại nữa, vì em nghe đã chán tai, đã thuộc nằm lòng rồi. Anh muốn em tự quyết định lấy: em có chấp nhận hay không. Em sẽ đi bên cạnh anh suốt đời, tranh đấu bên anh mãi mãi, mà em sẽ không bao giờ mang tên anh, và tay em cũng sẽ không bao giờ đeo nhẫn cưới...

Trong trí tôi rũa thẳm:

- Tiên sư thằng cha nào nhồi sọ, đầu độc thanh niên Việt Nam với cái bài hát “ Ra đi không vương thê nhi...”

Nhưng mà thôi, đầùn đo, chi li làm gì! Đòi anh, đòi em, biết có ngày mai không ...

Thế là Tết Thương Hải, dù chúng tôi đã mua rượu Cao Lương hâm nóng và làm

một bữa tiệc đặc biệt nhất trong đời mình, nhưng một bữa tiệc như thế, trong một Tết phiêu lưu loạn ly như thế, thực không phải là một điểm ưu cho cuộc đời. Và giá có gởi thiệp mời ông Tô bà Nguyệt, cháu họ cũng không đến dự, vì lễ quá đạm bạc.

## TẾT QUẢNG CHÂU

Quảng Châu thất thủ.

Tất cả đám sinh viên ngoại quốc được hứa học bổng của chính phủ Quốc Gia đều rời trường để đi tìm đất lành: Đài Loan, Anh, Pháp, Nhật ... Họ là những người được chánh phủ của họ chính thức gửi đến, nên có tiền đi nơi khác. Còn sinh viên Việt Nam, đang lúc loạn lạc, không có chính phủ, tất cả đều đến lẻ loi, tự túc, nên chỉ có một số chạy được. Còn sót lại tôi và anh Minh.

Nữ sinh tức xá đêm 30 Tết vắng lặng lạ lùng. Phần đông sinh viên đều về nhà ăn Tết, chỉ còn những kẻ ở lại vì không biết về đâu. May mà tôi còn có được một việc làm ở trường để sống cầm hơi, chứ không thì cũng đến phải tình nguyện vào đội “ lạc hương công tác “ (về nhà quê làm việc).

Việc làm này là một đặc ân cho những sinh viên nào cần nhất. Điều kiện được chọn trong số hàng trăm sinh viên xin việc, là phải tứ cố vô thân, không có một bà con họ hàng nào cả trong khắp nước Tàu. Số tiên nhận được hàng tháng đủ trả tiền cơm và tiền tức xá, vào quỹ 25 đồng Hương cảng, độ 5 mỹ kim.

Mỗi sáng tôi dậy từ 5 giờ, đi bộ 25 phút đến nhà bếp để trông nom các “ đồng chí bếp” xay đậu nành, lọc rồi đun sôi thành sữa đậu nành cho sinh viên điểm tâm trước khi vào lớp. Sáu giờ

sáng, sinh viên lục tục đến bếp, đưa thẻ ra, tôi gạch một nét, đánh dấu để ghi sinh viên ấy đã lãnh phần mình rồi.

Bên ngoài trời sáng mờ mờ, sương mù dày đặc, nhưng tôi đứng trong bếp, không lạnh lắm. Không khí không có vẻ gì là Tết. Dân chúng đã kiệt lực vì các cuộc lạc quyền gần như hàng tuần của chính phủ mới, của đảng, của hội, của đoàn.... Sinh viên cũng kiệt lực, xác xơ vì cũng các cuộc lạc quyền ấy. Họ quyền đến cả áo quần và đồ đạc, bất cứ cái gì còn có thể dùng được. Sinh viên mở một phòng bán đồ cũ. Sinh viên cho, sinh viên bán, sinh viên mua. Đảng, Đoàn và Chính Phủ nhận. Sinh viên nào thi đua cho nhiều nhất sẽ được đề cao, tuyên dương cho những người khác bắt chước. Nếu sinh viên nghèo, không có gì để cho, thì có thể “ cho chịu”, nghĩa là cứ hứa trước rồi tìm cách nộp sau!

Xa xa, pháo nổ lẻ loi. Còn ai có tiền đâu mà mua pháo. Vớ lại, để lộ ra mình có tiền, thì đó là cách chết nhanh nhất.

Sáng mừng một Tết, tôi đang điếm tâm cốc sữa đậu nành phần của tôi thì anh Minh tìm đến bảo nhỏ:

- Có lẽ chị cũng nên đi thôi. Công tác chúng ta được làm này là của tổ chức sinh viên đạo Cơ Đốc. Nhóm này thuộc thành phần tôn giáo, bị coi là phản động nên đã bị giải tán rồi. Họ đã được lệnh ngưng tất cả các hoạt động cứu tế xã hội. Tháng sau, sẽ không còn sữa đậu nành. Và hai lát thịt lợn mỗi tuần để tăng gia doanh dưỡng cũng sẽ không còn nữa. Việc làm của chị, của tôi, cũng như của 38 sinh viên khác sẽ mất. Tôi tin là tôi, nếu cần, cũng còn làm được cái việc ăn no vác nặng, nhưng chị thì đừng nên đợi nước đến chân mới nhảy.

Tôi ngần ngại:

- Đi đâu bây giờ? Làm sao mà đi ?

- Tôi bán cây guitare rồi. Đủ tiền chị đi tàu thủy đến Macao. Rồi từ đấy, tùy cơ ứng biến. Nếu cần thì đi Hương Cảng. Tìm cách liên lạc với Hùng ở Thái Lan.

- Sao không đi thẳng Hương Cảng, có phải đỡ tốn hơn không?

- Đường Hương Cảng bây giờ kiểm soát chặt hơn nhiều. Cứ đi Macao. “ Cùng tắc biển, biển tắc thông” mà, còn nhớ không?

Đó là câu nói của Hùng, anh nhắc đi nhắc lại mãi câu nói ấy, mỗi khi chúng tôi

gặp sự khó khăn. Hùng lại còn hay nhắc đến ví dụ “ con tàu chạt” nữa. Anh bảo:

-Bất cứ tàu chạt đến đâu, cứ gắng leo lên. Đặt được một chân rồi sẽ đặt được cả hai chân, tàu lắc lư một lúc, là ta sẽ có chỗ ngồi, có khi cả chỗ nằm nữa.

Hùng cho là muốn đến một nơi nào, miễn là hãy đặt được chân đến, rồi đâu sẽ có đó, thế nào cũng có cách sống và phát triển công việc. Đúng hay sai, tôi không biết, nhưng những chỉ dạy của Hùng đã làm cho chúng tôi thành gan lì, không hề biết sợ nguy hiểm trước mặt. Cái kiểu “ điếc không sợ súng”, đôi khi cũng được việc, vì không có cách gì khác hơn.

Tôi vẫn còn ngần ngại:

- Thế còn anh ? Tôi chạy, để anh ở lại ăn đòn một mình à?

- Đừng lo! Tôi sẽ có cách. Tụi sinh viên trong lớp tôi là lớp Ngữ Ngôn Hệ, chúng nó không có tinh thần sát phạt đấu tranh như lớp Chính Trị Hệ của chị.

- Nhưng anh bán mất cây đàn. Sao anh nỡ ...

Anh Minh cười ngạo nghễ:

- Ôi chào, khi nào có tiền, tậu cây khác. Rồi mai đây, khối thằng chết đói đến nơi, chúng nó sẽ bán đồ bán tháo, thiếu gì!

Tôi tiếc cây Hạ Uy Cầm mà anh rất yêu quý, với cây đàn ấy, tôi đã có công dạy anh hai bài đầu tiên. Mỗi bài, anh tặng cho tôi một thang thuốc suyền, cái thuốc mà anh còn được gia đình ở Hà Nội thỉnh thoảng nhờ “ các chú” chuyển sang Hong Kong hộ một ít tiền.

Thực ra, chúng tôi cũng nhận thấy là mỗi tuần Ban Công An đều bắt chúng tôi khai đi khai lại các giấy tờ nhiều hơn trước. Tôi lại cũng được tin là chúng tôi sắp “ được” đem ra cho các bạn đồng học “ mổ xẻ xây dựng”. Đi là vừa.

- Nếu đi thì nên đi ngay. Đợi vài hôm nữa, ba con đồng chí chẳng tinh ở cùng phòng trở về, chúng nó kiểm soát tôi ngày đêm thì khó thoát.

Ngay hôm mừng một Tết, tôi ra bến tàu đi Macao. Đi với muôn nghìn bấp bênh

trước mặt, nhưng cũng không bằng những nguy hiểm tôi để lại sau lưng cho anh Minh gánh lấy một mình. Anh sẽ phải giải thích sự mất tích của tôi với các đồng chí cán bộ Công An.

## TẾT BA LÊ

Đây là một trong những cái Tết dễ thương. Ba chị em ở ba phòng liền nhau trên gác sáu của khu phố 14. Thằng em trai sắp ra trường thuốc nên được nhiều cô bạn chiều thương, được nhiều bà mẹ cơm gà cá gỏi đãi đàng. Lắm khi, các bà chị của nó cũng được tháp tùng những bữa tiệc làm quen.

Thằng em vốn nhát gan. Mỗi lần muốn chạy một đám nào, thì nó làm bộ còn sống trong gia đình phong kiến, sợ chị nó một phép, đổ tội cho chị nó, nói là “ chị không cho”, “ chị không bằng lòng”, “ chị bảo đừng gặp”. Tôi không ngờ mình có oai quyền đến thế. Một mình gánh hết tất cả mọi lỗi của thằng em, để bị các cô chửi toại bời, có nhiều cô, tôi thực chưa từng trông thấy mặt ngang mũi dọc bao giờ cả.

Cô em gái nghệ sĩ cũng khá nổi tiếng, không giàu nhưng muốn gì cũng có thể có được, cũng đủ tiền mua được một số gạo củi để cách đêm. Cái câu “ gạo củi cách đêm” này, tôi học được trong một bài thơ. Thi sĩ tự xưng mình sang trọng hơn Đế Vương, không thèm dùng đồ ăn hay cái gì cách đêm, kể cả gạo củi.

Dạo ấy, tôi viết “ Lá Thư Ba Lê” cho tạp chí “ Tân Phong”, thỉnh thoảng cũng nhận được một số tiền nho nhỏ. Mỗi tối, tôi lại đi làm cái việc “ Phong Vương Gia Miện” cho một hiệu ăn Việt Nam sang trọng, nên ngoài gạo củi, còn có thể mua nhiều thứ khác để cách đêm.

Cái trò Phong Vương, chỉ hiệu này có. Mỗi tối, sau khi cơm no rượu say rồi, thực khách ngồi

xem biểu diễn các màn giải trí, nghe đàn hát. Đúng 12 giờ, tôi đem ra một đĩa bài tứ sắc lật sấp. Đến mỗi bàn, tôi mời khách lấy một con bài. Trước đó, ông chủ đã định sẵn đại nhân vật nào sẽ được “ phong vương”, và tôi đã nấp sau màn nhìn thực kỹ, chỉ sợ ông ấy đổi chỗ ngồi, hay ai ngồi nhầm chỗ của ông ấy thì nguy to. “ Đại nhân vật” này có thể là một người nổi tiếng, người giàu sang, hay là người ăn nhiều tiền nhất tối hôm ấy. Phát bài xong, ông chủ giả vờ đi xem bài từng bàn, đến bàn đã định sẵn, ông hô hoán lên, làm như thật. Ông bà “ đại nhân vật” được mời lên khán đài, tôi làm lễ “ Gia Miện”, đội mão Vua và Hoàng Hậu và tặng một cặp khay áo sơ mi cho Hoàng Đế. Thợ nhiếp ảnh chụp hình, đàn sáo nhã nhạc. Vua và Hoàng Hậu, dù nóng gần chín người, cũng cố giữ bộ áo Long Phụng cho đến khi mãn tiệc. Hôm sau, họ nhận được ảnh “ Gia Miện”, họ sẽ đem khoe với tất cả các bạn bè, và như thế là đã quảng cáo không công cho hiệu ăn.

Làm được ít lâu, tôi thật quá mệt não với cái trò làm thế nào cho người được chỉ định phải bốc nhầm ông Tướng Vàng. Có nhiều người ngậy thơ, tưởng là cái trò may rủi thực, cứ từ chối con bài thiếu điều tôi đã dúi vào tay, làm tôi lo cuồng lên. Tôi đề nghị với ông chủ là khi xét đến bài của “ đại nhân vật” ấy, thì cứ hô lên là xong, bất cứ trước đó ông ấy bắt con bài gì cũng được. Ông chủ bằng lòng vì thấy tôi thực thiếu não. Từ đấy, ông thủ sẵn con Tướng Vàng trong tay, may mà ông cũng có tài làm trò quỷ thuật, nên tráo bài chưa bao giờ bị lộ tẩy. Công việc thành dễ dàng hơn, thần kinh khỏi bị căng thẳng lúc bốc thăm, tôi cũng không còn cho là một cực hình nữa.

Đêm 30, sau khi “ phong vương” xong, về đến nhà thì đã gần 3 giờ sáng. Trước khi leo lên 6 tầng lầu, tôi nhặt một vài thùng hoa quả bằng gỗ của các cửa hiệu vứt đầy hai bên đường, đem lên nhà. Những thùng gỗ này, tháo ra làm củi đốt lò sưởi rất tốt. Phải là người đã từng sống cuộc đời sinh viên bên Tàu mới biết quý từng mảnh gỗ vụn.

Ba chị em ngồi bên cạnh lò sưởi, tháo thùng gỗ ra đốt, nhìn lửa reo vui, nói chuyện mãi đến sáng. Tết này có bánh chưng, mứt gừng, mứt sen, có quà từ nhà gửi sang, lại có cả một vài lá thư chúc Tết của các bạn, làm cho tôi cảm thấy mối tình quê hương thật là huyền diệu. Và mối tình ấy, càng xa cách chỉ càng tăng thêm thương nhớ.

Tính lại số đời, sau ngày từ giả Việt Nam lần đầu tiên, đã mười mấy cái Tết. Mười mấy năm, bao nhiêu là nước chảy dưới cầu. Cuộc cờ đời, xóa đi đánh lại mấy lần, cho đến bây giờ vẫn còn một bao hành lý trên vai “ khăn gói gió đưa”...

Tôi gặp lại một trong những người bạn cũ từng đi bên cạnh Hùng ngày xưa. Bây giờ người bạn ấy là một nhân viên cao cấp của Sứ Quán Việt Nam. Anh cũng tay bồng tay mang như ai và hình như muốn tránh tôi, có lẽ để khỏi nhớ tới cái thuở hạt muối cắn làm năm làm bảy trong những ngày loạn lạc bấp bênh ở Quảng Châu.

Tết Ba Lê, các nhóm Tả, Hữu, Tiền, Hậu, nhóm nào cũng tổ chức hát hò, nhảy nhót ăn Tết. Ai có sức thì cứ đi ăn Tết với hết nhóm này đến nhóm khác. Tiệc xanh cũng thấy những nhân vật ấy, tiệc đỏ lại cũng những nhân vật ấy. Kết luận là cần gì xanh đỏ. Có Tết thì cứ đi. Đi cho vui, đi cho biết.

## TẾT LUÂN ĐÓN

Chỉ sống trong những nước Á Đông mới thấy nhiều màu sắc Tết. Ở các nước Âu Châu, nhất là những nơi người Á còn thưa thớt và sống rải rác, người ta phải tự nhắc nhở để nhớ ngày Tết, vì mồng một Tết ai cũng phải đi làm. Nhưng dù có quên Tết, dù có ăn Tết không long trọng, ai cũng cố làm một cái gì khác thường, và nếu không làm được cái gì cụ thể thì cái buồn vương

vấn nhớ nhưng nó làm cho thành khác thường.

Đêm giao thừa cũng như những đêm khác. Khi không sống chung với những người quê hương, thấy mình lạc lõng, bơ vơ kinh khủng. Tôi thèm thường được nói chuyện với một tri kỷ quen hương để chia sẻ cái cảm giác Tết quê người. Những tri kỷ ngoại quốc, chỉ “tri kỷ” đến một cái mức độ phổ thông tầm thường nào đấy thôi. Khi tiếng ngân của cây đàn tam hồn lên cao đến tuyệt đỉnh thì thấy các ông bạn tri kỷ ngoại quốc chới với ở đằng xa tít mù thâm. Tôi nhớ đến chuyện ông bạn lão tiền bối cách mạng kể lại hồi ở Hương Cảng: “Mình cao hứng, rung đùi ngâm mấy câu Kiều, tự cho là hay vô cùng, thì bà vợ Thượng Hải rít lên: Ông rên rỉ gì thế? Ôm đấy à? Thế là cụt cả hứng!”.

Bên cạnh người bạn đường đã “đồng sàng dị mộng” từ lâu, cuộc sống là một chuỗi ngày dài như bị hình phạt. Cái hình phạt ấy để trừng trị những kẻ coi rẻ cuộc đời, coi rẻ mình. Những kẻ lập gia đình trong cơn khủng hoảng tinh thần, trong khi cơn cô đơn tủi thân lên đến cực độ, trong khi muốn trả thù ai không biết, muốn tự hủy mình để làm đau lòng người khác, trong khi không đủ khả năng phán đoán sáng suốt. Những người coi lập gia đình như một canh bạc, cứ đánh bừa, không cần dùng đến trí thông minh, mà chỉ chờ may rủi, duyên Trời đưa đẩy...

Tết này, dù có hai mình, mà tôi cũng vẫn ngồi nhìn lò sưởi có một mình. Trong trí tôi phác họa một viễn ảnh khác. Mai đây, lại khăn gói lên đường, lại ra đi với một tương lai mù mịt. Lần này, tôi phải nghiêng rặng, cắn môi, cố thu lấy hết tất cả can đảm để đi đến cái tương lai mù mịt ấy, vì không phải tôi chỉ đi có một mình mà còn đèo thêm hai đứa con thơ.

## TẾT MỸ

Tôi ăn Tết đầu tiên ở Mỹ với “bà cô các cháu”. Bà chị sang Mỹ từ lâu. Chồng chết, bà sống một mình trong tòa nhà hai tầng. Tầng trên đẹp đẽ sang trọng, tầng dưới- hay đúng hơn là nhà hầm – có một phòng tắm, chỗ để máy giặt máy sấy, một cái tủ lạnh thứ hai để đồ ăn tích trữ và một cái giường cũ.

Tôi phải tha hai con đến nhà bà trong bước đầu tiên để chờ thẻ di trú, và cũng để cho phải phép. Mình đến cũng chả ai hoan nghênh, nhưng nếu không đến trước thì sẽ bị giận suốt đời.

Sau bữa cơm Tết đúng nghi thức, bà lừa ba mẹ con xuống phòng dưới ngủ. Phòng sát mặt đất, sàn xi măng, lại không có sưởi, nên lạnh buốt. Tôi không ngủ được, lên cầu thang định tìm nước nóng uống thì cửa cầu thang đã khóa trái lại bên trên. Định mở tủ lạnh xem có gì uống được không, thì vừa nhìn đến, tôi bỗng ngăn người ra. Cái tủ lạnh, lúc chiều hai con bé tò mò mở ra xem, tôi nhìn thoáng thấy bên trong đầy một tủ đồ. Có lẽ bà chị mua sỉ nguyên cả thùng nên để dưới này cho khỏi chật tủ trên. Bây giờ, tôi thấy một sợi giây xích to bằng ngón chân cái buộc quanh, có khóa xích lại ở cửa tủ cẩn thận.

Tôi không thể nhịn được cười, nghĩ thầm đến cuốn sách tên là “Một Nghìn Lẻ Một Cách Làm Nhục Kẻ Khác”. Nếu sách này tái bản, tôi xin ghi thêm cái mục xích khóa tủ lạnh khi có bà con đến thăm và ở lại.

Hai con bé ôm nhau nằm co quắp ngủ say. Tôi không biết làm gì cho bớt lạnh, dậy sắp hành lý để ngày mai tha con về miền Cali, ngày mai, tôi sẽ từ giả bà chị cô đơn, từ giả mưa rét Seattle, từ giả cái tủ lạnh có sợi xích sắt to tổ bố. Tôi tự dặn mình sẽ tìm nơi có nắng ấm, ít nhất là dù có đói cũng không đến nỗi rét.

## LẠI TẾT MỸ



17 cái Tết ở đất Mỹ, 17 năm làm thân con kiến để có kết quả ngày nay: tám ngàn phiếu dưỡng lão. Cái phần thưởng suốt mấy chục năm làm ngày làm đêm, lao tâm khổ lực để sửa soạn cho tuổi già. Người con gái bướng bỉnh, gan lì bạt mạng đi theo cách mệnh ngày xưa, bây giờ ngồi chờ lãnh lương hưu! Tôi chỉ thành công ở một điểm: không phải là một gánh nặng cho gia đình hay xã hội.

Những “đồng chí” ngày xưa “ra đi không vương thê nhi...” còn ai? Hùng đã quá sớm được các bạn tế bài “Chiêu Hồn Tử Sĩ” do chính mình đặt ra trong một chiến khu ở miền Nam Việt Nam. Một số bạn khác biệt tích. Còn lại một số sống sót và đã gặp lại được thì người nào cũng ề lửng ra gánh đầy mấy gánh thê nhi ...

Tôi không làm được gì hết, nhưng có ai làm được gì không? Có ai viết được trang lịch sử hào hùng nào cho đất nước không?

Tôi đã lăn vào canh bạc đời một thân một mình, giờ đây, canh bạc gần tàn, bước ra, cũng một thân một mình, với nhiều vết thương thặng trầm chí mạng và không ít bẽ bàng.

Bây giờ có ai hỏi tôi, nếu còn cơ hội làm lại cuộc đời, tôi sẽ thay đổi như thế nào, tôi đã có sẵn câu trả lời:

- Nếu được làm lại thuở còn cha mẹ, tôi sẽ không làm cho người đau lòng như tôi đã làm.

- Nếu được làm lại thời xuân còn xanh thì tôi sẽ liều hơn, sẽ sống cho trái tim nhiều hơn một chút, không để cho phần lý trí quá mạnh xía vào làm hỏng cả việc lớn.

- Nếu được làm lại khi con còn thơ bé, tôi sẽ làm việc ít hơn, để có nhiều thì giờ chia sẻ với con lúc chúng nó cần tôi nhất. Tôi sẽ không từ chối đánh cờ, bát phở với chúng nó, vì chỉ một thời gian rất ngắn, những đứa bé ấy sẽ lớn lên với vết hận được cha mẹ áp yêu chưa đủ.

Chỉ có một điểm, giá được sống lại thời gian ấy, thì tôi cũng sẽ làm lại y như thế

chứ không thay đổi gì cả, đó là quãng đời cách mệnh phiêu lưu, chạy vắt giò lên cổ, bữa đói bữa no mà thực có ý nghĩa và thú vị vô cùng. Và hơn nữa, cả đến bây giờ, nếu Hùng còn sống, thì tôi cũng sẵn sàng vứt bỏ hết theo anh tranh đấu, dù ở chân trời góc biển nào ...

Tết San Diego năm nay lại chỉ là một Tết tha hương cô đơn như tất cả những Tết tha hương cô đơn khác. Cô đơn một mình và càng cô đơn hơn trong những lúc ở chỗ đông người.

Có khác chẳng, là tôi không cần phải có, dù chỉ tấm màng mỏng để làm biên giới. Tôi chỉ ngược mắt nhìn ra xa, trong một thoáng giây, là tôi có thể lẫn vào vùng ảo ảnh tâm linh khác, cách biệt hẳn với tất cả mọi người, hồn tôi đã tách riêng ra ở bên kia thế giới vô hình.

Có khác chẳng, là cái Tết tha hương đã thành ra cái Tết lưu vong.

Có khác chẳng, là cái hẹn ngày về, cái hy vọng hồi hương, không phải chỉ cần một tấm vé máy bay hay con dấu chiếu khán xuất nhập cảnh là đủ. Rất có thể là phải có cả một sự hy sinh hàng vạn “vạn cốt khô” để cho những đứa con lang thang được trở về ăn Tết ở đất mẹ.

Buồn ơi là buồn!

\*\*\*



**Phụ đính:**

## Hậu hắc học

Chiều nay, một buổi chiều đặc biệt nóng bức khó chịu vô cùng. Tôi thấy buồn buồn chỉ muốn sinh sự với ai cho vui. Nhưng nhìn quanh không thấy một bóng ma, mà nếu có cũng không nạn nhân nào đáng chịu cái vạ vệt ấy. Tìm nguyên do, thì ra chỉ vì trời không mưa. Lỗi tại trời trách ai được! Tôi chỉ còn cách nằm lãn ra gạch bông lạnh, thấy cũng dễ chịu phần nào. Gạch mát, trời oi bức, gió hiu hiu, dễ ngủ lạ!

Trong lúc mơ màng, tôi thấy lòng lâng lâng, hồn phiêu phiêu. Hình như tâm tưởng muốn đi đâu là thấy mình ở ngay trong cảnh ấy.

Tôi thấy tôi bay lên không trung, viếng từng vì sao trên trời. Tôi đang bay lang thang, bỗng nhiên nghe ai gọi:

- Linh Bảo, Linh Bảo! Đi đâu phát phơ vậy?

Tôi quay lại nhìn, thấy một cụ già râu tóc bạc trắng, y phục theo lối cổ như người trong tranh Tàu, có vẻ tiên phong đạo cốt lắm. Tôi đang nghĩ ngợi, không biết đã quen cụ Ở đâu và bao giờ, thì cụ tiếp:

- Ghé lại đây chơi đã. Đệ tử gặp sư phụ, còn phải đợi sư phụ mời chào đến mấy lần mới chịu dừng chân hay sao?

Tôi thấy ngại ngại, ngập ngừng hỏi:

- Thưa cụ, con có học gì với cụ hồi nào đấy ạ? Trí nhớ con kém quá, xin cụ tha lỗi.

Cụ vuốt râu cười:

- Ta là Lý Tổng Ngộ Tác giả phát minh ra HẬU HẮC HỌC đây mà!

Tôi vội vàng vái chào, nói:

- Xin cụ tha lỗi. Con quả thực có đọc qua học thuyết của cụ, con rất bái phục nhưng vì chưa lãnh hội được hết những chỗ cao thâm, nên con không dám nhập môn bái sư.

Thấy tôi có vẻ định “rút lui có trật tự”, cụ cười:

- Thì hẵng ngồi chơi một lúc đã. Ta đến đây đánh cờ với Tây Vương Mẫu. Nay mai sẽ trở về động, để nghiên cứu thêm về các anh hùng hào kiệt cận kim. Bộ con tưởng dễ gặp được ta lắm sao?

Tôi rón rén đến gần, ngồi xuống một đám mây bên cạnh. Cụ gọi tiểu đồng đi lấy rượu Hoa Điêu mời tôi uống. Cụ hỏi:

- Sao? Từ hồi rời Trung Hoa đến giờ, chắc không có dịp uống rượu Hoa Điêu hâm nóng đấy nhỉ? Làm ăn có khá không?

- Dạ thưa cụ, cũng qua ngày nào hay ngày ấy

- Con dại lắm. Đã biết đến Hậu Hắc Học của ta, thì cứ gắng ngày đêm mài dũa, nghiên cứu. Lo gì không có ngày phát đạt.

- Bẩm cụ, con ngu quá, không lĩnh hội nổi. Có lẽ con không có tuệ căn.

- Ta biết hết. Con đọc đi đọc lại sách ta cả chục lần. Có nhiều chữ tự vị thiếu, không biết hỏi ai chạy lăng quáng như gà mắc đẻ, tội nghiệp quá, thôi để ta giảng sơ lại cho con hiểu.

Cụ tăng hắng lấy giọng nói:

- Con nghe cho rõ nhé. Hậu Hắc Học của ta phát minh hồi cuối đời nhà Thanh. Sau bao nhiêu năm nghiên cứu ta mới thấy rằng, thì ra Anh hùng Hào kiệt trong thiên hạ xưa nay sở dĩ làm được những chuyện kinh thiên động địa, là chỉ nhờ có hai điều kiện mà thôi: Ấy là MẶT DÀY và TIM ĐEN. Hậu là dày, Hắc là đen. Học là học thuyết. Vì thế nên ta mới gọi là HẬU HẮC HỌC.

- Dạ điểm này con hiểu.

- Kể những anh hùng trong truyện Tam Quốc, người thứ nhất là Tào Tháo. Sở trường của ông là tâm địa đen tối, nghĩa là độc ác. Tào Tháo giết nhà họ Lữ, giết Dương Tu, giết Đổng Thừa, Phục Hoàn, giết Hoàng Hậu, Hoàng Tử mà không hề ghê tay. Đã thế, lại còn nói thẳng ra: “Chẳng thà ta phụ người, còn hơn để người phụ ta”. Tim đen như thế, thật đã đến tột độ. Tào Tháo xưng hùng được là lẽ cố nhiên.

-

Kể đến nên công nhận Lưu Bị. Sở trường của ông ta hoàn toàn nhờ ở cái bộ mặt dày. Ông ta theo Tào Tháo, theo Lữ Bố, theo Lưu Biểu, theo Tôn Quyền, theo Viên Thiệu. Trốn bên Đông, nấp bên Tây, châu chực ăn ở nhà người ta hết năm này qua tháng nọ, vẫn không cho là nhục. Đã thế, Lưu Bị lại còn rất dễ khóc. Mỗi khi gặp việc gì khó giải quyết, ông ta bèn khóc một hồi là chuyện bại thành thắng. Vì thế, tục ngữ có câu: “Giang sơn của Lưu Bị nhờ khóc mà ra”. Đó cũng là một vị anh hùng có nhiều bản lĩnh. Lưu Bị sánh với Tào Tháo, có thể gọi là “Song tuyệt”. Vì thế, lúc hai người đối ẩm luận anh hùng, một người tim đen nhất và một người mặt dày nhất, Tào Tháo đã nói: “Anh hùng trong thiên hạ, chỉ có tôi với ông”.

Ngoài ra, còn có Tôn Quyền. Tôn Quyền với Lưu Bị là đồng minh, hơn nữa lại bà con, thế mà bỗng nhiên ông đánh phá Kinh Châu, giết Quan Vũ. Tâm địa độc gần bằng Tào Tháo, chỉ tiếc không độc đến nơi đến chốn. Xong rồi, ông lại xin hòa với Thục để biểu lộ cái mặt dày. Tôn Quyền với Tào Tháo sánh vai xưng hùng, có thể nói là chẳng ai hơn ai kém. Ông lại còn hàng Tào Tháo, xin được xưng thần, tuyệt giao với Ngụy, toàn là những việc làm rất “mặt dày” cả. Tuy tim ông không đen bằng Tào Tháo, mặt không dày bằng Lưu Bị, nhưng lại kiêm toàn. Vì thế, ông được liệt vào hạng anh hùng hào kiệt cũng đáng lắm.

Về sau, Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền đều chết cả, có họ Tư Mã nổi lên. Ta có thể nói là Tư Mã đã lĩnh hội được cái Hậu Hắc chân truyền của Tào Tháo và Lưu Bị. Ông ta có thể ức hiếp cô nhi quả phụ, độc như Tào Tháo, có thể chịu được cái nhục “khăn yếm”, mặt còn dày hơn Lưu Bị nhiều.

Lúc ta mới đọc sử, đến đoạn Tư Mã Ý chịu nhục, nhận khăn yếm, đã phải vỗ bàn mà khen rằng: “Thiên hạ tất sẽ về tay họ Tư Mã”.

Ta lại có thể lấy Sở Hán ra dẫn chứng:

Hạng Vũ là bậc anh hùng vũ dũng bậc nhất đương thời, thế mà phải chịu chết ở Đông Thành cho thiên hạ chê cười. Hàn Tín phê bình sự thất bại của ông là “Phụ nhân chi nhân, thất phu chi dũng”. “Phụ nhân chi nhân” tức là lòng nhân của đàn bà, không thể nhẫn tâm. Căn bệnh ở chỗ tim không đen. “Thất phu chi dũng” là cái dũng của kẻ thất phu, không chịu được tức. Căn bệnh ở chỗ mặt không dày.

Lúc Hạng Vũ và Lưu Bang cùng ngồi một chiếu, Hạng Vũ đã rút kiếm ra khỏi vỏ, chỉ cần hoa một lát lên cổ Lưu Bang là xong, thế mà ông ta bời hời không nỡ, để Lưu Bang thoát khỏi.

Trận Cai Hạ bị bại, nếu ông quyết định qua sông Ô Giang thì chưa chắc thắng bại về ai. Ông lại nói: “Hơn tám ngàn con em ở Giang Đông theo ta sang sông về miền Tây, chẳng còn một ai trở về, gia đình họ sẽ thương khóc con em của họ mà nghĩ đến ta, ta còn mặt mũi nào trông thấy ai! Ví dụ họ chẳng oán trách ta chẳng nữa, ta cũng thẹn với lương tâm”. Hạng Vũ bại là phải lắm. Đã nói “không mặt mũi nào nhìn ai” lại còn biết “thẹn với lương tâm”, thì còn làm ăn gì được nữa!

Trong lúc ấy thì Lưu Bang, cha bị quân địch bắt, dọa đem làm thịt, Lưu Bang thần nhiên trả lời: “Nếu có lược thì xin dành cho một bát nước xúp”. Con bị binh Sở đuổi bắt, ông nỡ đẩy con xuống xe giao cho địch. Về sau còn giết Hàn Tín, giết Bành Việt. “Chim hết bẻ cung, thỏ hết giết chó”. Tư cách như thế thì Hạng Vũ “Phụ nhân chi nhân, thất phu chi dũng” làm sao địch nổi!

Ngoài ra, còn nhiều nhân vật có thể dẫn chứng. Như Hàn Tín mặt dày chịu được nhục “bát cơm phiêu mẫu”, nhưng tim không đen nên bị thất bại. Phạm Tăng tim thật đen, nhưng mặt không dày, không chịu được tức, đến nỗi làm mất giang sơn của Hạng Vũ lại lụy cả đến cái thân già của mình.

Vì thế, con phải biết rằng: Trời sinh ra ta, cho ta cái bộ mặt, nhưng bề dày, may sao nó lại lộn vào bên trong. Trời cho chúng ta một trái tim nhỏ bé, nhưng cũng may làm sao, sắc đen của nó cũng ở bên trong. Bề ngoài tuy thật tầm thường, nhưng khảo sát cho tinh vi, thấy nó có thể dày đến vô hạn, đen đến vô cùng.

Muốn luyện thành một con người “Hậu Hắc” cũng không khó, miễn phải kiên nhẫn và phải qua ba thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất, là “ dày mà cứng, đen mà sáng”. Người “ Hậu” đã tinh thông, mặc dầu thiên hạ công kích đến thế nào đi nữa, cũng không hề động lòng. Lưu Bị là hạng này, cả đến Tào Tháo cũng đành phải chịu thua cái mặt dày của ông ta.

Người tinh thông “ Hắc” học, tim như một tấm “ lắc” đen bóng loáng, càng đen người ta càng đổ xô vào phục vụ. Tào Tháo là hạng người này. Ông đã nổi tiếng ác độc, thế mà danh lưu Trung nguyên đều một lòng quy phục. Đúng là tim càng đen thì chiêu bài càng sáng.

Đến thời kỳ thứ hai, tuy đã khá lắm rồi, nhưng vẫn chưa thành công vì còn để lộ hình tích. Cũng như Lưu Bị, Tào Tháo, mới nhìn qua, người ta xét đoán được ngay họ thuộc vào loại nào.

Thời kỳ thứ ba, là “ dày mà vô hình, đen mà vô sắc”. Người đã “dày vô tận, đen vô cùng” thì hậu thế vẫn có thể tưởng là không dày, không đen. Thế mới là đi đến tụyệt đích.

Nho-gia giảng Trungđưng, giảng đến “ vô thanh, vô xứ ” mới hết. Phật giáo cũng phải đạt đến “ bồ đề vô thụ, minh kính vô đài ” mới chứng quả. Như thế, Hậu Hắc Học là một học thuyết bí truyền từ thiên cổ, cổ nhiên phải đạt đến chỗ “ vô hình, vô sắc” mới hoàn toàn.

- Dạ, như thế là thành công sao?

- Chưa hết đâu con ạ. Còn phép cầu quan nữa!

- Xin cụ dạy nốt cho con hiểu.

- Nếu muốn làm quan mà không thuộc lòng “ Bí quyết cầu quan”; cũng như làm được quan rồi mà không biết phép “ Duy trì chức quan”, thì cũng vô ích.

Người cầu quan, trước hết phải biết rõ sáu chữ:

Rảnh Rang, Luồn cúi, Khoe khoang, Nịnh hót, Dọa nạt, Qùa Biếu.

1 -Rảnh Rang. Rảnh rang có hai nghĩa. Một là chỉ sự vụ. Người muốn làm quan, không được bận rộn một việc gì hết. Không làm thợ, không đi buôn, không làm ruộng, không học hành mà cũng chẳng dạy ai học. Phải rảnh rang để nhất tâm nhất trí cầu quan.

Hai là chỉ thời gian. Người cầu quan phải nhẫn nại, không được nóng nảy hấp tấp. Hôm nay không xong, đợi ngày mai. Năm nay chưa được, chờ sang năm.

2-Luồn Cúi . Nghĩa là chui luồn. Cầu quan, phải luồn cúi, điều này ai cũng biết. Nhưng họ chỉ mới biết đến trình độ có cửa thì chui mà thôi. Theo ta, nếu phải đợi có cửa mới chui thì hồng tộ Phải làm sao cho có cửa thì chui , mà không cửa cũng phải vào lọt. Có cửa sẵn, ta mở rộng thêm. Không có cửa, ta phá tường đục vách, làm cửa mới.

3 -Khoe Khoang. Khoe khoang cùng đi chung với khoác lác. Khoe có hai lối: khoe trực tiếp bằng lời nói và khoe bằng giấy tờ. Khoe bằng lời cũng chia ra hai loại: khoe lúc bình thường và khoe trước mặt quan trên. Gián tiếp là khoe trên giấy tờ như báo chí, truyền đơn, tạp chí, biểu ngữ, v.v... ..

4- Nịnh Hót. Trên sân khấu cải lương, lúc Nguyệt Công ra trò, những cử chỉ, dáng điệu, cách ăn nói của bọn này là gương mẫu.

5- Khủng Bố . Tức là dọa nạt. Chữ này nghĩa lý quá cao thâm. Cần phải nhấn mạnh: quan là một nghề rất đặc biệt, đâu có thể tùy tiện muốn cho ai cũng được. Vì thế, có người đã thực hành chữ “Nịnh Hót” chu đáo đến một trăm phần trăm mà vẫn không được làm quan. Đó là vì thiếu chữ “Khủng Bố”.

Làm người, ai cũng có nhược điểm và lỗi lầm. Khi tìm được nhược điểm của quan trên, ngấm thật đúng, khê điểm một huyết là quan hoảng hốt sợ hãi, lập tức tìm cho ta một chức vụ ngay. Nhưng người cầu quan phải hết sức khéo léo khi dùng hai chữ “Nịnh Hót” và “ Khủng Bố” kết hợp lại . Nghĩa là, trong nịnh hót có ý ngầm dọa nạt.

Trong mắt mọi người, thấy mình nói chuyện với quan thầy, câu nào cũng toàn là nịnh hót, tăng bốc, kỳ thực bên trong toàn là móc trái, đá ngầm, chỉ một mình quan thầy hiểu. Quan nghe đến đâu, mồ hôi toát ra như tắm đến đấy. Người giỏi nịnh hót, nói gì, người bên ngoài nghe câu nào cũng thấy toàn là chỉ trích các bề trên, nhưng các “ bề trên” nghe thật vui lòng, nở nang từng khúc ruột. Nhưng điều cần biết là dọa phải có giới hạn, nếu đi lỡ trớn, để quan thầy thẹn quá, nổi xung lên thì cũng hồng bét cả.

6- Quả Biếu là dâng lễ vật. Lễ lớn là tặng biếu tiền bạc, vàng, kim cương, ngân phiếu. Lễ nhỏ là món ngon vật lạ, đồ cổ xưa, mời nhậu nhẹt v. v. . . Người được tặng có khi là quan trên, có khi là kẻ tuy không làm chức gì hết nhưng có cách giúp đỡ mình được.

Sáu chữ này, nếu theo thực đúng, thì sẽ đem đến kết quả cụ thể là, một hôm, quan trên bỗng chợt nhớ ra lằm bằm một mình:

- Ông Z muốn làm quan, đã xin từ lâu (Rảnh Rạng). Mình với ông ta có đôi chút liên lạc (Luồn Cúi ) Ông ấy cũng là kẻ có tài (Khoe khoang). Ông ta đối với mình rất tốt (Nịnh Hót). Nhưng hấn cũng không phải tay vừa, nếu không cho hấn một việc làm, hấn sẽ làm bậy, có hại đến mình (Khủng Bố).

Nghĩ đến đây, nhìn thấy những lễ vật quà cáp chất đầy quanh mình (Quả Biếu), ông không còn biết phải làm gì hơn là ký giấy bỏ “đương sự” đi làm quan.

- Dạ thế là thành công rồi, phải không cụ?

- Chưa con ạ. Được chức quan rồi, còn phải biết giữ chức ấy nữa chứ.

- Thừa cụ, cho con nghe nốt.

- Phép giữ chức quan cũng có sáu chữ:

- Trống Rỗng, Cung Kính, Hách Dịch, Hung Àc, Điếc Đui. Hối lộ.

1) Trống Rỗng. Trống rỗng trong giấy tờ, báo cáo, diễn văn, tất cả. Điểm này ta không cần nói rõ phải trống rỗng như thế nào, con chỉ cần chú ý xem các diễn văn, thông điệp, báo cáo của các cơ quan, hội đoàn, báo chí thì hiểu rõ. Nghĩa thứ hai, là làm việc không nhất định một hướng nào. Có khi biểu lộ thật cương quyết, độc đoán, nhưng bên trong vẫn có đường ngầm, để nếu cần có thể thối lui rất dễ dàng, nhất là không bị liên lụy bao giờ

2) Cung Kính nghĩa là nịnh hót. Nịnh có hai thứ, trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp là nịnh ngay quan trên. Gián tiếp là nịnh thân thích, bạn bè của quan. Từ vợ lớn , nàng hầu, nhân tình, con cháu và

đến cả mèo, chó của quan nữa.

3) Hách Dịch trái nghĩa với chữ Cung Kính. Chữ này để đối với thuộc hạ hay dân chúng. Một là tỏ ra bằng giáng điệu oai nghiêm hách dịch. Hai là trong ngôn ngữ, tỏ ra ta đây tài giỏi hơn người. Chữ Cung Kính không nhất định đối với quan trên, vì có khi quan trên không trực tiếp nắm quyền sinh sát mình, thì không sợ. Cũng giống như thế, chữ Hách Dịch không nhất định đối với người dưới, vì nếu người dưới mà có quyền hay ảnh hưởng đến chức phận của mình, thì cũng phải đối ra cái bộ mặt cung kính đối với họ. Như thế, nghĩa là phải tùy hoàn cảnh, sử dụng cho khéo léo.

4) Hung Ác. Ta chỉ cần đạt đến mục đích, mặc kệ khác tắng gia bại sản, bán vợ đợ con. Nhưng, điều cần chú ý nhất, là bao giờ cũng phải phủ lên trên bộ mặt tàn ác một lớp vỏ nhân nghĩa đạo đức mới được việc.

5) Điếc . “ Chúng cười mặc chúng, quan ta, ta cứ làm”. Trong chữ Điếc này, lại còn bao gồm cả chữ Đui . Vì có khi thiên hạ chửi bằng báo chí chứ không chỉ chửi bằng miệng. Trong trường hợp này, ta giá Đui nhắm mắt không thèm xem.

6) Hối Lộ tức là ăn tiền. Mười một chữ trước đều sắp đặt để dọn đường cho chữ này: đối chiếu với chữ Biếu Xén. Đã có dâng lên thì phải có thu vào. Nhưng cũng cần phải biết món nào nuốt được, món nào cần nhả thì phải nhả, để khỏi mắc nghẹn.

- Dạ con hiểu rồi ạ.

- Đó là đại cương. Ai muốn học, phải tự mình tìm hiểu, nghiên cứu thêm cho tinh thông.

Tôi hỏi:

- Dạ thế còn đường lối làm việc? Con xin cụ chỉ giáo nhân thể.

-

- Có hai cách làm việc. Một là “ Phép Cắt Tên”. Hai là “Phép Vá Nổi”.

-

- Tên nghe lạ quá.

-

- Đúng lắm con ạ. Để ta kể cho con nghe: ngày xưa có một người bị trúng một mũi tên. Hắn ta đến nhà một vị lương y ngoại khoa xin chữa trị . Ông ta lấy dao cắt mũi tên bên ngoài, rồi tính tiền khám bệnh và chữa bệnh. Bệnh nhân ngạc nhiên hỏi:

- Ở kia, ông đã chữa lành đầu mà đòi tiền? Mũi tên vẫn còn ở trong người tôi.

Lương y trả lời:

- Tôi là thầy ngoại khoa. Tôi chỉ chữa bệnh ngoài dạ Còn bên trong không chữa được, bây giờ anh hãy đi tìm một thầy nội khoa mà xin chữa

-.

Đó là chuyện xưa, còn ngày nay thì cũng nhan nhản cách làm

việc như thế. Ví dụ, Trong một công văn nọ được viết:” Theo như lời của ngài thì tên X quả thực có tội, chúng tôi sẽ thông báo cho nha hữu quyền điều tra để nghiêm trị”. “ Quả thực có tội” là “ cắt tên”. “ Nha hữu quyền” tức là thầy nội khoa. Hoặc là “ sẽ chuyển lên thượng cấp định liệu”. “ Thượng cấp” đây là “ thầy nội khoa”. Và ví dụ, nếu có người nhờ ta làm việc gì, ta nói: “ Tôi rất tán thành ý kiến của anh, nhưng còn phải thương lượng với ông Z”. “ Rất tán thành” là “ cắt tên”. “Ông Z” là thầy nội khoa.

Có những trường hợp bệnh nhân chỉ được cắt tên mà không được mách bảo tìm thầy nội khoa, và cũng có trường hợp chỉ bảo tìm thầy nội khoa, chứ tên cũng không thềm cắt. Chính trị càng cao thì càng biến hóa huyền bí vô cùng vô tận.

Cách thứ hai là HÀN NỘI. Có một người mời bác thợ hàn nội đến nhà để hàn một cái nồi bị nứt. Bác thợ hàn vừa cạo nồi vừa bảo:

- Xin ông chủ cho tôi ít lửa để tôi nhen bếp hàn.

Trong khi chủ nhà quay lưng đi lấy lửa, bác thợ hàn khẽ đập nhẹ vào đáy nồi cho nứt nhiều thêm. Đợi chủ nhà đến nơi, bác nói:

- Ông chủ xem đây. Nồi của ông nứt dài thế này, nhưng vì bị bồ hóng bám đầy nên không trông thấy. Bây giờ tôi cạo sạch, mới lộ ra rõ ràng.

Chủ nhà kinh ngạc nói:

- Thật may quá, hôm nay may gặp được bác hàn giúp chọ Nếu đề?

Ít lâu nữa, chắc là sẽ phải bỏ cái nồi, không còn dùng được nữa.

Nồi hàn xong, cả bác thợ hàn lẫn chủ nhà đều vui vẻ mãn nguyện chia tay.

Cổ kim, đông tây, hiện đại cũng như trong lịch sử, nhan nhản đầy những chuyện Cắt tên và Vá nồi như thế. Hành động của cá nhân cũng như biến chuyển của quốc gia, suy luận một lúc là thấy rõ ngay thuộc về loại nào. Cũng có khi bác thợ hàn lỡ tay, đập vỡ nồi của người ta, rồi vá không xong!

Trịnh Trang Công dung túng cho Công Thúc Đoạn làm thực nhiều điều bất nghĩa, rồi mới cứ binh chinh phạt. Đó là phép vá nồi. Trong lịch sử, nếu ta lưu tâm nhận xét một chút thì nhận thấy rõ ngay.

Hai phép mầu nhiệm trên đây là một công lệ để làm việc. Vô luận cổ kim, đông tây, xưa nay vẫn rất thành công.

Quản Trọng là một đại chính trị gia Trung Quốc. Ông làm việc, không bao giờ ra khỏi hai luật này. Rợ Địch đánh nước Vệ, Tề quốc án binh bất động. Đợi đến lúc Địch diệt được Vệ rồi, ông mới làm nghĩa cử, hưng binh vắn tội Địch để cứu Vệ. Đó là phép vá nồi. Quản Trọng không trách Sở tiếm Vương hiệu, chỉ trách Sở không triều cống. Đó là phép cắt tên. Bởi vì lúc bấy giờ thực lực của Sở hơn Tề gấp bội, Quản Trọng xui Tề Vương đem binh đánh Sở, có thể nói là đập vỡ nồi để hàn. Đến khi thấy thái độ phản kháng cứng rắn của Sở, bèn cắt tên, bỏ qua chuyện cho xong.



Quản Trọng có thể đập thủng nồi, xong rồi vá lại, vì thế nên được gọi là kẻ anh tài trong thiên hạ.

Đời Minh, Lý Vũ Thần vây khốn Lưu Khấu, sau lại thả ra. Đó là định dùng phép đập nồi. Chẳng ngờ, Lưu Khấu mạnh quá, trị không nổi, nên bị nước mất, vua chết.

- Bẩm cụ, thế có ai dám làm trái công lệ này không?

- Có chứ. Nhưng làm trái thì phải thất bại. Vì trong khi ai cũng chỉ theo phép cất tên, và mình chỉ là thầy ngoại khoa, lại muốn nhổ cả đầu mũi tên ra, thì thất bại là lẽ cố nhiên. Chẳng hạn, Nhạc Phi muốn khôi phục Trung nguyên, rước Nhị Đế về. Nhưng khi ông vua đương kim có ý định chỉ nhổ đầu tên, thì Nhạc Phi bị hại ngay.

Đời Tấn, Vương Đạo làm thừa tướng, có giặc nổi loạn nhưng

ông không cho binh lính tiêu diệt loạn quân, mặc dầu trong khi ấy ông ta vẫn tỏ ra tận trung phò tá ngài vàng. Ấy là ông ta nuôi giặc để cho nhà Vua cảm thấy ngài vàng lung lay, cần phải có ông phò tá. Đó là giữ nguyên cả mũi tên không cất, để chờ thầy nội khoa. Cổ kim, đông tây, ví dụ rất nhiều, ta không thể nào nói hết được. Nếu con chịu khó suy luận thì thấy ngay.

Thấy tôi cứ ngồi ngẩn ra không trả lời, cụ dụ dằng hỏi:

- Con còn điều gì thắc mắc nữa không?

Tôi ngập ngừng:

- Dạ có. Con nghĩ rằng, nếu theo như lời cụ dạy, thì chả hóa ra đời đen tối lắm sao? Và những kẻ nào thành công trên đời, vô tình hay hữu ý, cũng đều là môn đồ của cụ cả?

- Con nói thế, tỏ ra con chỉ biết một mà không biết hai, và “Hậu Hắc Học” của ta, con cũng chưa đọc kỹ. Thôi, tiện đây ta cũng nói nốt cho con nghe

Thế giới lúc nào cũng tiến hóa. Hậu Hắc Học cũng phân ra

làm ba thời kỳ. Thời kỳ thượng cổ còn lộn xộn, không phân biệt “đen” hay “dày” gì cả, tất cả mọi người đều giản dị thật thà. Trong thời ấy, học thuyết của Khổng Mạnh đề xướng ra, rất thích hợp. Đó là thời kỳ thứ nhất.

Về sau, trí thức dân chúng càng ngày càng mở mang, trong đầu óc người ta, trăm mưu nghìn kế, biến hóa vô cùng. “Hắc” như Tào Tháo, “Hậu” như Lưu Bị, bấy giờ mới xuất hiện ra. Lúc ấy, dù Khổng Tử có sống lại, cũng vô ích mà thôi. Đó là thời kỳ thứ hai.

Hiện tại đã đến thời kỳ thứ ba Bọn người “Hắc” như Tào Tháo, “Hậu” như Lưu Bị, sinh ra càng ngày càng nhiều. Không những thế, nghệ thuật tinh vi của bọn họ, nếu Tào, Lưu trông thấy, cũng phải kinh hoàng. Cũng may là người thành công ít, kẻ thất bại nhiều. Và dù có thành công một thời, kết quả cũng vẫn đi đến thất bại.

Như thế là tại làm sao? Ta đã nói rồi. Vì đây là thời kỳ thứ ba, thời kỳ “Hậu Hắc” toàn thịnh của Tào, Lưu nay đã trở thành quá khứ. Người muốn THỰC thành công bây giờ, ngoài mưu trí thông minh xuất chúng, còn phải kiêm cái đạo đức giống như ở thời kỳ thứ nhất vậy. Kỳ thực, cũng không phải là trở lại thời kỳ thứ nhất hẳn, nhưng là một cái vòng tròn tiến hóa. Nghĩa là phải có cái tâm của Khổng Mạnh để thực hành cái thuật của Tào, Lưu, mới thích hợp với thời đại.

Vật gì hiếm có là vật quý. Thời thượng cổ, dân trí còn chất phác, không ai “Hậu” mà cũng chẳng có ai “Hắc”. Bỗng nhiên sinh ra một người đủ cả “Hậu” lẫn “Hắc”, tất nhiên người ấy không chế thiên hạ, giành phần thắng lợi về mình. Mọi người trông thấy thế, bèn bắt chước theo. Ai cũng thi nhau “Hậu Hắc” không ai trị nổi ai.

Thế rồi bỗng dưng lại nổi lên một người, không rõ là “Hậu” hay “Hắc”. Người này cố nhiên sẽ nổi bật hẳn lên về đức độ và tài năng, như thế cố nhiên sẽ phải được thiên hạ tín nhiệm, cảm phục, phần thắng lợi nắm chắc trong tay, không còn ai tranh được.

Ví dụ, cũng như trong thương trường, lúc ban đầu tất cả các gian hàng đều bán một thứ hàng tốt, giá rẻ cả, bỗng nhiên có một người bán lẫn hàng giả và xấu vào, người này bán đầu tiên, nên lừa thiên hạ được một số tiền rất lớn. Mọi người thấy thế đua nhau bắt chước, đến nỗi cả thị trường dần dần đều bán toàn hàng giả, xấu, làm cho khách hàng nghi ngờ, chán nản vô cùng. Thế rồi, bỗng có một nơi bán hàng tốt thật và giá rẻ thật. Khi thiên hạ phát giác sự thật thà của cửa tiệm này, tất cả mọi người đều đổ xô đến mua. Công ty này nhất định sẽ phát đạt và giàu to, vì đã được sự tín nhiệm của khách hàng.

Như thế là trong thương trường, cũng chia làm ba thời kỳ: thời kỳ thứ nhất là hàng tốt và đẹp mắt, thời kỳ thứ hai hàng chỉ đẹp mà không tốt, thời kỳ thứ ba, trở lại bên ngoài trông đẹp mà bên trong chất hàng cũng tốt nữa

Hậu Hắc Học của ta cũng biến hóa như thế. Môn đồ ta ai không có trí suy xét, không biết biến hóa theo thời kỳ, chỉ còn biết oán trách sinh không đúng thời chứ đừng oán trách ta giảng dạy không chu đáo. Con đã hiểu chưa?

Tôi thưa:

- Bẩm cụ, nhưng con là phận đàn bà con gái, có linh hội được Chính truyền của cụ cũng chẳng ích lợi gì. Con không thích và cũng không thể làm “anh hùng hào kiệt” như cụ dạy. Con chỉ ao ước quê hương được thanh bình, tâm hồn mọi người đều yên tĩnh và . . .

Cụ có vẻ giận, cắt lời tôi:

- Thật ta tiếc công giảng dạy con. Nam nữ gì cũng giống nhau. Học thuyết của ta thiên biến vạn hóa, ai linh hội được thì thành công tuyệt vời. Ta muốn giảng phép thành “Anh hùng Hào kiệt”, mà con chỉ nghĩ đến hai chữ bình an, rõ thật người đầu não thấp kém có khác! Thôi con về đi. Khi nào “tĩnh ngộ” rồi, lên sao Bắc Đẩu tìm ta, ta sẽ giảng Hậu Hắc Kinh cho mà nghe.

-

Cụ bảo tôi nhắm mắt lại. Cụ thổi một hơi nhẹ nhàng bên mang tai làm tôi thấy lạnh toát cả người. Giật mình tỉnh dậy, thì ra một giấc mơ dài.

Đêm đã sang canh.

Linh Bảo \_ Saigon 1958

## Mạn Đà La

Mạn Đà La một dược thảo có chất độc, từ xưa chỉ chuyên dùng như một vị thuốc tê. Mãi cho đến khi huyền thoại bắt đầu có thêm tên mới là Túc Tiên Đào, công dụng thứ hai mới được đời biết đến. Nhưng mặc dầu tên Túc Tiên Đào được gọi, phần đông người dùng vẫn không biết tên này vì sao mà có.

Huyền thoại xảy ra đúng từ năm nào không thể tra cứu, nhưng phỏng đoán vào khoảng sau nhà Tống.

Một hôm Hoàng Đế lâm triều, các quan văn võ đều quì trước đèn tung hô vạn tuế như thường lệ.

Đặc biệt hôm ấy có các Tân khoa vừa thi đỗ Trạng Nguyên.

Theo chế độ khoa cử ngày xưa, người đỗ Tiến sĩ cao nhất, gọi là Trạng Nguyên. Sau đời Nhà Tống, đổi thành ba Tiến Sĩ cao điểm nhất đều được chấm đậu Trạng Nguyên.

Hoàng đế trông thấy trong các vị tân khoa mặt mày thư sinh bình thường, có một vị mặc áo mào Trạng Nguyên khiêm nhường đứng lẫn vào hàng ngũ Cử nhân, Tiến sĩ đằng xa trông rất khô ngô tuấn tú nổi bật hẳn lên. Dáng dấp Trạng Nguyên cũng đặc biệt, thanh cảnh nho nhã, không giống người đàn ông thường. Nhìn Tân Trạng Nguyên như một con chim Phượng Hoàng đứng lẫn với bầy gà trống, nhà Vua vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, cố ý ban thưởng rất nhiều cho các Tân khoa.

Sau khi tất cả mọi người ra về, Vua truyền đòi Trạng Nguyên đến gần hỏi thăm gia cảnh, nhất là muốn biết chàng trai anh tuấn này đã có vợ hay chưa. Trạng Nguyên nghe hỏi có vẻ ngượng ngập, sợ hãi, trả lời rất mơ hồ.

Mặc dầu Trạng Nguyên tỏ ý rằng cha mẹ đã định “đôi bạn” cho mình rồi, nhưng nhà Vua hình như không cần tìm hiểu, cứ phán truyền ý riêng của mình:

- Tốt lắm, quan Trạng chưa có vợ, ta có Công Chúa con một đang kén chồng. Công Chúa rất nét na xinh đẹp, ta chọn Trạng Nguyên làm Phò Mã, Trạng nghĩ thế nào? Có ý kiến gì khác không?

Câu hỏi thật là thừa, còn ai dám phản kháng lệnh Vua. Ai có ý kiến gì khác cũng đành chịu. Lời của Vua là “Thánh Chi”, ý của vua là mệnh lệnh. Thế là quan Trạng Tân khoa đành phải tuân lệnh Vua làm Phò mã.

Lễ cưới Công Chúa cố nhiên rất huy hoàng với tất cả những lễ nghi phức tạp quan trọng của một vị Công Chúa.

Nhưng riêng Trạng Nguyên dù được làm Phò mã, sẽ kế nghiệp Vua, được ở một chức vị cao nhất sau Vua, cũng không có vẻ vui mừng chút nào. Phò mã buồn, nhưng không ai để ý đến. Tất cả mọi người, từ Vua, Hoàng hậu bá quan, quý tộc cho đến dân chúng, những ai nhìn thấy Phò mã cũng đều công nhận là Phò mã đẹp vô cùng, đẹp hơn bất cứ một tuyệt sắc giai nhân nào trong nước... Tất cả đều chỉ chú ý có thể và bàn tán mãi không thôi.

Cung điện của Phò mã ở ngay cạnh cung Vua, và cũng rực rỡ huy hoàng không kém. Sau khi nhận lãnh tất cả quà tặng, chúc tụng, Công Chúa và Phò mã được đưa về Cung để nhập động phòng. Nhưng có lẽ vì suốt ngày phải làm đủ các nghi lễ phiền phức mệt quá, nên vừa vào đến

phòng riêng là Phò mã lên giường ngủ say đến sáng.

Rồi không những đêm đầu, mà tất cả những đêm sau cũng không hề thay đổi.

Mỗi ngày, sáng Phò mã vào chầu Vua, chiều về đến phòng riêng là để nguyên cả quần áo giày vớ lên giường ngủ say.

Mấy tuần lễ trôi qua đều như thế, Công Chúa cảm thấy tủi thân vì tưởng Phò mã chê mình, nhưng ngượng không tiện hỏi. Công Chúa chỉ còn cách khóc với Mẹ.

Vua và Hoàng hậu biết chuyện “đôi trẻ” chưa hề hành “Chu công chi lễ” cũng rất khó xử, nhưng không biết làm thế nào.

Vua nghĩ mãi không có cách giải quyết bèn mời một vài vị quan thân cận vào cung để vấn kế. Các quan đến, một vị thay mặt tất cả hỏi vua:

- Tâu Hoàng Đế có lệnh truyền gì?

- Các quan có biết là Phò mã trong người có bệnh gì mà không được “mạnh khỏe” không ?

Các quan nhìn nhau ngẩn ngơ, lắc đầu. Vua biết là ai cũng không dám nói gì, sợ lỡ sai lời có khi mất đầu, nên Vua làm ra vẻ hiền hòa hỏi lại:

- Trong các vị có ai biết làm cách gì làm cho Phò mã lúc đi ngủ chịu cởi bỏ quần áo ra không?

Câu hỏi có vẻ rõ ràng hơn, nhưng vấn đề thật nghiêm trọng và tế nhị, nên vẫn không ai dám mở miệng phát biểu ý kiến về sự hiểu biết của mình.

Vua không biết làm thế nào, bèn chỉ định một vị lớn tuổi nhất, bắt buộc phải đề nghị một biện pháp để giải quyết tình hình bế tắc.

Vị quan già có vẻ sợ hãi, ấp úng hỏi lâu mới dám trả lời:

- Tâu Hoàng Đế, thần biết một cách có thể làm cho Phò mã thoát y, nhưng thần không dám tâu.

Vua nghe có cách làm cho Phò mã thoát y mừng quá nên hứa là ông có ý kiến gì cứ nói, dù thành công hay không cũng không tội vạ gì hết. Được hứa hẹn vô tội, vị quan già mới dám đưa ra đề nghị:

- Xin Hoàng Đế ban một đại yến đãi Phò mã. Trong lúc ăn uống xin cho phép thần ngồi gần sẵn sóc Phò mã, thần sẽ có cách.

Vua nghe vui mừng như cất được một gánh nặng, vội truyền dọn tiệc ngay tối hôm ấy để mời vợ chồng Phò mã. Còn vị quan già cũng lo về nhà sửa soạn phương thuốc đặc biệt gia truyền chỉ một mình ông biết, để sẵn thuốc vào ly. Đến giờ dự tiệc, khi Phò mã đến và có lệnh Vua truyền thưởng rượu, ông bèn rót rượu vào ly đặc biệt có thuốc cho Phò mã uống.

Tiệc tan, Phò mã ra về, đầu nặng, mắt hoa vì rượu say và được chất Mạn Đà La cũng phát sinh tác dụng. Phò mã thấy trong người nóng nẩy, bực bội không chịu được, bèn cởi tung cả quần áo lên giường ngủ thiếp mê man.

Công Chúa chỉ đợi có thể, thấy Phò mã ngủ say rồi bèn chạy đến gần giường, vừa nhìn thấy “chồng” nàng giật mình kinh hoảng. Thì ra, Phò mã là một mỹ nhân tuyệt đẹp.

Đêm khuya, cung điện vắng lặng. Công Chúa nhìn người “chồng” đang nằm ngủ trên giường cũng là đàn bà như mình, cảm thấy bị lừa dối nên giận dữ vô cùng. Nhưng sau một hồi suy tư, nghĩ mình bị số kiếp ác nghiệt trên đời như thế, nhất định là sẽ bị đem làm trò cười cho cả triều đình. Công Chúa vừa buồn giận, vừa tủi nhục chỉ biết nằm khóc, oán hận thân phận hẩm hiu lạ đời.

Mãi đến gần sáng, chất thuốc đã tan hết. Phò mã giật mình tỉnh dậy, thấy chuyện bí mật gái giả trai của mình bị phát giác, lại nhìn thấy Công Chúa có vẻ sát khí đằng đằng thì hoảng hốt, không kịp mặc áo, vội quì xuống chân Công chúa xin tha tội.

Đàn bà giả làm đàn ông để làm Phò mã là chuyện chưa từng xảy ra, nếu Hoàng Đế biết được thì tội “khi quân” là dối Vua sẽ bị chém đầu để làm gương cho dân chúng là cảm chắc.

Công Chúa giận sôi đến nỗi không nói ra lời, mãi hồi lâu mới hỏi được:

- Cô là ai? Một người đàn bà yếu đuối tại sao lại dám to gan giả trai lừa dối Hoàng Đế. Trưa hôm nay, đầu người chắc chắn là sẽ rơi xuống đất.

Phò mã nghe thế, hồn vía lên mây, run rẩy xin Công Chúa cho phép giải bày tâm sự. Nhìn “Phò mã” đau khổ kêu xin thành thật, Công Chúa thấy tội nghiệp, bèn cho phép “chồng” được trình bày lý do giả trai, thi đậu Trạng Nguyên và cưới vợ.

Sự thực, Phò mã nguyên là một gái quê, cô và chồng chăm chỉ học hành đã hơn 10 năm, quyết định năm nay chồng cô sẽ đi thi. Lúc sắp lên đường thì chồng cô bỗng bị bệnh nặng, thầy lang bảo hơn một tháng mới lành. Đôi vợ chồng trẻ áp ủ giấc mộng về kinh đô thi với những thí sinh giỏi nhất của cả nước để trở tài. Bây giờ cơn bệnh bất ngờ làm vỡ mộng, vợ chồng chỉ còn khóc và trách số phận không may. Cô vợ trẻ vốn rất thông minh và hiền đức, nghĩ rằng nếu cứ cả ngày khóc lóc oán trời trách đất cũng không ích gì, mà còn làm chồng buồn khổ hơn, bệnh có thể nặng thêm. Trái lại, nếu cô giải quyết việc thi cử hộ chồng thì hay biết bao! Quyết định xong, cô bèn cải trang thành đàn ông, lấy tên chồng nộp đơn xin thi Tiến sĩ, đầy lòng tự tin.

Trong suốt thời gian qua, cô vẫn học chung với chồng, cùng bàn luận tất cả những thắc mắc trong vấn đề học vấn nên bao nhiêu văn chương thi phú, kinh nghĩa cổ kim, cô đều thông thạo, chẳng kém gì chồng.

Cuộc thi kết quả, tên chồng cô xếp hạng đậu Tiến sĩ đệ nhất, được lãnh áo mào Trạng Nguyên và được vào châu Vua. Cô định tâm sau khi vào Triều tạ ơn Vua xong, sẽ đem áo mào về nhà tặng chồng. Cô sẽ làm bà vợ ông Trạng cũng đủ thỏa mãn và hạnh phúc tuyệt vời rồi.

Không ngờ sau khi lãnh yển, Hoàng Đế yêu tài mạo nên gả Công Chúa. Lệnh Vua không dám cãi, bây giờ dù sống cũng như chết, tội cô bị chém đầu cũng đáng, chỉ thương chồng đau, mẹ già ở quê nhà không ai săn sóc.

Cô nói xong gục đầu khóc nức nở rồi nói tiếp:

- Phận làm tôi, một là không được trái lệnh Vua, hai là sợ bị phát giác gái giả trai, mạo danh chồng đi thi, nên đành cắn răng mặc số phận an bài, và cũng vì thế nên sau khi làm Phò mã, đêm nào cũng tỏ vẻ như mệ như say, cứ để nguyên cả áo quần vờ ngủ mê man.

Công Chúa nghe cô Trọng Nguyên kể xong tình cảnh éo le, thái độ hoàn toàn đổi hẳn. Công Chúa không những hết giận, mà còn đâm ra kính phục, ái mộ tài năng của người đàn bà xinh đẹp và đáng thương. Công Chúa nói:

- Bắt đầu từ đây, chúng ta là chị em. Thôi, chị đừng khóc nữa, mặc quần áo Trọng Nguyên vào, em sẽ giúp chị xin Phụ Vương tha tội.

Hoàng Đế nghe xong câu chuyện, thấy tình cảnh éo le thương tâm cũng vui lòng theo lời xin của Công Chúa tha tội cho cô gái vừa hiền thực, vừa tài cao. Vua nhận cô làm con gái nuôi. Thế là tất cả thắc mắc, khổ sở, u uất bí mật đều được giải quyết một cách êm đẹp.

Mấy hôm sau, Nhà Vua hỏi vị quan đã có công giúp Vua phát giác bí mật:

- Khanh dùng thuốc gì quý giá mà có tác dụng thần diệu như thế?

Người thầy thuốc già không dám nói sự thật, vì thuở ấy, người ta chỉ mới biết đến Mạn Đà la là một vị thuốc rất độc, không thể trong uống được, chỉ có thể ngoài thoa mà thôi, phần nhiều để xoa bóp các chứng phong thấp, cước khí làm khớp xương đau nhức.

Thế nhưng ông quan già này có bản lãnh y dược cao thâm, nên biết được Mạn Đà La còn có thể dùng như một thứ ma túy. Ông sợ nói tên Mạn Đà La Vua không hiểu được sự linh diệu của thuốc mà nghi là ông muốn đầu độc phò mã, thì ông sẽ bị tội chết. Ông ngần ngại một lúc rồi trả lời:

- Tâu Hoàng Đế, đây là một thứ thuốc rất quý hiếm trên đời. Tên nó là Túy Tiên Đào, xưa nay rất ít người dám dùng vì không biết dùng đúng phần lượng.

Vua tin rằng đó là một vị thuốc quý, lại có cái tên cũng sang trọng, đã được dùng làm cô Trọng Nguyên phò mã, con gái nuôi của Vua say chết mê, thật là xứng người, xứng của. Vua rất vui lòng, nên ban thưởng cho ông quan già nhiều lễ vật.

Từ đó về sau, tên Mạn Đà La trong sách thuốc được kèm thêm một tên mới: "Túy Tiên Đào", và cũng từ đó người ta gọi những người đẹp say mê là Túy Tiên Hoa. Tên nghe thật kêu và thật lãng mạn.

Nhưng ở đồng quê Việt Nam, từ thuở xa xưa, người ta đã biết dùng lá cây ấy, cuốn lại hút như hút thuốc để dẫn cơn hen suyễn. Và tên nó xưa nay chỉ được gọi rất nôm na là Cây Cà Dược.

**DƯỢC THẢO MẠN ĐÀ LA (Datura Metel L.)**

Tên khác: Mạn Đà La – Túy Tiên Đào – Dương Kim Hoa – Cà Dược – Cà Độc Dược

Mạn Đà La khí ấm, vị cay, có nhiều độc. Cây thường mọc ở đồng hoang, góc vườn, bên vệ đường hay trước sau nhà.

Hoa, quả, cành, hái vào mùa hạ, rửa sạch, phơi khô để dành dùng làm thuốc.

Mạn Đà La có ảnh hưởng đến Phế kinh, trừ thấp khí, khu phong, có chất ma túy làm ảnh hưởng đến thần kinh, làm tê dại ngoài da, chữa ho hen, đàm suyễn, nôn mửa, giảm đau chỗ sưng nhức. Người bị bệnh suyễn đang lên cơn, dùng hoa khô, thái nhỏ cuộn như điếu thuốc mỗi ngày hút 2-3

lần. Cũng có thể dùng lá cuốn lại như thuốc, hút 1-2 gr. mỗi ngày.

Té ngã bầm dập, rấn cắn, dùng hoa tươi tán nhuyễn đắp vào chỗ bị thương hay dùng cành khô tán bột trị té ngã.

Mạn Đà La cũng được dùng nấu nước ngâm chân trị bệnh tê.

Người bị trúng độc Mạn Đà La phát chậm với triệu chứng miệng khô, da đỏ ửng, không đổ mồ hôi, nôn mửa, chóng mặt, cuồng dại.

Muốn cấp cứu, phải rửa ruột, uống nhiều nước, tiêm thuốc an thần.

Dù sao, Mạn Đà La vẫn được coi như một vị thuốc độc nên Trung Y dùng rất thận trọng và không bao giờ cho toa để tránh tai nạn có thể xảy ra.

## Hà Thủ Ô

Hà Thủ Ô là tên một vị thuốc bổ rất quen thuộc trong mọi gia đình, người xưa tin rằng Hà Thủ Ô có khả năng làm người già thành trẻ, tóc bạc lại đen. Tuy rằng để chứng minh, chỉ có một chuyện cổ tích rất ngắn, và không có nhiều chi tiết, được coi như huyền thoại, nhưng tất cả những sách được thảo đều có ghi lại vì đó là lý do vì sao vị dược thảo này được gọi là Hà Thủ Ô.

Sách thuốc cổ ghi rằng: “Hà Thủ Ô vốn tên Dạ Giao Đằng, sau vì có ông già họ Hà dùng lâu ngày, tóc bạc hóa đen và sống lâu hơn mọi người, nên được gọi là Hà Thủ Ô, có nghĩa là ông họ Hà có đầu tóc đen”.

Cây Hà Thủ Ô là loại cây leo hay dạ hợp, vì đem đến cành quấn vào nhau. Tên khoa học là *Polygonum multiflorum*, nghĩa là có nhiều đốt, nhiều hoa. Cây mọc lâu năm, thân xoắn vào nhau, lá so le, có cuống dài. Hoa trắng mọc chùm có nhiều nhánh. Mùa hoa tháng 10, mùa quả tháng 11.

Hà Thủ Ô mọc hoang ở rừng núi nhiều nhất là ở Giang Tô, Quảng Đông, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Phúc Kiến ở Trung Hoa và các tỉnh Tây Bắc và Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Hoàng Liên Sơn, Lai Châu ở Việt Nam.

Đến mùa thu hay mùa xuân, người ta đào về rửa sạch đất, cắt hai, hấp rồi phơi khô. Có nơi không hấp mà phơi ngay. Muốn có Hà Thủ Ô miếng thì đào về còn tươi đem thái ngay, hấp chín rồi phơi khô.

Có nhiều nơi luyện thuốc rất kỹ, hấp Hà Thủ Ô với đậu đen xong phơi khô. Khô rồi lại hấp với đậu đen và phơi lại. Làm như thế đến 9 lần. Hà Thủ Ô thành đen tuyền mới đúng gọi là Hà Thủ Ô chế.

Cho đến nay Hà Thủ Ô vẫn được dùng làm thuốc bổ thần kinh suy nhược, bổ huyết, khỏe gân cốt. Đối với phụ nữ, Hà Thủ Ô được dùng làm thuốc bổ sau khi sanh đẻ.

Ngoài rế Hà Thủ Ô, lá và cành còn được dùng đun nước tắm rửa, để chữa các chứng lở ngứa. Có thể phối hợp với lá ngải càng tốt.

Hiện nay tại các chợ có nơi bán một thứ rượu Hà Thủ Ô. Ve rất nhỏ và giá cũng khá đắt. Tại các quầy hàng dược thảo có bán Hà Thủ Ô đã chế luyện rồi gói trong giấy bóng. Có thể mua về tự ngâm rượu Hà Thủ Ô nguyên chất hay thêm vài dược thảo khác.

Ngoài ra lại còn một thứ Hà Thủ Ô trắng. Các vị Đông Y cho là công dụng cũng giống như Hà Thủ Ô đỏ. Cách chế biến và liều dùng cũng không khác.

### Rượu Hà Thủ Ô

Theo sách cổ Hà Thủ Ô có tác dụng bổ tinh, hồi xuân, phòng lão, tăng tuổi thọ, mạnh gân xương.

Dùng 150gr Hà Thủ Ô, 200gr đường phèn, một lít rượu. Cho vào bình đậy kín để nơi tối mát độ hai tháng. Chất thuốc tan vào rượu, lọc bỏ bã. Uống 1 hay 2 ly nhỏ một ngày. Rượu Hà Thủ Ô mùi vị không ngon nhưng pha lẫn với rượu Quế thì thơm ngọt, dễ uống hơn. Nếu cay nồng quá có thể pha thêm nước hoa quả hay nước để cho loãng bớt.

### Đơn thuốc bổ

Người yếu, thần kinh suy nhược ăn uống kém tiêu, dùng Hà Thủ Ô 10gr, táo đen 5g, Thanh Bì 2g, Trần Bì 3g, Sinh Khương 3g, Cam Thảo 2g, nước 6 chén. Sắc còn 2 chén, chia 3, 4 lần uống trong ngày.

### Bài thuốc Thất Bảo

Làm cho tóc râu tốt, khỏe gân xương, bổ tinh khí, sống lâu.

Hà Thủ Ô đỏ và Hà Thủ Ô trắng mỗi thứ 600g ngâm nước vo gạo 4 đêm ngày, cạo bỏ vỏ, dùng đậu đen đãi sạch rồi cho Hà Thủ Ô vào nồi hấp, sắp một lượt Hà thủ ô, một lượt đậu đen, xong bắc lên bếp hấp chín đậu đen, đem bỏ đậu, lấy Hà Thủ Ô phơi khô, rồi lại hấp với đậu khác, làm như vậy 9 lần. Cuối cùng đem Hà Thủ Ô sấy khô và tán bột.

Xích và Bạch Phục Linh mỗi vị 600g, cạo bỏ vỏ tán bột, đãi với nước trong, lọc lấy bột lắng ở dưới, nắm lại, tẩm với sữa phơi khô.

Ngưu Tất 320g, tẩm rượu một ngày, thái mỏng trộn với Hà Thủ Ô, hấp với đậu đen vào lần thứ 7, 8 và 9 đem ra phơi khô.

Đương Qui 320g tẩm rượu phơi khô.

Cẩu Kỷ Tử 320g tẩm rượu phơi khô.

Thỏ Ty Tử 320g tẩm rượu cho nứt ra, giã nát phơi khô.

Bổ Cốt Chỉ 100g, trộn với mè đen sao cho bốc mùi thơm.

Tất cả giã nát trộn đều thêm mật vào làm thành viên 0,05 g (bằng hạt bắp).

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 50 viên. Sáng dùng rượu chiêu thuốc, trưa dùng nước gừng và tối dùng nước muối (theo Tích Thiện Đường).

### Hà Thủ Ô Hoàn



Công dụng như bài “Thất Bảo” nhưng ít vị hơn:

Hà Thủ Ô 1.800g thái mỏng, ngưu tất 600g thái mỏng. Hai vị trộn đều. Lấy đậu đen đãi cho sạch. Cho thuốc vào nồi hấp, cứ một lượt thuốc, một lượt đậu. Hấp chín đậu. Lấy thuốc ra phơi khô. Làm như vậy 3 lần rồi tán bột. Lấy thịt táo tàu đen trộn với bột làm thành viên 0,05 g. Ngày uống 5 lần, mỗi lần 30 viên. Dùng rượu hâm nóng để uống thuốc (theo Hòa Tế Cục Phương).

Hà Thủ Ô Tán

Công dụng cũng như bài “Thất Bảo”.

Hà Thủ Ô cạo vỏ, thái mỏng phơi khô, tán bột. Ngày uống 4g vào sáng sớm, uống thuốc bằng rượu (theo Bản thảo cương mục).

Những phương pháp nói trên, chỉ ghi lại để thấy người xưa rất thận trọng việc làm thuốc. Và trong dân gian dù được dùng rất nhiều, không phải ai cũng có đủ kiên nhẫn và hiểu biết dược tính, để pha chế một thứ dược thảo bình dân, thông dụng khắp nơi, và khắp cả mọi giới như Hà Thủ Ô.

## Lỡ duyên

Tại sao cô Sâu Chiếu không bằng lòng kết hôn với cậu Trùn, và tại sao cậu Trùn không chịu cưới cô Chiếu, chim Họa Mi biết rất rõ ràng. Một hôm chim Họa Mi vui chuyện kể lại như sau: “ Ngày xưa, dưới một tảng đá kia có một cô sâu Chiếu rất xinh đẹp. Cô nổi tiếng thích làm dáng nhất trong vùng. Cô thường giải trí bằng cách ngắm nghía những bản chân nhỏ của mình không bao giờ chán mắt. Cô có đúng 1000 bản chân, nên cô bắt đầu ngắm từ tảng sáng, mãi cho đến hoàng hôn ngày hôm sau mới xong cuộc “ triển lãm” chân này. Nếu có người lỡ vô ý đạp nhầm một trong những bản chân của cô, cô sẽ giận dữ cuốn mình lại thật chặt và nằm vạ hàng nửa ngày chẳng thèm nói năng gì với ai cả.

Cách nhà cô không xa, có một cậu Trùn rất siêng năng cần mẫn. Cậu đào đất suốt ngày và xây rất nhiều đường hầm phức tạp ăn thông với nhau. Cậu sống bình yên, thanh nhàn và rất mãn nguyện trong tòa lâu đài đồ sộ chính tay cậu kiến trúc.

Suốt ngày cậu Trùn sống và làm việc dưới đất nên thân hình rất bóng, dài và mềm mại. Cậu nổi tiếng là đẹp trai và giàu có nhất vùng, vì thế nên làng trong xóm ngoài, những cô Trùn chưa chồng đôi khi vẫn mượn có trời nắng, tạt vào nhà cậu xin hớp nước, nghỉ chân một lúc, cốt để gặp cậu tán chuyện vớ vẩn, mong cậu chú ý đến mình, nhưng cậu vẫn chưa hề yêu ai.

Một hôm, sau một cơn mưa, cậu lên mặt đất hóng mát, tình cờ đi ngang qua nhà cô Chiếu. Cậu vừa gặp cô liền cảm thấy yêu cô ngay, và cô Chiếu cũng thế, cô thấy hình như linh hồn đã bị cậu Trùn thu hút mất. Cả hai cùng bị “ tiếng sét của tình yêu “ đánh ngay một lúc.

Ngày hôm ấy, cậu Trùn đi tìm bà Đế Mèn nhờ bà làm mối giùm. Bà Đế Mèn rất sốt sắng, lập tức đến nhà cha mẹ cô Chiếu làm quen. Bà tán rất khéo, nào là cậu Trùn đẹp trai, thông minh, siêng năng, thật thà, trung hậu, Cậu Trùn có một tấm thân mềm mại khỏe mạnh, có một sức làm việc bền bỉ kiên nhẫn, có những tòa lâu đài đồ sộ mệnh mông v.v... Cha mẹ cô Chiếu nghe thế vui mừng bằng lòng gả cô ngay lập tức.

Khi tất cả họ hàng Trùn biết tin cậu Trùn sắp cưới cô Chiếu đều vạ mình than thở và tỏ lòng thương hại cậu Trùn.

Một số bạn thân của cậu bảo:

- Thế thì chỉ có nước chết! Các anh thử nghĩ xem, cô Chiếu có những 1000 bản chân. Anh Trùn

rồi đây làm việc suốt đời cũng trả không xong những món nợ giày của cô ta!

- Cô Chiêu đã nổi tiếng làm dáng nhất vùng, cô ta suốt ngày chẳng chịu làm gì ngoài việc ngắm chân, đi đóng giày mới, nghĩ các kiểu giày xuân, hạ, thu, đông. Mỗi năm chắc cô ta phải thay đến mấy lượt giày. Cứ tính in ít thôi, chỉ 500 đôi giày thường, 500 đôi đi chơi phở dạo mát, 500 đôi đi mưa, và 500 đôi giày da rắn để đi dự tiệc là cậu Trùn nhà ta đủ phá sản!

Về phần các bạn của cô Chiêu cũng phản đối không kém. Một cô nói:

- Cậu Trùn thì có gì đáng cho chị yêu chứ! Người ngòm gì mà từ đầu đến đuôi chỉ một bàn chân cũng không có. Thật là một con quái vật!

Một cô khác thêm:

- Cứ tưởng tượng phải cắt may và giặt áo quần cho một con người vừa dài thườn thượt vừa xấu xí như cậu ấy thì chẳng thà chết đi cho xong! Thật là phí cả công trang điểm!

Những cô khác cũng kinh ngạc:

- Tội nghiệp cô Chiêu, từ nay cô ấy sẽ chẳng bao giờ được nghỉ ngơi nữa! Cô sẽ phải lau quét nhà cửa và giặt áo quần cho Trùn suốt ngày. Các chị phải biết rằng giống Trùn sống dưới đất bẩn thỉu lắm nhé. Mỗi ngày phải thay đến 10 lần áo là ít:

- Bộ thể gian hết sâu Chiêu hay sao mà lại đi yêu giống Trùn!

Cô Chiêu rất yêu cậu Trùn nên nghe các bạn nói thế thì khổ tâm vô cùng, và cô cũng không thể không do dự suy nghĩ. Trong lúc cậu Trùn đang ra sức xây dựng một căn nhà mới đẹp đẽ rộng rãi để làm lễ cưới, thì cô Chiêu đắn đo lo đến cuộc sống và trách nhiệm của cô sẽ phải gánh việc mai sau. Cô tưởng tượng sau này cô sẽ may những cái áo dài thườn thượt cho chồng, lại còn suốt ngày phải giặt, là, những bộ quần áo bẩn chằng thay ra. Cô nghĩ đến cô phải lo săn sóc trong nhà, làm cho gia đình được ngăn nắp sạch sẽ và thoáng khí, vì cô không quen ở dưới đất. Suốt ngày cô sẽ phải làm quần quật, lau chùi, quét dọn những tòa nhà vĩ đại, đồ sộ dọc ngang của cậu Trùn đã xây, đang xây và còn xây thêm nữa . . . Chao ơi, thế thì bỏ công trang điểm thực! . . . Còn gì là cuộc đời nữa! Cô sẽ biến thành một tên nô lệ bẩn thỉu, suốt đời bị nhốt dưới hầm, không còn được thấy ánh mặt trời, không còn được thở làn không khí trong sạch, thanh khiết, không còn tự do ca hát vui đùa, và nhất là không còn thông thả rảnh rang để ngắm nghía 1000 bàn chân xinh xắn của mình nữa!

Cô Chiêu nằm dưới hang trong kẹt đá ngấm nghỉ suốt một ngày một đêm. Cuối cùng cô nhất định từ hôn, mặc dầu lòng cô rất yêu cậu Trùn.

Khi cô Chiêu vừa quyết định xong chưa kịp tuyên bố, thì có kẻ đã mách trước với cậu Trùn.

Cậu Trùn nghe tin cô Chiêu xinh đẹp không bằng lòng kết hôn với mình, ban đầu cậu rất đau khổ. Cậu thất vọng tưởng chừng như có thể chết ngay được. Cậu quần quai dưới đất, nước mắt chảy ướt cả một gian phòng cậu đang xây. Nếu không cưới được cô Chiêu thì nhà to cửa lớn đối với cậu cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa! Cậu còn xây dựng làm gì và để cho ai ở chứ! Cậu như người mất hồn, không còn thiết tha đến làm việc hay ăn uống đến mấy ngày. Trong lúc nằm lịm đi trong đau thương, cậu suy nghĩ và dần dần nhớ đến những lời các bạn đã nói về cô Chiêu. Cậu nghĩ thầm: Thật ra thì mình chỉ có một cái xác nhà không chứ làm gì có tiền để mua cho cô ấy hàng nghìn đôi giày kia chứ! Mình trần thân trụi như mình mà dám cưới cô ấy thì cũng . . . mạo hiểm thực! Chiếm được một người không khó, cái khó là làm sao giữ được tâm hồn người ấy, làm sao cho người ấy yêu mình trung thành và vĩnh viễn. . . cậu thấy ngay một sự thật phũ phàng là cậu không đủ điều kiện để làm chồng một cô Chiêu xinh đẹp và xa hoa! Cậu tưởng tượng nếu cô Chiêu bằng lòng lấy cậu thì cuộc sống mai đây sẽ như thế nào. Sự sung sướng được sống chung với người yêu có bù được cái khổ của người yêu đem đến không. Người đàn bà sẽ gây hạnh phúc cho cậu hay làm khổ cậu. Một kẻ nghèo nàn như cậu liệu sắm được bao nhiêu đôi giày cho vợ! . . .

Nghĩ đến đây, cậu tỉnh hẳn người, và thử làm một bài tính giá tiền 500 đôi giày thường. Chỉ mới tính tiền giày đi thường thôi cậu đã phát hoảng lên, cuộn tròn cả người lại. Lúc cậu tính đến số tiền 500 đôi giày da rắn để cô Chiêu đi dự tiệc, cậu gần chết ngất đi. Cậu vận người kêu lên:

- “ Trời đất ơi! Hàng nghìn đô giày thì chỗ đâu mà để! Lại còn lúc cô Chiêu mang 500 đôi guốc đi lại trong nhà làm việc thì gian nhà sẽ như thế nào”. Cậu điếc tai lên mà chết. Cậu đã quen

sống yên tĩnh, làm việc một cách âm thầm dưới đất, cậu không chịu được một tiếng động âm ỹ nào . . . Lại còn những chủ tiệm giày suốt ngày ra vào tấp nập, nào là đo chân, thử giày, mang giày đến, đòi tiền giày v. v. . . và nếu cô Chiêu có bà con hay bè bạn đến chơi nữa thì ôi thôi! Hàng mấy nghìn đôi giày, guốc kéo let xet, lóc cóc, lách cách vang dội âm ỹ, lâu đài của cậu sẽ giống như một cái chợ cá tôm . . .Mới nghĩ đến đây cậu đã thấy mình là một người đáng thương nhất trên đời! Nhưng may mà cậu chưa cưới cô Chiêu về làm vợ! Cậu sực nhớ ra mình vẫn còn được quyền sống yên tĩnh như mọi bạn Trùn khác, cậu thở dài một cái, nhẹ hẫng người. Sung sướng như vừa trải qua một cơn ác mộng, cậu vội vàng viết thư cho cô Chiêu một bức thư từ hôn.

Cuộc hôn nhân của hai người thế là tan vỡ! Cả hai lại tiếp tục sống theo sở thích của mình. Cậu Trùn vẫn ở trong tòa lâu đài mê mông, vẫn yêu âm thầm, vẫn cô độc. Cô Chiêu vẫn an nhàn sống dưới hang đá lạnh lẽo, ngày ngày ngắm những bàn chân bé nhỏ xinh xắn của mình để giải trí. Thành thạo nhớ đến cậu Trùn, cô không biết nên mừng hay tiếc cho mối tình dở dang. . .

Thực ra cậu Trùn không hiểu rằng mặt dầu cô Chiêu có đến hàng ngàn bàn chân, nhưng cô chỉ đi chân không, chẳng bao giờ phải cần đến giày cả. Và cô Chiêu cũng không hề biết rằng tuy cậu Trùn làm việc suốt ngày dưới đất, cậu chỉ mặc một bộ áo quần và suốt đời không hề bẩn.

Cũng như những người nông nổi nhẹ dạ chỉ nhắm mắt tin theo những lời phê bình vô tội vạ của kẻ khác, họ đã để lỡ mất hạnh phúc suốt đời của mình, nhưng vẫn không biết đã mất mát những gì để mà tiếc thương!

## Cây chuối buồn

Ông Hải thức dậy lúc 9 giờ sáng, ngày nào đúng giờ ấy, nắng cũng như mưa. Đáng lẽ ông còn ngủ nữa, nhưng tiếng hát của ai ở phòng tắm bên cạnh, lẫn tiếng nước chảy rào rào, làm mất yên tĩnh buổi sáng, mất giấc ngủ nướng của ông. Ông Hải rất ghét mấy anh chàng lúc nào khác không hát, chỉ đợi vào buồng tắm mới hát, ý hẳn hát dở quá, không dám để ai nghe, phải đợi có tiếng nước chảy át đi, “ca sĩ” mới dám mở miệng.

Ngủ không được nữa, ông dậy thay áo để đi ăn sáng. Bắt đầu cuộc sống “Một ngày như mọi ngày” như lời ca sĩ diễn tả.

Ông Hải đã sống ở đây gần ba mươi năm nay, từ ngày cái phố Tàu của Cựu Kim Sơn còn thừa thớt vắng vẻ, cho đến bây giờ nhà cửa sát vách nhau, chen lấn chồng chất lên nhau, cả đến không khí cũng có vẻ khan hiếm. Một đám đông ngồi gần nhau tưởng như mình hít vào cái hơi của anh chàng bên cạnh vừa thở ra. Thế nhưng ông không muốn dời đi đâu hết. Thành phố này bây giờ là quê hương làng xóm, căn phòng trọ là nhà của ông, những người bán rau quả, các tiệm đồ chơi, đồ ăn, các chủ phòng trà, khách sạn, ông đều quen mặt biết tiếng hết. Trừ một ít du khách qua lại, những người sống lẫn quần ở Phố Tàu nhiều năm như ông có thể gọi tên nhau thân mật như bà con.

Cùng một lứa với ông, có những ông già bạn thân khác. Những A Wòng, A Ly, A Txần, A Yuun, mỗi ngày gặp mặt nhau nói chuyện gẫu. Nơi hội họp của các ông là phòng đợi của bất cứ khách sạn Tàu nào. Những khách sạn này phần nhiều mở cửa suốt ngày đêm. Ở phòng đợi ngay tầng dưới, ngoài vài thứ báo hằng ngày, còn có cả Ti vi cho mọi người xem. Các ông cứ đến ngồi đấy đọc báo, hết ngày này qua ngày khác, hết tháng này qua tháng khác. Sau khi nghiêng đến tờ báo của một khách sạn rồi, để thay đổi cảnh vật, các ông kéo nhau đến một nơi mới mở xem có gì lạ không. Lắm lúc chán báo các ông ngồi xem tướng tất cả những ai qua lại trên đường. Có người vội vàng, có người chậm rãi, có người đầy vẻ lo âu, có người vui vẻ thỏa mãn trào ra trên khóe mắt, nụ cười . . . Các ông xem tướng giàu sang, tướng vất vả rồi đánh cuộc với nhau, đếm xem có bao nhiêu bộ mặt quen . . .

Các vũ nữ thoát y, các nữ chiêu đãi đồng phục bikini, các diễn viên “ một mảnh”, “nửa mảnh” của thành phố Tàu ban đêm, dưới ánh mặt trời, các cô nương này cũng qua lại trên đường phố , cũng đi chợ mua rau mua cá về nấu cơm cho gia đình, trông họ lương thiện và quen thuộc như những bà vợ hiền.

Các ông ngồi đếm hết người lạ đến người quen không hề chán. Những hôm trời mưa, các ông chơi trò đánh cuộc xem ngoài cửa sổ có bao nhiêu giọt mưa rơi thẳng và bao nhiêu giọt rơi vương vào cửa kính.

Các ông cần cái phố Tàu này để làm quê hương, cũng như phố Tàu cần có các ông để làm cảnh vậy. Ông tưởng tượng giá phố Tàu không có các hàng hoa quả rau cải bày lan ra trên vỉa hè như các đường phố bên Tàu, cũng như không có những ông già rảnh việc như các ông, mũ ni che kín tai kéo sợi gió, hai tay ử vào nhau, bàn tay này thọc vào tay áo kia, đi thơ thẩn hết phố này sang phố khác, ngồi đọc báo hết phòng này đến phòng khác, đi uống trà hết tiệm trà này đến tiệm trà khác. Tất cả đều rất quan trọng, nếu thiếu bất cứ một thứ thì còn gì là phố Tàu nữa!

Ngày xưa, đã có một dạo, ông luôn luôn mơ ước ngày về nước, nhưng bây giờ . . . hết rồi. Ông cúi nhận số phận, ngao ngán đến nỗi không còn muốn thở nữa! Lắm lúc ông Hải cũng thấy nhớ quê hương một cách lạ lùng. Những lúc ấy, ông vội vàng mặc áo khoác, chông gậy đi tìm mấy ông bạn già, để khỏi chìm đắm trong nhớ nhung.

Quê ông Hải ở một làng nhỏ thuộc tỉnh Hàng Châu, nơi nổi tiếng gấm vóc, tơ lụa đẹp nhất nước Tàu, nơi có phong cảnh tuyệt vời như tranh vẽ, nơi có cái hồ to hai bờ trồng toàn liễu rủ, trong hồ hàng trăm du thuyền, bên hồ người dạo cảnh đông như hội, mộ thi sĩ Tô Đông Pha nằm ngay bên cạnh, tăng thêm giá trị lịch sử. Hồ là nơi gặp gỡ của giai nhân tài tử, nơi thề hẹn của những đôi tình nhân, nơi giải trí của cả gia đình, nơi thu hút du khách từ nghìn dặm xa xôi . . . Một nơi như thế, mà ông phải rời bỏ từ gần ba mươi năm nay rồi !

Người Tàu rất chịu khó đi làm ăn xa và giúp đỡ lẫn nhau. Nếu công việc khá hơn, thì dù có phải đến một nơi non cao nước độc, khí ho cò gáy, họ cũng không từ chối. Nếu thấy người bán xử chất phác lương thiện, buôn bán có lời, là họ chịu khó đem bà con bạn bè đến lập nghiệp ngay. Ba mươi năm trước, ông theo một số bạn bè đến Cựu Kim Sơn mở tiệm ăn. Ông ra đi với giấc mộng sẽ trở về với một túi vàng cho vợ con sung sướng. Nhưng ông không ngờ là có những giấc mơ chỉ để mà mơ thôi.

Ở Mỹ được vài năm, Trung Hoa đổi chủ. Đối với ông, nước Tàu vẫn còn đó là được, chính thể nào, ông không cần biết. Ông tưởng cứ lo làm việc để dành tiền, thì một ngày kia, nếu ông không về, vợ con ông sang Mỹ cũng vui. Ông đã bảo vợ ông nhiều lần nhưng bà không chịu đi, nhất định xin ông để bà ở lại lo tậu ruộng đất, sửa sang nhà cửa, xây lảng đắp mã thay cho ông. Ông muốn dưỡng già và chết ở quê hương nên tin bà, tháng tháng làm được bao nhiêu đều nộp cho bà hết. Những số tiền này, ông nhờ một ngân hàng trung gian tại Hongkong chuyển. Thịnh thoảng họ đưa tin giúp ông. Ông muốn về nước, nhưng vợ ông cũng không chịu, một hai bắt ông ở Mỹ, cứ cố kiếm thực nhiều tiền gửi về đều đều mà thôi.

Ông sống sung sướng với giấc mơ hồi hương đoàn tụ gia đình vợ con, cho đến khi một người bạn thân từ lục địa trốn ra được HongKong cho biết sự thực: vợ ông đã thành một cán bộ xã, và với số tiền ông gửi về hàng tháng suốt bao nhiêu năm, bà tậu được một ông chồng cán bộ huyện từ lâu.

Ông nghe chuyện, rầu rĩ bỏ hẳn ý định hồi hương. Giấc mộng mua nhà, mở tiệm ở Hongkong để vợ chồng tái hợp lập nghiệp dưỡng già, thế là tiêu tan theo mây theo khói.

Giờ đây, ông đã thành một ông già lắm cảm. Nhà hàng đã cho ông nghỉ để thuê những người giúp việc khác, trẻ trung nhanh nhẹn hơn. Có như thế, không khí trong nhà bếp mới hoạt động. Các cô nữ chiêu đãi mặc áo trắng ra vào tấp nập, gọi tên món ăn, treo mảnh giấy lên cái đinh trước mặt người bếp chính. Anh bếp phụ cất tiếng nhắc lại thực đơn. Tiếng hô tiếng đáp vang lên, thịnh thoảng lẫn đôi tiếng cười, mắt liếc. Đó là cách giữ các anh bếp chính, vốn là nguồn sống của tiệm, và để giữ các cô nữ chiêu đãi viên, cũng là nguồn sống quan trọng hơn. Rồi thịnh thoảng lại thấy một cặp nữ chiêu đãi và bếp chính từ già chủ nhân để thành chủ nhân của một tiệm nhỏ ở một thành phố hẻo lánh khác.

Ông cũng đã từng mơ ước như thế, nhưng bây giờ già rồi, mộng tàn trước khi thành hình. Ông ở trong một khách sạn nhỏ, chuyên cho thuê dài hạn ngay tại trung tâm thành phố Tàu này. Căn phòng ông đã thuê từ ngày xưa ngày xưa, nên giá tiền không lên nhiều, so với các nơi khác đã tăng hàng chục lần theo với giá sinh hoạt. Phòng ông không lớn, chỉ vừa để một cái giường, Ông đóng một mảnh ván mỏng ngăn đôi gian phòng, bên kia có một bàn ăn nhỏ, lò điện để nấu nướng và một cái tủ thấp đựng chén bát, đồ làm bếp. Muốn dùng phòng tắm hay rửa tay, phải ra ngoài hành lang, có phòng chung cho tất cả mọi người cùng một tầng lầu.

Những khách trọ khác phần nhiều có việc làm quanh quẩn ngay trong thành phố. Suốt ngày đi vắng, họ chỉ cần một chỗ đặt lưng từ đêm khuya đến sáng, nên không thuê nơi có phòng tắm riêng đối với họ không cần thiết.

Đồ đạc của ông Hải rất giản dị. Ông không có gì ngoài hai cái va li, vài bộ quần áo cũ, vài món đồ dùng nhà bếp. Vì thế, gian phòng tuy nhỏ mà đối với ông vẫn rất rộng và tạm gọi là đủ tiện nghi. Ông thích nhất xuống đến đường là phố, đi thêm vài trăm bước có thể gọi là chợ. Tất cả các hàng thực phẩm, quà bánh, hoa quả gì cũng có, mọi thứ bày la liệt, tràn cả ra ngoài hè phố, giống hệt một thành phố Tàu ở Tàu. Mỗi ngày, ông mua vài hào rau, vài hào thịt, thế là đủ lương thực tươi ngon trong một ngày. Nếu lười nấu, ông mua đồ ăn chín như thịt xá xíu, gà vịt quay, hay bất cứ món gì đã xào nấu sẵn, ăn tạm qua loa cho xong bữa.

Mỗi ngày ông dậy lúc 9 giờ sáng cùng tiếng hát. Nhưng có một hôm không phải là “ Một ngày như mọi ngày” . . . . .

Hôm ấy trời, mưa lâm lâm và âm u, không có nắng đẹp như những ngày trước. Ông thấy người ê ẩm, đầu nhức từng lóng tay lóng chân, đang ngần ngại không biết nên ở nhà nằm lì trong chăn hay dậy đi đọc báo với mấy ông bạn già, thì bà Thu gõ cửa. Thu đến tìm ông với một bức thư của một bà bạn cũ, quen với chị dâu Thu. Sợi giây liên lạc tuy có hơi lỏng lẻo nhưng khi người ta đến một xứ lạ, muốn tìm một chỗ đặt chân, sợi giây lắm khi còn vô lý và mong manh hơn nữa.

Sau khi đọc xong thư giới thiệu Thu mang đến. Ông Hải thấy khỏe hẳn lại. Ông nhanh nhẹn mặc áo toại, đội mũ, chống gậy dẫn Thu đến khách sạn Bách Lạc.

Ông được biết Thu vừa mới góa chồng, nàng vốn ở một tiểu bang khác, bây giờ dắt đưa con trai độc nhất xuống miền Nam tìm nắng ấm và tìm việc làm.

Ông vừa đi bộ vừa cất nghĩa cho Thu tình hình và cuộc sống ở phố Tàu. Lần đầu tiên ông cảm thấy mình quan trọng đối với một người, nhất là một người đàn bà trẻ và đẹp. Hơn nữa, người ấy đang cô đơn ở một thành phố xa lạ, với đứa con lên năm. Nàng cần chỗ ở, cần việc làm, cần sự giúp đỡ của rất nhiều người. Thế mà nàng chỉ biết có một mình ông, chỉ có thể hy vọng nhờ cậy được vào ông thôi. Ông thấy hãnh diện như một người hùng sắp xắn tay áo lên che chở giai nhân

Ông tưởng tượng ông sẽ giúp Thu tìm khách sạn ở tạm, rồi tìm nhà, tìm việc. Thu sẽ giữ cho Thu không bị ai lừa dối làm khổ nàng ở cái thành phố xa lạ đầy cạm bẫy và quyến rũ này.

Ông đưa Thu đến khách sạn Bách Lạc vì đó là một khách sạn gần nơi ông ở nhất và cũng là nơi ông thích ngày ngày đến đọc báo chùa nhất. Ông nói cho Thu biết khách sạn tuy cũ nhưng to lắm, giá tiền lại rẻ. Ngoài ra, có một điều đặc biệt, là phần nhiều du học sinh Đông Nam Á đều trọ ở đây khi họ phải chờ máy bay để đến nơi được huấn luyện hay về nước.

Trong khi ngày ngày Thu đọc báo tìm nhà, đi xem nhà và tìm việc, ông tự nguyện trông con cho Thu. Thấy Thu và con phải đi ăn tiệm tốn nhiều, ông đề nghị Thu mua đồ ăn đem về nhà ông nấu, như thế vừa rẻ vừa ngon hơn. Ông Hải nói đúng: cơm nhà nấu ngon thực. Ngày xưa ông Hải đã từng làm đầu bếp nên biết xào nấu rất khéo. Ông không cho Thu làm gì hết, bảo nàng cứ ngồi nghỉ, để ông nấu một mình, vì ông thích được trở tài như thế.

Một hôm, bé Tân vào phòng ông phá phách một lúc, chạy ra bảo mẹ:

- Bác Hải thế mà hư mẹ ạ.
- Sao thế con?
- Con thấy bao nhiêu là báo “ người ta không có áo quần “ trong phòng của bác.

Thu mắng con:

- Lần sau không được tò mò lục đồ của người khác, nghe không.

Thằng bé còn không chịu, phụng phịu:

- Tại sao con lượm báo có hình đó chơi thì không được, người khác thì được?

Thu phải dỗ dành con:

- Con lớn lên mới xem báo ấy được. Ai lại mùa đông mà không mặc quần áo, lạnh chết. Con có nhớ cái hình ba treo trong phòng ngủ ngày xưa không. Cô đó không mặc áo, mẹ sợ cô ấy lạnh bị cảm, nên phải quàng thêm một cái khăn voan bên ngoài.

Bé Tân nghe có lý nên thôi không cãi nữa, tìm trò chơi khác.

Trong khi Thu ngồi chờ cơm, nàng nhận thấy có một sự thay đổi trong phòng.

Mấy hôm trước, nhà cửa trông bẩn thỉu, bây giờ được quét dọn sạch sẽ. Nồi xoong được đánh bóng sáng loáng hẳn lên. Cả cái bàn ăn xiêu vẹo, cũ kỹ, long chân, hôm qua còn nham nhở mốc meo, bây giờ được trải một tấm khăn ny lông mới. Thu mỉm cười nhìn ông già đang lụm cụm nấu ăn. Nét mặt rắn rúm đầu khỏ già nua, cách đây ba hôm, nàng còn thấy những nét bơ vơ lạc lõng trong ánh mắt, thì giờ đây, hình như có một niềm tin vui tỏa ra.

Trong góc phòng, một cây chuối con trồng trong chậu cảnh. Cây chuối của xóm làng Trung Hoa là một thứ cây mọc tràn đồng, một trong những loại không cần săn sóc và có thể mọc ở bất cứ bờ bụi nào. Nhưng ở đây, cây chuối được cưng chiều, được nằm trong chậu sứ, được nâng niu như cành vàng lá ngọc. Cây chuối của ông Hải gầy gầy, lá nhỏ mong manh, trông thanh cảnh như một cô gái cấm cung. Ngày ngày, ông Hải tưới cho cây chuối một chén nước, mỗi tháng, ông cho bột chất bổ của cây vào nước một lần.

Những hôm trời âm u, nắng không xuyên qua cửa sổ vào phòng được, ông bưng cả chậu lên sân thượng tưới, đến tối phải nhớ đem vào kéo sợ sương lạnh ban đêm làm hại loại cây nhiệt đới.

Cây chuối tuy bé nhỏ nhưng trông già dặn như một cây lớn. Nó cũng có những bẹ khô xơ xác, như tà áo nâu tơi bời bao quanh những bẹ tươi non. Trong góc phòng, cây chuối chiếm một chỗ to rộng nhất, vì nó tượng trưng cho một bầu trời quê hương của ông. Cây chuối này, mấy hôm trước, lá đục mờ vì bụi, hôm nay, lá cũng được lau chùi sạch sẽ, bóng hẳn lên và trong sáng một màu lục như cẩm thạch.

Trong chốc lát, Thu thấy tội nghiệp ông già. Những hôm trời mưa, không đi xem nhà được, Thu ngồi yên lặng nghe ông kể chuyện. Hình như ai cũng có một chuyện đời bất công, uất ức để kể, miễn có người chịu nghe và có không khí thuận tiện để tâm tình. Bên chén trà nóng trong phòng trọ, ông già kể và nhỏ từng giọt nước mắt vào chén trà thơm mà không biết.

Chiều hôm sau, trong lúc Thu và ông Hải đang xem báo tìm nhà, tìm việc ở phòng khách của khách sạn, thì có một nhóm sĩ quan đi vào. Trông thấy Thu, họ dừng lại chào hỏi rất niềm nở.

Thu vui vẻ nói chuyện với họ, và hình như quên ông vẫn còn đang chăm chú xem báo trong một góc phòng.

Tối hôm ấy, Thu và con đi ăn cơm nhà hàng với các bạn mới của nàng. Ông biết bọn họ là sĩ quan ở Đài Loan mới sang, đang đợi máy bay để đi các khu huấn luyện. Ngồi một mình với các món xào nấu ở nhà, ông thấy nuốt không xuống. Cuộc đời niên thiếu của ông chỉ biết làm việc. Cuộc đời già nua ông đã quen sống với chua chát cô đơn. Trong mấy ngày gần đây, bỗng dưng xáo trộn hẳn lên. Căn phòng lạnh lẽo hiện ra bóng dáng của một người đàn bà đi ra đi vào. Bên bàn ăn nổi lên tiếng cười đùa, câu hỏi ngây thơ của trẻ con. Tất cả những thứ này đem hạnh phúc cho đời ông, và cũng những thứ này, thiếu nó, sóng gió nổi lên trong lòng ông.

Mấy người sĩ quan trẻ tuổi kia, mới quen Thu đã đưa mẹ con nàng đi đâu mất. Ông thấy lo sợ cho Thu. Không biết cái bọn đàn ông tinh ranh quỷ quyệt kia quyến rũ nàng đến chốn nào, nàng có bị dỗ dành, có bị lợi dụng không? Ông muốn nói cho Thu biết đàn ông là giống đáng sợ lắm. Họ nhìn đàn bà với cặp mắt ngưỡng mộ bên ngoài, với ý nghĩ chiếm đoạt bên trong, cùng một lúc sắp sẵn chương trình xa chạy cao bay . . . Ông cảm thấy cần phải giúp đỡ bảo vệ Thu như một đứa con gái của ông. Ừ, con gái của ông cũng trạc tuổi Thu, nếu nó lưu lạc sang đây, nó cũng có thể ở trong một khách sạn, và cũng có thể bị những chàng trai mặt mày sáng sủa nhưng tâm hồn

âm u quyền rũ. Ai sẽ bảo bọc, che chở cho con gái ông?

Ông Hải nghẹn ngào trước bát cơm còn nguyên, bỏ đũa, mặc áo khoác xuống phố tìm . Biết bọn Thu đi ăn, ông chỉ quanh quẩn mấy tiệm lớn có tiếng. Ông Hải đảo qua hai ba nhà hàng, nơi nào ông cũng bước vào nhìn khắp các phòng, nhưng không thấy Thu đâu cả. Đến tiệm trước kia Thu vẫn thích ăn cũng không thấy ông đâm lo. Mắt ông đảo dác nhìn quanh, chân này đá lẫn chân kia, cứ thế ông đi suốt mấy con đường bán thực phẩm và đồ chơi, quần áo. Lúc đi qua một tiệm rượu, ông chợt trông thấy bé Tân đứng chơi ngoài cửa. Mừng quá, ông chạy vội đến hỏi:

- Me đâu ?
- Me trong kia, đang mua đồ.
- Tối nay cháu ăn có no không, có ngon không?
- No, ngon lắm. Bác đi đâu đấy ?

Ông Hải lúng túng:

- Bác đi dạo một lúc trước khi đi ngủ.

Ông Hải đã định gặp Thu sẽ mắng Thu một trận. Sẽ nói cho Thu biết những cái nguy hiểm ở thị thành. Ai lại mới quen mấy người này, mà đã dám đi ăn, đi chơi phố la cà như vậy. Ông có nhiều điều cần phải khuyên bảo Thu lắm, thế nhưng bây giờ trông thấy Thu đứng trong tiệm, ông không dám vào gặp Thu, và ông cũng không nghĩ đến chuyện dạy bảo gì cả.

Ông tự hỏi ông là ai ? Ông là gì của Thu mà được dạy bảo và mắng nàng ?

Nếu ông là một đồng hương, thì những người kia cũng là đồng hương của Thu như ông vậy. Họ có thể trò chuyện hay mời Thu đi chơi, đi ăn. Thu muốn đi đâu hay làm gì, ông không có quyền cấm đoán can thiệp vào việc riêng của nàng.

Ông Hải đứng lui vào một góc, giả vờ xem các món hàng, để nhìn vào bên trong. Thu cầm hai chai rượu Mai Quế Lộ, đang cười cười nói nói với các bạn mới.

Ông Hải kinh ngạc đến cực điểm:

• Thu uống rượu ? Thu mà cũng uống rượu ? Thế này thì hỏng! Mấy hôm nay, mỗi bữa ăn, ông đều uống một cốc nhỏ để khai vị, hay nói cho đúng hơn, ông muốn tận hưởng hoàn toàn cái hạnh phúc đến bất ngờ với ông: cái hình ảnh mà suốt đời ông không bao giờ dám ngờ sẽ xảy ra – cái hình ảnh của một người đàn bà và một đứa trẻ con ở trong nhà. Vì thế, ông tự khao một cốc rượu nhỏ trước mỗi bữa cơm. Ông đã mời ép Thu nhiều lần, nhưng bao giờ nàng cũng từ chối. Giờ đây chính Thu mua rượu. Thu sẽ uống với ai? Bọn thanh niên chẳng? Ông thấy uất hờn dâng lên tận cổ, không biết những thằng ranh con kia, đứa nào đã xui giục Thu mua rượu, để rồi đêm nay sẽ chuốc cho nàng say ?

Ông theo bọn Thu về đến khách sạn, thấy Thu lấy chìa khóa ở bàn người thư ký, rồi bế con lên gác. Các sĩ quan mang xách hộ nàng những gói lớn, gói con. Họ theo nàng vào đến tận phòng. Ông Hải thấy chân tay bủn rủn, ông ngồi xếp xuống cầu thang, giả vờ mở một tờ báo ra đọc để chờ xem bọn kia bao giờ mới về.

Ông nhìn vào tờ báo mà không trông thấy chữ. Tiếng cười, tiếng nói vọng ra như những mũi kim đâm nhói vào tim ông. Bỗng dưng ông Hải thấy giận dữ. Ông đang sống yên tĩnh với cái làng xóm Phố Tàu của ông. Nguồn sống của ông là tiền già, cộng với chút vốn còn sót lại, ông giao cho một người bạn thân buôn bán chia lời. Mỗi tháng, người ấy đưa cho ông một số tiền nhỏ, đủ ăn tiêu và trả tiền phòng. Ông đã tưởng đời thế là hết sóng gió rồi. Không ngờ, chỉ trong mấy ngày, một người đàn bà xa lạ và một đứa bé con đã làm sóng dậy tất cả ham muốn và dục vọng ông chôn chặt từ lâu. Ông thấy ông có quyền được sống như mọi người, có quyền được sung sướng như mọi người. . .

Những cô nương, thái thái Trung Hoa ở đây, ai cũng sang trọng quá, kiêu kỳ quá. Ông nhìn họ như nhìn những nàng tiên hay những bà công chúa ở một thế giới khác. Một cô gái, dù không phải là dòng dõi thượng lưu, cũng vẫn kiêu kỳ. Dù chỉ là một cô hầu bàn, cô cũng có giấc mơ của một bà công chúa. Trong giấc mơ ấy, chàng Hoàng Tử đẹp trai là anh đầu bếp chính, nấu ăn khéo, khỏe mạnh, để một ngày kia cô cũng sẽ trở thành bà chủ tiệm như ai. Nếu là một cô thư ký, thì giấc mơ của cô cũng cao hơn các đồng sự bạn trai của cô nữa. Thứ “ đại trượng phu” như

ông, chỉ được coi ngang hàng với rơm rác.

Đời ông Hải chưa từng được nói chuyện lâu với một người đàn bà nào bao giờ. Dù lạ dù quen chẳng có ai rảnh rang để liên lạc với một ông già nghèo nàn, lẩm cẩm, ốm yếu như ông. Thế mà người đàn bà này đã ngồi nghe ông kể chuyện hàng giờ, hết giờ này sang giờ khác. Nàng không kiểng có bỏ đi lảng, không ngáp vặt, không nhìn trời nhìn đất, không lo ra. Người này nghe bằng tai, bằng mắt, bằng óc và cả bằng tim nữa.

Nhớ đến lúc ông đem từng bức thư của vợ ra đọc. Ông quá cảm động tim đập mạnh từng hồi. Thu im lặng và lắng nghe ông, như uống những lời tâm sự. Ông tưởng Trời Phật sai người đàn bà này xuống làm cho cuộc đời ông sáng lại, để đền bù những nỗi bất công ông đã phải chịu trong mấy chục năm trường.

Thế mà . . . nghĩ đến mắt Thu, đêm ấy ông Hải ngủ một giấc ngủ chập chờn hốt hoảng và đầy ước mơ lẫn với lo sợ.

Sáng hôm sau, khi ông Hải dậy thì đã mười giờ. Ông vội vàng thay quần áo đi tìm Thu. Đến trước khách sạn, ông thấy Thu đang đứng chờ tắc xi với một đồng hành lý ngổn ngang. Trông thấy ông, Thu chạy vội đến gần, mừng rỡ:

• Kia bác đã đến. Cháu tưởng bác còn ngủ, không muốn làm phiền bác. Định để giấy lại cho bác hay, rồi hôm khác sẽ trở lại thăm bác.

Ông Hải run rẩy hỏi:

- Các người định dọn đi đâu đấy?
- Cháu thuê được một tầng lầu ở dưới phố rồi. Hôm nay cháu phải đi sớm, kéo chốc nữa quá giờ, khách sạn sẽ tính thêm một ngày tiền phòng.
- Bà có cần tôi giúp gì không ?

Thu chỉ các sĩ quan:

- Thôi, không dám phiền bác. Có các bạn cháu đây nhân tiện sắp đi trình diện, mạnh tay, mỗi người giúp cháu mang vài món được rồi.

Ông Hải ngược mắt nhìn bọn con trai. Bọn họ trông khỏe mạnh thực. Người nào cũng cao lớn khô ngô, mặc quân phục chỉ vàng, chỉ bạc lủng lẳng đầy người.

Thu đưa cho ông một cái gói bảo:

- Cháu không biết mua gì biếu bác, có thứ này chắc bác thích.

Ông Hải đỡ lấy cái gói, không nói gì. Mắt ông nhìn quanh, đầy vẻ hờn oán và kinh ngạc, vì mọi việc xảy ra mau chóng ngoài sức tưởng tượng của ông.

Thu chia đồ đạc ra hai phần, các sĩ quan cùng đi ngồi hai xe. Trông họ mang xách gọn gàng và nói tiếng Anh nhanh như gió, ông Hải thấy tủi thân. Ông không được như họ, thì còn mong gì giúp Thu, dù chỉ xin đi theo để dọn đồ.

Một lần nữa, ông cảm thấy đời thực vô nghĩa. Sống vật vờ không gia đình, không tình yêu, không bà con họ hàng, không thạo tiếng nói bản xứ. Có quê hương nhưng sẽ không bao giờ được về.

Ông chỉ còn cách thu nhỏ mình lại, như một vật để làm cảnh cho phòng đọc sách của các khách sạn cũ kỹ, bám chặt lấy cái thành phố Tàu trên đất Mỹ này.

Thu đã lên xe, mọi người cùng đưa tay vẫy chào ông. Ông vẫy chào lại, mắt mờ đi. Chân ông run run, đầu gối mỏi như muốn gẫy gập. Ông ngồi bệt xuống vỉa hè, mở cái gói của Thu tặng ra xem. Bên trong có hai chai rượu Mai Quế Lộ, một cái áo len dày, một tá bút tất và một cái khăn quàng.

Ông cầm chai rượu dần mạnh xuống đất, giận dữ:

- Hừ, người ta trả công cho tôi như thế này sao?

Món quà đáng giá, đền công ông giúp đỡ, được rồi. Nhưng còn trái tim của ông, tấm lòng của ông, thì giá nào mà đền cho được!

Ngồi thẫn thờ một lúc, ông nhặt gói quà, ôm chặt vào lòng một cách âu yếm, đi về phía chợ. Ông định mua đồ nhắm, về nhà uống một bữa cho thực say.

Không làm khác được, ông muốn tự làm khổ mình để trả thù, mà cũng không biết bằng cách nào, trả thù gì và trả thù ai.

Về đến nhà, ông ngồi vội xuống bàn, lấy hai cái cốc đổ đầy hai cốc rượu, ông uống một cốc, còn một cốc tưới vào gốc cây chuối, thì thắm:



• Tao chỉ có mày thôi. Uống với tao một cốc cho vui.  
Uống hết, ông lại rót ra hai cốc rượu khác, nhấp nháp dần dần, và cũng đổ từ từ vào gốc cây chuối.

• Mày biết không ? Ai cũng bỏ tao cả. Tao không còn gì ở trên đời này nữa, trừ mày ra. Mày đừng đi đâu hết nghe không? Uống đi! Uống thêm vài cốc nữa với tao mới là bạn tốt chứ.  
Cứ thế, từng cốc, từng cốc, ông vừa nhấp nháp vừa đổ cho cây chuối.  
Khi ông Hải tỉnh dậy, thấy gian phòng mờ mờ tối. Ông không biết rõ là ngày hay đêm, mà cũng không muốn biết. Ông Hải thấy mình nằm vắt trên bàn, chung quanh, chai cốc ngổn ngang, dưới chân ông, cây chuối cũng bị ngã nghiêng. Cây chuối bây giờ không còn màu lục non xanh tươi nữa, lá nó xàu và thân cây mềm hẳn đi.  
Ông Hải dựng cây chuối dậy, vỗ về:

• Chết chưa, mày uống nhiều rượu quá! Mày say đấy à? Tại sao mày héo thế này? Mày buồn phải không? Ừ phải, mày buồn cho tao cũng được, nhưng nhớ đừng có chết nghe không! Mày buồn thôi, chứ đừng bỏ tao mà chết!  
Những tiếng cuối cùng, ông vừa nói lầm thảm, vừa nhổ cây chuối, bước vào phòng trong nằm vật xuống giường ngủ lại. Cây chuối, ông đặt nằm gối lên cánh tay ông, khe khẽ bảo:

• Đừng buồn nghe không! Thôi đừng buồn nữa, tao sẽ săn sóc mày . . . Đừng buồn nữa . . . nghe cưng... . . .  
Tiếng ông lẫn với tiếng ú ớ, rồi im hẳn.

Giọng hát của ca sĩ trong phòng tắm mỗi 9 giờ sáng như đồng hồ báo thức lại văng vẳng vang lên. Nhưng không biết giọng ai đó có còn ma lực hấp dẫn dục ông Hải thức dậy để tiếp tục cuộc sống " Một ngày như mọi ngày " nữa không.

## Cái thang

Đã ba hôm trời mưa tầm tã, Trang không còn thấy thích thú vì cái giếng nước trong vườn đã gần đầy lên đến miệng nữa. Trời xám xịt và đất thì mỏng mỏng những nước. Cả nhà cứ nhắc mãi trận lụt năm trước: " Nước vào trong nhà đến năm tấc và làm hư bao nhiêu là đồ đạc!".

Tân mách chị:

Chị ạ, hai đứa em không phải đi học. Cả ngày chỉ ngồi trên giường cao xếp thuyền giấy thả chơi vui ghê! Được nghỉ học những năm ngày.

Mẹ Trang phàn nàn:

-Lúc nước bắt đầu rút là phải quét liền, không thì bùn đọng lại khó rửa sạch được. Năm ấy có ai ngờ là nước lại vào đến nhà. Mẹ đang ngủ đến nửa đêm thức dậy thấy guốc dép nổi lênh bênh trong phòng cả rồi!

Mấy hôm nay tuy chưa hẳn là lụt to nhưng chợ không họp nữa nên trong bữa cơm không có thịt cá rau tươi, chỉ có cá kho, mắm, muối sả, cá hộp kho lại. Trang bực mình vì phải là tã cho con. Mà con bé Li Li cứ lúc nào trời mưa là tã ướt gấp đôi những ngày nắng ráo, thế mới khổ mẹ nó.

Đến sáu giờ tối nước mưa xuống không chảy đi đâu được nữa. Tất cả các cống rãnh thông nước đều tràn đầy lênh láng khắp vườn. Chảy không kịp, nước đọng lại trong sân. Một lúc sau nước trong sân cũng không phải chỉ là nước mưa vì tất cả các ao hồ lân cận cũng lên cao tràn thêm vào. Nước lên dần dần từng bậc thêm, rong rêu ở các hồ nổi trên mặt nước lùa vào từng đám.

Trang bắt đầu thấy lo ngại, chạy hết chỗ này đến chỗ kia khắp các thềm nhà để xem chừng mực nước. Mưa vẫn tầm tã không ngớt, trời ảm đạm mờ mịt không cho ai một tia hy vọng gì.

Lúc trời tối hẳn Trang bắt đầu dọn đồ đạc lên nhà trên ngủ vì phòng của nàng thấp nhất nên nước vào trước.

Mẹ Trang bảo:

-Làm gì mà cuống cuống lên thế? Thì cũng như năm trước, hay quá lắm là gặp đôi chữ gì, đã chết ai!

Mẹ Trang có vẻ bình tĩnh lắm, bà dục mọi người đi ngủ, bà cũng ôm bé Thu, con của em gái Trang, mới chập chững biết đi, ru hời ru hởi như mọi đêm.

Trang đang ngủ bỗng giật mình thức dậy lúc 12 giờ khuya, nàng tưởng như mình đang ngủ đò, chung quanh giường nước mênh mông và sóng vỗ chộp chồm. Trong tiếng mưa đổ rào rào dữ dội xuống mái ngói, từ xa vọng lại những tiếng kêu cứu, kêu đò, tiếng gọi nhau đủ các thứ tiếng không phân biệt được. Trang chỉ biết tất cả các thanh âm ấy hòa lẫn thành một tiếng kêu thảm thiết lẫn trong tiếng mõ đồ hồi liên thanh.

Trang hoảng hốt đánh thức Lạc, người ở gái, dậy cùng nàng khênh một chiếc chõng tre đặt lên giường, bế hai con nằm xuống. Xong nàng đến phòng bên cạnh gọi em Tân và Tấn. Hai đứa bé nằm cong queo ngủ ngon lành, không biết tấm phản chúng đang nằm sắp sửa nổi lên mặt nước.

Mẹ Trang cũng đã thức dậy, bà xếp dọn một ít đồ đạc và rất bình tĩnh:

-Không sao đâu con ạ, nhà mình ở cao nhất xóm. Nếu vùng này mà ngập thì quanh đây còn ai sống nữa!

Đồ đạc trong tủ bà chỉ dọn từng dưới lên từng trên.

Ở nhà giữa, anh Bê, người con nuôi ở với gia đình Trang từ bé đang cẩn thận xếp dọn những chồng sách của ba Trang lên mặt bàn: Ba Trang chỉ huy việc dọn dẹp:

-Sách từng thấp trong tủ lớn tạm cho lên trên bàn. Đồ đạc trong tủ dời lên từng cao nhất. Sách tủ thấp phải dọn lên tủ cao, sách mà ướt là không có giá trị gì nữa!

Cô Tư cũng đã thức dậy, cô ngồi trên giường ông, co cả hai chân lên giường, mồm ngậm điều thuốc Cẩm Lệ to tướng. Cô không dám nhúng chân xuống nước, vì nghe người ta nói đang có chữa, lợi nước bạc sẽ hư thai.

Thấy Trang lảng xảng lợi lên lợi xuống khắp nhà mẹ Trang gắt:

-Trời ơi, con có chịu ngồi yên một chỗ cho mẹ nhờ không? Đẻ mới dậy chưa đủ trăm ngày mà đã dám lợi nước bạc. Bộ muốn chết bỏ con lại đó cho mẹ nuôi sao? Mẹ nuôi một mình con Thu đã mệt gần ngắt ngư, chỉ còn da bọc xương, con muốn giết mẹ cho mau chết nữa à!

Mực nước vẫn cao vùn vụt, trong tiếng mưa, tiếng mõ dồn dập đồ hồi, muôn ngàn tiếng kêu thảm thiết làm Trang càng bối rối hoảng hốt thêm. Nhìn cái nhà năm gian rộng mênh mông và đầy những đồ đạc quý giá đối với riêng mỗi người, Trang không biết nên bỏ thức gì, cứu thức gì. Trang cũng sợ lợi nước lở ồm chết bỏ con, nhưng nhà còn ai nữa đâu! Một người cha già ốm liệt

giường liệt chiếu, một cô hầu non chỉ biết ỡng ẹo làm vui lúc bình yên nhưng không thể nhờ cậy được lúc tai nạn, và giờ phút này cô chỉ sợ hư thai, không dám nhúng chân xuống nước, Bé Thu và bé Mỹ còn phải đút cơm, bé Lili mới sinh chưa được trăm ngày, hai đứa em trai 7,8 tuổi, con của di Ba, một nàng hầu đã chết. Tất cả được đặt ngồi trên giường cao không giúp ích gì vì mực nước đã lên quá đầu chúng nó rồi. Chỉ còn anh Bê, một con sâu rượu và cũng là một cây bệnh ngày thường, nhưng lúc này anh còn cố gượng đứng vững để sắp tủ sách cho Ba vì anh biết Ba quý sách nhất sau các cô hầu non! Mẹ Trang chỉ bận khoản về mấy cái bàn thờ và những bộ Kinh Phật, bà không biết nên dọn gì, cuối cùng bà thấp mỗi bàn thờ một nén nhang. Hai người ở gái, một đã phải ngồi trông trẻ con sợ nó trở mình ngã xuống nước, chỉ còn một lo dọn gạo củi, nước.

Trang đang giúp anh Bê khuôn dọn sách, bỗng nghe cô Tư cười the thé nói:

-Hê hê hê, anh Bê ơi, còn cái tủ đồ tây của cụ nữa, vô dọn mau lên!

Anh Bê bực mình gắt:

-Thế cô ngồi đấy làm gì mà không giúp xếp dọn một chút cho đỡ dãn gân cốt. Tôi có phải là Phật bà Quan Âm đâu mà có những ba mươi sáu cái tay.

Cô Tư vẫn cứ ngồi yên dưới chân giường không cử động. Chốc chốc cô lại gọi:

-Anh Bê, đem thêm vài miếng gạch vô đây chêm chân giường, nước sắp ngập cụ rồi, hê hê hê, lụt chi lạ!

Cô vẫn ngồi co chân trên giường không dám nhúng chân xuống nước. Đồ đạc riêng của cô chỉ có mấy cái vali, cô đã cẩn thận gác lên xà nhà từ ban tối. Gói thuốc lá Cẩm Lệ cô cũng đã cẩn thận bỏ trong túi, bây giờ phận sự của cô chỉ còn lo giữ cái thai.

Mẹ Trang đang dọn đồ đạc trên nhà thờ Phật cũng chốc chốc gọi với:

-Con ơi, bàn thờ Phật sắp đổ!

-Bê ơi, tủ áo gấm của cụ .....

-Bê ơi . . .

Ba Trang nằm yên mãi cũng sốt ruột lên tiếng:

-Bê ơi, sách quý mà bị ướt rồi là không còn giá trị gì nữa!

-Chị Oì, em đói khóc đây này!

-Chị Oì, giường em sắp ngập đến nơi!

-Chị Oì . . Bê ơi . . .

Anh Bê và Trang hét chạy lên lại chạy xuống, hét chạy xuống lại chạy lên, người đã mệt mỗi nghe thế càng bối rối thêm. Riêng Trang nghe tiếng con khóc như xé ruột. Nàng tìm được một cái bàn cao, khênh lên phản và bế bọn trẻ con đặt nằm ngồi ngổn ngang. Phản có ba tấm ván, hai tấm trong và ở ngoài có chân bàn đè nặng nên đứng yên, còn tấm giữa không có gì chặn, nổi lên mặt nước rồi bắt đầu từ từ đi du lịch khắp phòng.

Mực nước bây giờ lên vùn vụt chứ không còn lên chậm rãi như trước nữa. Trang thấy nước mắt mình đọng đầy trên mi, nàng nghẹn ngào chỉ muốn khóc oà lên . . .

-Anh Bê khiêng hộ cái va li với tôi một tay.

Rồi nàng phàn nàn một mình:

-Ai mất hết đồ đạc cũng còn lại cái xác nhà, còn tôi tất cả “ giang sơn” chỉ ở trong vali này, trôi hết thì mẹ con chẳng còn một manh!

Bỗng tiếng cô Tư thét lên:

-Trời ơi, giường cụ hồng chân rồi!

Cả nhà nghe thế hoảng hốt vội nhắc một chiếc bàn

cao đặt ba Trang lên, và cùng phụ lực khênh chiếc bàn lên giường. Cái chân sừng của ông bị động làm ông đau đớn khổ sở lịm đi.

Mẹ Trang đứng hẳn lên lò sưởi để chuyển sách lên nóc tủ với anh Bê Mấy tấm ván đầy sách giữa nhà bị nước dội hồng chân, cả tấm ván nổi lênh bênh trên mặt nước xê dịch một lúc rồi chìm dần xuống đáy. Nước bây giờ càng lên càng nhanh, đi từ đầu phòng đến cuối phòng, lúc trở lại mực nước đã khác hẳn.

Anh Bê vò đầu bứt tai:

-Thôi hồng rồi, mở cửa ra sân kêu cứu đi thôi!

Nhưng dù kêu cứu cũng vô ích. Ai cũng biết giờ phút này tất cả mọi người đều lo lấy thân mình chưa xong, mong gì ai cứu được ai! Giá cả gia đình Trang có tận lực kêu gào thì cũng chỉ góp thêm vài tiếng kêu thê thảm lẫn vào muôn ngàn tiếng kêu cứu khác vắng lại từ bốn phía.

Trời tối đen, mưa vẫn tầm tã, điện bỗng nhiên tắt làm cho mọi người lại càng khủng khiếp thêm trong lúc nguy hiểm. Cối sống và cối chết bỗng giáp nhau gần đến nỗi người ta cảm thấy không còn biên giới nữa!

Thấy con mèo mướp lội vùn vụt dưới nước kêu gào một cách rùng rợn, Trang bắt để nó lên bàn. Trang tưởng nó tìm chỗ lánh nạn, nhưng nó không chịu ngồi yên. Nó vùng vẫy cào vào tay Trang rồi lại nhảy xuống nước lội xuôi lội ngược kêu gào như phát điên, thì ra nó đi tìm đàn con. Trang rất ngạc nhiên vì con mèo của nàng xưa nay vẫn có tiếng sợ nước, thì ra tình yêu con đã làm cho dù một con vật, cũng có những hành động suốt đời chưa từng biết.

Ba giờ sáng, rồi bốn giờ sáng, nước đã lên đến cổ. Mỗi một giây phút trôi qua người ta đều hy vọng đó là cái giây phút nước đứng rồi rút lui. Nhưng không thể được, mực nước không thể nào ngừng trong khi trời cứ mưa tầm tã như thế này. Có lúc Trang đã tưởng là nước như không bao giờ có thể đứng lại được, và tất cả mọi người chỉ còn cầu nguyện trước giờ chết mà thôi.

Mẹ Trang đang sắp mấy cuốn Kinh Phật trên bàn bỗng kêu thét lên. Cái bàn thờ Phật của bà đổ nhào xuống nước mà không cần hỏi ý kiến ai cả! Tượng Phật và kinh kệ nổi lênh bênh. Bà cố chạy theo vớt lại.

Trong lúc hoang mang đến cùng cực gần như tuyệt vọng, Trang bỗng chợt nhìn lên nóc nhà. Cái lỗ vuông nhỏ cỡ vừa một người chui lọt trên trần nhà để người thợ điện trèo lên xem xét giây điện, lúc này làm Trang nảy ra một ý nghĩ:

-Cái thang, phải đi tìm cái thang nhanh lên!

Gia đình ông bà Túy hàng xóm đập cửa ở nhà ngang bỗng bé nhau léch thếch lợi sang vì nhà ông thấp hơn nên nước đã lên quá đầu. Trong lúc họ xem nhà Trang là nơi cứu mệnh thì gia đình Trang cũng xem ông Túy như cứu tinh. Ông để thằng con trai bé và bà vợ chừa gần ngày ngồi yên trên một chiếc bàn cao ngất ngưỡng xong cùng Trang bàn cách leo lên trần nhà. Bây giờ ông Túy là người khỏe mạnh độc nhất mà tất cả mọi người đặt hy vọng vào.

Ông Túy trèo lên trần nhà nghiên cứu trước xem những tấm ván trần mỏng manh xưa nay chỉ dùng để làm đẹp cho cái nhà có đủ sức chịu đựng không. Ông gạt đầu ra hiệu và Trang bắt chước ông một chân đạp lên cánh cửa lớn, hai tay nâng giơ lên bám được trần nhà. Mọi người không ai dám bắt chước. Tân và Tấn đứng trên bàn chuyển lên cho nàng một ít chần chiếu khô để sửa soạn chỗ nằm cho bà. Ông Túy trở xuống mở cửa lợi ra sân đi tìm cái thang. Cái thang nằm nổi trên mặt nước tận ngoài góc vườn nhưng may chưa trôi mất. Cái thang đã cũ vẫn thường dựng cạnh gốc cây trầu không một ai để ý, bây giờ được mọi người thiết tha cầu khẩn đến.

Một lúc sau ông Túy đem được thang vào nhà, mọi người trở dài như trút gánh nặng. Tìm được cái thang thì con đường sống chưa mất. Ông Túy cẩn thận đặt cái thang cạnh tường, ông đứng dưới bé từng đứa bé chuyển lên, Trang đỡ lấy đặt xuống ván. Năm đứa trẻ đã lên hết nhưng mẹ Trang không chịu lên, cô Tư vẫn ngồi co chân không chịu cử động, còn ba Trang thì cố nhiên không thể nào ngồi dậy được.

Ông Túy trèo lên trần nhà cúi kính bả Trang:

-Chị làm thế nào thì làm, tôi đã năn nỉ hết sức mà ông cụ không chịu lên, bả chân đau không nhúc nhích được. Cả cái cô kia cũng vậy, không chịu “dời gót ngọc”. Bộ muốn “bất cầu đồng sanh, cầu đồng tử” chắc! Còn bà cụ thì ông cụ không lên nên bà cũng không chịu lên. Nước đã ngập lên đến cổ thế này mà mỗi người còn ôm một cục chướng như thế thì chỉ có ngồi mà đợi chết!

Tiếng mẹ Trang than thở:

-Suốt đời tôi cặm cụi khổ sở mấy chục năm trời mới gây dựng được cái cơ nghiệp này! Thực trời hại tôi! Trời muốn làm hại tôi hay sao hở trời!

Trời đâu có dây để trả lời bà, chỉ thấy tiếng Trang năn nỉ.

Trong lúc khổ tâm bà đâm ra mất hẳn lý trí, bà gắt:

-Tao không đi đâu cả! Gia tài sự nghiệp mất thì tao cũng chết! Tao chết theo với Phật, Thánh, kinh kệ, bàn thờ ông bà . . .

Bà đang nói bỗng thét lên, chiếc bàn bà đang ngồi bây giờ chỉ còn một mình nhẹ quá hồng chân bập bênh nổi lên mặt nước. Bà nhanh tay nắm được cánh cửa tủ nên khỏi ngã. Ông Túy vội vàng xuống đỡ lên thang. Người bà ốm nhỏ nên Trang nắm được cánh tay kéo qua cái lỗ vuông để

dàng. Bà đã lạnh cóng cả người, nằm vật xuống sàn không còn biết ai là ai chung quanh.

Lúc này không còn thì giờ để chiều chuộng hay “trưng cầu dân ý” nữa, Trong lúc nguy hiểm cần phải có sự chỉ huy cương quyết rõ ràng, mặc dầu ba Trang không chịu đi, Trang vẫn nhất định bắt ông Túy và anh Bê khênh ông đi. Ban đầu ông còn chống cự, nhưng mỗi cử động đều làm ông đau đớn, kết quả ông đành nằm yên cho ai làm gì thì làm. Ông Túy và anh Bê đỡ ông lên tấm ván và khênh đi chậm rãi dò dẫm từng bước một.

Trang ở trên nhìn xuống cảm thấy từng tiếng tim mình đập, chỉ sợ một trong hai người đuối sức sẩy tay hay hụt chân thì chỉ có Trời cứu. Nước đã lên đến cằm. Anh Bê người thấp nhỏ phải đi nhón gót chân, mệt mỏi và lạnh cóng cả người, anh mím môi cắn răng cố đi từng bước cho thật vững chắc. Đang đi bỗng nhiên anh dừng lại ầm ớ kêu:

-Tôi uống nước. Chết tôi rồi!. Trời ơi!... Ai cứu .. .cụ với!

Anh cố gượng thêm vài bước may đã đến được chân thang. Phải khó nhọc vất vả vô cùng mới xê dịch được ba Trang từ tấm ván lên vai ông Túy. Ông cố ba Trang và bước lần lần từng bước lên thang. Cái thang cũ kỹ rít lên và kêu trèo trẹo dưới sức nặng của hai người cùng trứ lên một lúc. Ở trên nhìn xuống, Trang nghe như tim mình ngừng đập, nàng nín thở tưởng chừng thêm một hơi thở của mình cũng thêm sức nặng và cái thang sẽ chịu không nổi mà gãy mất. Vận mệnh của cha nàng nằm trong chiếc thang tàn tật ấy, thực trong suốt một đời người không ai ngờ đến. Còn được vài nấc, bà Túy và Trang ở trên nắm được cánh tay ông, hai người cùng gồng người gắng hết sức lực kéo lên. Đồng thời bên dưới ông Túy cũng xuất toàn lực, phùng mang trợn mắt ,vừa đùn vừa đẩy . . .

Ba Trang lên đến được trần nhà, nổi đau đớn xác thịt hành hạ Ông đến cái trình độ tê tái không còn cảm giác. Ông như người mất hồn, mặt mày tái mét nằm vật xuống tấm ván Trang đã sắp sẵn.

Ông Túy xoa tay cười nói có vẻ thỏa mãn:

-Thực là kỳ tích, kỳ tích! Một bà chữa, ngày thường đi chợ “ khênh” một bó rau muống bằng nắm tay cũng kêu nặng, kêu mệt “ khênh “ không nổi, và một cô “ suyễn gia truyền” trói không chặt con gà, thế mà hôm nay “ khênh” à quên xách nổi ông cụ một tạ lên thang gác! Hì hì hì, mình vai u thịt bắp như thế này mà công cũng nặng oải ba sườn gần trọ cả cổ!

Châu và Lạc, hai người ở gái cũng đã có chỗ ngồi yên. Trang đợi kéo nốt cô Tư nhưng đợi mãi vẫn không thấy. Anh Bê đứng run rẩy thở lấy sức dưới chân thang, còn ông Túy nghe mẹ Trang bảo có một chai rượu ngâm thuốc bổ trong tủ, ông quyết trở xuống lặn tìm cho bằng được.

-Hu hu hu, Có ai cứu tôi với! Trời ơi, Có ai cứu tôi với!

Ba Trang lúc này đã tỉnh táo hơn, nghe cô Tư kêu cứu có vẻ thương xót lắm. Anh Bê đứng bên dưới cái kính:

-Cô ấy từ tối đến giờ hi hi mãi chán nên bây giờ đổi ra hu hu! Cô cao hơn tôi nhưng một cái đầu, có chân thì tự đi cũng được, tàn tật già yếu bé bỏng gì mà phải đợi ai khênh. Mà giá có uống vài ngụm nước cũng không chết đâu!

Ba Trang thều thào cất giọng năn nỉ:

Ông Túy ơi, bây giờ chỉ có một mình ông, trăm sự đều nhờ ông cả. Ông làm phúc làm đức đưa đi ấy lên kéo tội nghiệp, bụng mang dạ chửa!

Anh Bê lảm bảm:

-Người ta chữa gần để đến nơi còn phải lội suốt đêm cũng chẳng sao, đằng này chỉ mới có vài tháng.

Ba Trang vẫn ngọt ngào:

-Ông Túy, trăm sự nhờ ông, tính mệnh di nó ở trong tay ông, suốt đời chúng tôi sẽ không quên ơn ông . . .

Bà Túy dấy nẩy lên:

-Mau mau lên đi anh Túy ơi! Thôi đừng tìm rượu nữa! Ngâm nước từ đêm đến giờ, không khéo lạnh mà chết đấy! Ba vạ cũng bỏ!

Ba Trang vẫn năn nỉ:

-Chỉ còn có ông, ông làm ơn . . .

Ông Túy dù vợ không bằng lòng, anh Bê dù mệt mỏi đến đâu, kết quả cũng phải đi khênh cô Tư Lên được đến nơi giọng cô không còn rên rỉ nữa! Cô cất tiếng cười the thé:

-Hê hê hê, tui không hề ướt lấy một cái vảy. Gói thuốc Cẩm Lệ cũng còn khô ran! Có thời chi lạ!

Trang lấy mấy chiếc áo len đã cứu được chia cho mọi người. Anh Bê ngồi run rẩy trong bộ quần áo ướt sũng những nước, hai hàm răng anh đánh vào nhau cầm cập, mặt anh tái ngắt và người cứng đờ ra. Anh thay được áo xong nằm vật xuống ván mê đi.

Cô Tư trông thấy thế lại cười rú lên:

-Hê hê hê, mình đi cũng được nhưng ai đại chi mà đi. Lỡ ướt lạnh chết thiệt thân mình chớ thân ai! Ba vạ cũng bỏ, gói thuốc Cẩm Lệ vẫn còn la ò được!

Bất giác Trang rung mình. Trong cảnh nguy hiểm, đầy những tiếng kêu cứu thảm thiết, tiếng mõ dồn dập lẫn trong tiếng mưa đổ rào rào xuống mái ngói, tiếng cười của cô nghe lạnh lạnh đến rợn người!

Suốt từ đêm, Trang phải làm việc và dùng nhiều sức nên lúc này cả người đau đớn mệt mỏi như bị dần từng đốt xương. Nàng tìm một góc và nằm lả xuống ván. Tuy nằm nhưng Trang vẫn nghe rõ tiếng cha rên rỉ, tiếng cười hê hê từng hồi của cô Tư và những lời phàn nàn của mẹ:

-Thực là trời hại tôi! Thôi còn chi nữa! Kinh kệ mất hết, Phật tượng bể hết, áo quần trôi hết rồi còn chi! Trời, cả cơ đồ sự nghiệp của tôi! Già hơn sáu chục tuổi đầu rồi mà còn phải trông thấy cái cảnh như thế này! Thảm! Bộ kinh Pháp Hoa của tôi mới thỉnh, bây giờ có bạc vạ cũng không tìm đâu ra! . . . .

Bà chưa nói dứt lời bỗng cô Tư quát lên hỏi con Châu:

-Châu, sao mày không lo cất mấy cái trứng gà để dành cho cụ xơi hở. Bây giờ cụ đói, mới làm sao?

Con Châu cười lạnh lùng:

-Thế sao cô không lo Cô ngồi đấy làm gì? Tôi làm bao nhiêu là công việc, nào gạo cơm than củi, khiêng vác từ đêm đến giờ! Bộ tôi ở không đấy hả!

-Ai biểu mi ngu! Mi lo khiêng vác không biết mấy thứ đồ đạc mà rớt cuộc đồ đạc đều bị ướt, mi cũng bị ướt như chuột lột. Còn tau không lo chi cả mà đồ đạc của tau vẫn không ướt, người tau cũng khô ran! Hê hê hê!

-Phải, người ta thì “ Lấy chồng phải gánh giang sơn nhà chồng” còn cô thì “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”!

Ba Trang rên rỉ:

-Thôi bỏ đi, bỏ đi, chuyện nhỏ mọn!

Ông không muốn ai nói động đến cô Tư, nhất là động đến cái sự vô dụng của của cô trong cơn hoạn nạn của gia đình.

Không biết con Châu đã lấy can đảm ở đâu ra, để cãi nhau tay đôi với cô Tư, chính nó cũng không tự biết. Có lẽ trong lúc tai nạn, nó đã làm tròn phận sự như một phần tử trong gia đình, còn cô Tư có vẻ vô dụng quá nên mất sự kính nể trước mặt chủ.

Bà Túy gắt với ông Túy:

-Cái áo gấm của tôi anh để đâu? Còn cái đồng hồ tay nữa! Lại còn cái gói tã ướt của con . . . anh để mất thì liệu hồn.

Ông Túy mắng át:

-Thôi thôi, tôi xin các bà. Đẹp cái lọ mắm thôi lại đi. Mới vừa lo chết dưới kia chưa được mười lăm phút. Lên đến đây cũng chưa chắc đã sống đâu mà vội giở trò tiếc của. Áy may mà chỉ lụt chứ không bão, nếu cả lụt lẫn bão thì ngồi đây lại càng được gặp Ông Bà Tổ tiên liền lập tức!

Đấy là sự thực cũng như những lời họ nói cũng toàn là sự thực. Trong lúc này không ai nghĩ đến những câu che đậy khách khí giả dối nữa! Trang chua chát nghĩ thầm:

-Lúc lòng người ta cởi mở thì tiếc thay chỉ được trông thấy toàn những cái không đẹp!

Trang gượng đứng dậy mở cánh cửa sổ con thông hơi nhìn ra. Bên ngoài cả một bầu trời mờ trong mưa. Trời đã sáng nhưng ánh sáng như hòa lẫn với mưa thành một thứ ánh sáng mờ mịt. Mặt nước dâng cao lấp cả những mái nhà thấp chung quanh xóm. Trên mặt nước chỉ còn những tàu lá chuối rách nát ủ ê, một vài thân cây cau trong vườn còn đứng vững được nửa thân mình vươn lên mặt nước, phần nhiều đều ngã nghiêng hay đổ hẳn. Vài con chó vừa lội vừa kêu ăng ăng một cách thê thảm, cố bám vào những chiếc rương hòm ngỗng trôi lẫn với củi ván. Xa xa, ngoài đám nước bạc mênh mang, một người đàn ông cõng một đứa bé trên vai, đứa bé vẹo đầu sang một bên, mặt nó sát hẳn với mặt nước, có lẽ nó ngất đi, hay nó đã chết, nhưng người ấy biết hay không biết vẫn mãi miết bơi. Ngoài xa nữa, rải rác từng người, ôm thân cây



chuối hay mảnh ván mặc cho giòng nước đưa đẩy. Vài chiếc bè lơ dờ trên mặt nước, mặc dầu tiếng kêu cứu từ dưới nước, trên mái nhà tranh, khắp mọi nơi vẫn không ngớt, họ hình như không nghe thấy gì cả. Họ còn mãi lo tìm vớt những đồ vật từ bốn phương trôi dạt lại! Nghìn năm một thuở cơ mà! . . .

-Trời ơi, còn cái phễu tôm chua để trong tủ đồ ăn, có ai cứu cho tôi với không? Bây giờ dù có mấy trăm bạc cũng không làm được một phễu như thế! Trong tủ lại còn hai cái bánh Trung Thu!

-Sách! Sách ưót là không còn giá trị gì nữa! Hàng bốn, năm chục năm trời sưu tầm!

-Trời, cái ống sáp môi của tui ..

-Trời!. ..

Không lúc nào ông trời bị người ta kêu réo ầm ĩ như lúc này! Từ tiếng kêu cứu mạng cho đến ống sáp môi, lọ tôm chua...

Trang thấy ngao ngán lạ lùng, nàng không cần quay lại cũng biết ai đã nói ra.

-Tôi đã bảo mà! cái đồng hồ mới tinh hảo của tôi thế là quên trong tủ. Nó mà hư thì anh liệu hồn!

-Xin các bà đi! Đồ đạc của các bà khô ráo mà các bà chết thì để mà liệm hay để mà thờ? Nước còn lên nữa thì chưa chắc đã sống đâu! Đừng lên giọng tiếc của vợ!

Trang lấy chiếc áo dài quần chặt người con bé Lili.

Tạm thời Trang chỉ sợ nó lạnh. Lúc nước mới lên đến bụng, nàng đã đi tìm hộp sữa khuấy uống một cốc đầy. Nàng đủ cương sữa để bé Lili bú suốt đêm nay Con Mỹ sà vào lòng mẹ kêu đói. Trang chợt nhớ đến chiếc bánh ngọt mẹ chia cho lúc ngồi trên bàn, Trang chỉ vờ cắn một góc rồi gói vào chiếc khăn tay cột lên đầu. Trang tháo khăn ra thì chỉ còn một nắm bột vụn. Mỹ vui mừng, hai bàn tay bé nhỏ nắm chặt tay Trang cúi xuống liếm bột bánh một cách ngon lành. Trang rũ khăn ra vết nốt chỗ còn sót. Bé Mỹ lại cầm tay mẹ liếm sạch, cả những kẽ tay nó cũng không chừa. Ngày thường bao giờ nó cũng đòi ăn những chiếc bánh nguyên vẹn, nếu chỉ vờ một góc nó cũng chê ít không chịu ăn, nhưng bây giờ dù bé bỏng nó cũng biết có chuyện gì đặc biệt lạ lùng xảy ra không dám quấy. Thấy hết nó bắt chước mẹ rũ khăn, tìm không có chút bánh nào nó phụng phịu:

-Me!Me! em ăn không no, em không uống nước!

Đó là câu nói độc nhất lúc nó còn muốn ăn thêm.

-Me! Me! Em ăn không no, em không uống nước.

Nhưng bây giờ làm gì có nước mà uống dù em đói

hay em no, và mĩa mai thay, dù bên ngoài nước vẫn mênh mông . . .

Mọi người tự tìm một chỗ ngồi để chịu trên những chiếc đòn ngang trên trần nhà, không dám bước chân vào những tấm ván mỏng mảnh sợ sập xuống. Bé Mỹ vẫn ôm cánh tay mẹ:

-Me! Em ăn không no, em không uống nước!

Trang bỗng chợt nhớ ra:

-Cái thang đâu! Còn cái thang đâu rồi?

Phải kéo nó lên kéo trôi mất, đợi lúc nước rút còn khối công việc phải làm.

Ông Túy nhìn xuống thấy cái thang vẫn tựa chân tường vôi vàng kéo lên. Cùng một lúc mọi người đều nhìn cái thang gãy: Cái thang cứu mệnh!

Ông Túy đặt nó nằm dài cạnh cửa sổ. Cái thang đã gãy nát, nhiều chỗ phải chắp nối và quấn giầy thép chằng chịt ở mỗi bậc thang. Cái thang vẫn suốt ngày dựng bên gốc cây trầu leo trên mình cây vòng trụ lá, lâu lâu nó lại bị ném từ nơi này sang nơi khác. Khi người ta hái trầu thì nó bị ném sang gốc cây ổi, khi Tân và Tấn trèo ổi thì nó bị gạt sang gốc cây mít hay đá hẵn xuống đất. Cái thang cứ nằm lì dưới đất như ăn vạ cho đến khi mẹ Trang trông thấy bảo con Châu dựng lại, nó mới kéo lê sên sệt ném trả vào gốc cây trầu. Cái thang không hề có một chút tin nhiệm nào. Cả đến người thợ điện lúc trèo lên trần nhà sửa giầy điện cũng chỉ đánh đu vào cánh cửa mà lên chứ không dám dùng nó. Thế mà giờ đây nó đã cứu cả nhà! Nó bỗng biến ra đáng kính, đáng yêu, anh hùng trong con mắt mọi người.

Ở dưới nhà chốc chốc lại có tiếng đồ vật đổ xuống nước và mỗi lần như thế mẹ Trang lại than thở:

-Thôi còn chi nữa! Cả gia tài sự nghiệp của tôi!

Chỗ chân sừng của ba Trang lại đau nhức dữ dội. Ông rên rỉ một lúc rồi mê lịm hẳn đi. Khi ba Trang không rên nữa thì đến lượt những người khác rên. Những ai có lợi nước đều cất tiếng rên, ban đầu còn gắng rên se sẽ, cuối cùng không còn nể nang gì nữa, mạnh ai nấy rên và càng ngày càng to Trang cũng thế, nàng thấy cả người mỗi như dần, nhất là hai bắp chân và đùi, từng thớ thịt đều như tê cứng lại và đau đớn đến nỗi không thể trở mình được.

Suốt từ sáng cho đến chiều mọi người nằm co quắp trên những thanh gỗ ngang mê man không biết đến bên ngoài, không biết ngày giờ và cũng không biết đến đói khát . . .

Dần dần trời tối hẳn lại, nhưng mưa vẫn còn nặng hạt. Tiếng kêu cứu và tiếng mõ, tiếng súng báo hiệu vẫn còn vẳng lại xa xa Cả nhà không ai nói gì, bỗng nhiên bà Túy kêu lên:

-Chết tôi rồi! Trời ơi, tôi đau bụng!

Hai tay bà ôm chặt lấy cái bụng to tướng đã gần ngày cất tiếng rên rỉ. Bác sĩ hôm kia đã nói bà sắp đẻ trong vài ngày, nghĩa là tình trạng như một trái cây đã chín tới, chỉ còn đợi nó rụng xuống mà thôi!

Ông Túy hốt hoảng:

-Ấy chớ! Đừng đẻ ra đây nhá! Dại dột đẻ ra bây giờ thì chết cả mẹ lẫn con chứ không chơi đâu! Gắng nín đến mai may ra còn hy vọng sống!

-Ôi trời ơi! Đau chết tôi, đau chết mất thôi, ối ối ..

Bà Túy đang ôm bụng rên la bỗng bật cười:

-Không sao đâu, tôi không để bây giờ đâu! Ôi trời, đau quá, đau quá!...

Tân và Tấn còn bé, mình nhỏ nhẹ nên nằm lăn ra ván ngủ. Chúng chỉ thấy khổ vì phải nhịn đói suốt ngày, và lại còn khát nữa! Từ ngày mẹ chết, chúng nó không còn ai để vịn nên cũng đã thành thói quen ngoan ngoãn, và nhất là trong lúc này chúng biết không thể có gì hơn được nên đành ôm nhau nằm ngủ. Mọi người cũng dần dần ngủ hay nói cho đúng hơn mê đi trong tiếng mưa, trong sự mệt mỏi cùng cực của thể xác và tâm hồn.

Sáng hôm sau lúc trời mờ sáng thì nước đã rút chỉ còn ngang đầu gối và mưa cũng đã tạnh hẳn. Cái thang lại được đặt xuống rất cẩn thận nhẹ nhàng, và mọi người cố hết sức kéo lê cái thân hình mỗi một dò lần từng bước thang xuống bắt tay vào công việc dọn dẹp.

Bên dưới cả một cảnh tượng tàn phá thảm hại hiện ra, tất cả cái gì cũng đổ vỡ bần thỉu. Sách vở bị nước đưa đẩy tản mát đi khắp cả các phòng và nát ra từng mảnh. Cả một tủ đựng cốc chén đổ vỡ. Các rương và tủ quần áo lúc dơ ra thì chúng đã tự nhuộm thành một thứ màu lem luốc không tên.

Mẹ Trang ngẩn ngơ cầm một chiếc áo màu bùn bần thỉu ướt sũng những nước, ngắm mãi không thôi. Đó là chiếc áo nhung màu rượu chát mới nhất và cũng là chiếc áo đẹp nhất của bà, bây giờ nó giống hệt như một con mèo bị nhúng nước bùn, từng đám nhung xoắn tít lấy nhau không còn những ánh tuyết êm dịu óng ánh nữa. Bà nhìn lên bức ảnh bán thân treo trên tường cao, bức ảnh chụp lúc bà mới hai mươi lăm tuổi, lúc bà còn trẻ đẹp . . . Trang đến cạnh mẹ sẽ nói:

-Me ạ con mua cho mẹ một chiếc áo nhung khác.

Bà lắc đầu gượng cười:

-Không con ạ, có phải mẹ tiếc chiếc áo nhung đâu!

Bà rơm rớm nước mắt tiếp theo:

-Suốt đời mẹ từ lúc trẻ cho đến bây giờ mẹ đã hy sinh hết cả cho chồng, cho con, cho gia đình. Mẹ có tiếc gì đâu! Trải qua bao nhiêu lần lên bổng xuống trầm, mẹ đã bảo toàn được cảnh nhà, và giúp đỡ cho ba con không phải là ít. Cho đến ngày nay, các con đều đã trưởng thành tản mát tất cả bốn phương, mẹ thì già, mẹ chỉ còn có một người chồng mà nay cũng không còn là của mình nữa! Có lẽ nào mẹ lại tiếc một chiếc áo nhung!

Bà ngừng một lát thở dài:

-Mẹ đã cố hết sức vớt đồ đạc mà rốt cuộc không cứu vớt được gì cả! Nhưng dầu sao mẹ cũng đã hết lòng, đã làm hết sức lực rồi. Nay mai mẹ sẽ ốm sẽ chết, và đời sẽ gạt bỏ mẹ ra ngoài như mẹ sẽ vứt bỏ chiếc áo nhung đã hỏng này, nhưng thôi mẹ chỉ nói chừng ấy, con phải hiểu thêm cho nhiều mà tự định liệu cuộc đời của con . . .

-He âê êê, đồ của tôi không ướt lấy một cái vẩy, êê êê . . . Cả mấy con gà con cũng tự trốn được không chết lấy một con, chi lạ, thiệt là có thời!

Nghe tiếng cười êê êê của cô Tư, Trang thấy cả người nổi gai. Trang nhìn cô và cảm thấy hơi là lạ. Tuy ống son của cô không mất nhưng sáng nay cô chưa trang điểm, trông chán chường tàn tạ quá chừng. Trang đã quen nhìn cô với đôi má đỏ rục như hoa phượng, môi cũng đỏ chói, son đánh sát vành môi mỏng dính, có hai khóe thực dài. Gương mặt gầy, lưỡng quyền cao, bộ mặt

lúc nào cũng đánh phần trắng bệch của cô tăng thêm sự trái ngược của đôi bàn tay đen xương xẩu và lúc nào cũng nhom nhóp đầy mồ hôi. Ban đầu Trang thấy chướng mắt cái lối trang điểm có vẻ hình nộm ấy nhưng sau nhìn quen Trang cũng thấy cô đẹp, một vẻ đẹp mê hồn các ông già, nhưng thiếu tính chất dịu dàng thùy mị của những người đàn bà với sứ mệnh đem lại hạnh phúc thịnh vượng cho gia đình.

Ngoài sân thấp thoáng bóng những người láng giềng đến hỏi thăm. Họ Ở những nơi thấp hơn nên tản cư ngay từ lúc mới bắt đầu lụt nay mới trở về.  
Mọi người tranh nhau kể lể:

-Tôi bị trôi tất cả quần áo đồ đạc, bây giờ chỉ còn một manh này.

-Tôi bị sập cả cái nhà bếp nhà ngang.

-Tôi trôi mất cả bầy heo hai chục con.

-Tôi. ..

-Ấy, dưới kia người ta trôi sạch cả làng, cho đến vũng như cột đình cũng không còn!

-Có một gia đình bám lên mái nhà tranh bị trôi tuốt cả mái nhà ra sông Hương, lúc trôi ngang dưới cầu Trường Tiền bị gạt cả xuống nước. Hà hà, thì ra chúng mình vẫn còn có phúc!

-Nào về lo sửa máy vô tuyến điện trước, nghe thiên hạ nói dóc chời. Mình kêu cứu khẩn cả cỡ cũng chẳng có con ma nào biết đến, chứ nghe bản báo cáo thì chắc là cả một đội thủy binh đi cứu nạn dân và kết quả tốt đẹp ghê lắm!

-Thế nào, cụ có việc gì không, cô Trang có mất mát gì không?

MẹTrang chỉ gian nhà:

-Các ông các bà xem đấy, may mà còn gian nhà và cái thân già này!

Trang định trả lời mất sạch cả, nhưng cái cảnh người đàn ông cống đưa con chết trên lưng, mãi miết bơi trên mặt nước mênh mang không bờ bến hiện ra trước mắt nàng. Trang ôm chặt hai con vào lòng trả lời:

-Không, không, tôi không hề mất chút gì . Cả cái tài của tôi vẫn còn nguyên vẹn.

Tiếng rên của ba Trang, từ trong phòng vắng ra nhắc nàng nhớ đến ấm nước đang đun dở để pha trà cho ông. Trang đứng dậy xuống bếp cho thêm củi. Con Châu đang vo gạo bảoTrang:

-Này chị, nghe bà Bá bên cạnh đang khóc ông ấy. Hay quá! Em nghe từ sáng đến giờ vẫn chưa hết, dài hơi ghê!

Trang lắng tai nghe. Tiếng bà sang sảng chẳng khác lúc bà chửi mất gà tí nào.

-Hơ hơ, hờ hờ, ông ơi là ông ơi! Ông chết đi ông bỏ tui, ông bỏ tòa ngang dãy dọc. Ông ơi là ông ơi! Ông sống giàu có năm bảy tòa nhà ngang dãy dọc mà chết vừa đói vừa lạnh. Tui biểu ông ăn mấy miếng khoai khô rồi đi mà ông cũng không ăn. Ông nóng ruột đi tìm cháu ông để đến nỗi ôm cây mà chết giữa đường.

Tui đã chấp tay tui lạy ông, biểu ông đừng đi, một hai ông cũng cứ đi. Hơ hơ! Hờ hờ! Tổ cha đũa mô rứa mà hấn dám nói tui xui ông đi vớt củi rêu, để ông lạnh, ông đuối sức ông chết! Ông ơi! Lúc sống hà tần hà tiện, con cá to cũng không dám ăn, chừ ông chết rồi tui cúng nem cúng chả cho ông ích chi! Ông ơi! Hơ hơ! Hờ hờ. ..  
Bỗng nhiên bà đổi giọng quát người ở:

-Mới, mi còn đợi chi mà không đi vo thúng gạo ướt xay bột đi, để lâu chua lè ra tau bắt mi ăn cho hết đó.

Ấm nước đã sôi, Trang đổ vào bình rồi đun ấm khác.  
Những cành tre nõ lóp bốp, ánh lửa đỏ ấm áp reo vui. Cái thang đã được chặt ra để nấu vì tất cả than củi đều bị ướt hết không dùng được. Cái thang anh hùng, cái thang cứu mệnh hôm qua! Nếu biết suy nghĩ chắc nó tưởng rằng sau cái “ ân cứu mệnh” người ta sẽ đặt nó trong viện bảo tàng hay cho vào lồng kính xếp chung với bàn thờ tổ tiên để ghi công ơn nó . . . Nhưng thực ra trên đời mấy ai biết tri ân, mấy ai còn nhớ đến những tai nạn đã qua! Khi người ta chết hụt xong, phần đông đều tưởng rằng “Mạng mình to lắm. Có lẽ Ông Trời còn dành để dùng vào một sự nghiệp vĩ đại gì đây!” Vậy thì cái thang dù suốt đời có hy sinh tận tụy thì hy sinh cho đến phút cuối cùng là lẽ dĩ nhiên.

Mai đây người ta sẽ đặt làm một cái thang mới khác chắc chắn đẹp đẽ, xứng đáng để trao gởi tính mệnh lúc cần dùng đến cũng là một lẽ dĩ nhiên nữa. Còn cái thang cũ kỹ, gãy nát, trước khi trở về với tro bụi, vẫn nấu chín cơm sôi nước, hiến thân một lần cuối cùng, lại càng là một lẽ dĩ nhiên và hợp lý vô cùng.

## Chiếc cột đèn

Đêm đã khuya lắm rồi mà cô bé vẫn chưa chịu ra về. Cô đi thơ thẩn dưới chiếc cột đèn, chốc chốc xem đồng hồ. Đi mỗi, cô ngồi dưới chân cột. Mỗi khi có người qua lại, cô cầm chiếc nón bài thơ che lên mặt.

Gió từ bờ sông Hương thổi lên mát rười rượi, nhưng lòng cô bé thì xoắn xang nóng nảy vô cùng. Cô đã đợi ở đây từ chín giờ tối, bây giờ đã gần mười một giờ mà “ anh ấy” vẫn chưa đến. Cô đã xin phép mẹ về thăm bà ngoại ở Kim Luông để có thể hẹn với “anh ấy”, thế mà anh ấy không đến thì có chết không! Mai đây, nếu vỡ lở câu chuyện, cô chưa biết phải chịu tội ra sao. Anh ấy “ tệ đến thế thì thôi!

Cô bé ngả đầu dựa vào cột đèn, hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống má, rồi rơi xuống chân cột. Trăng đã lên cao, chiếu trên dòng sông Hương một vầng trăng khác, cũng sáng, trong và đẹp như trăng trên trời. Trong nhà Thủy Tạ, vài đôi bạn tình đang chia nhau hai vầng trăng ấy. Chắc họ không giành nhau nhưng nhận là của chung, và chỉ của hai ta mà thôi!

Cô bé bực mình, đập mạnh đầu vào cột đèn, như muốn trút bớt tức tối giận hờn trong lòng. Bỗng nhiên nghe tiếng thở dài khe khẽ, cô bé nhìn quanh gần mình không thấy một ai. Những đôi tình nhân ngồi xa xa, nhất định không có tâm tư như thế. Tiếng thở dài rất nhẹ nhưng rất âm thầm chua xót. Nó phải là tiếng thở dài của một tâm hồn trải qua nhiều gian lao, nhìn qua bao nhiêu thế sự thăng trầm. Tiếng thở dài tỏ ra không chán đời, nhưng hiểu đời.

Tiếng thở dài lại nổi lên. Cô bé sợ hãi đứng dậy định chạy đi nơi khác, nhưng chân cô rú lại , người nổi gai và cô không nhấc chân lên được nữa.

Một giọng nói thì thầm rất êm dịu :

• Cô em đừng sợ. Tôi có làm gì cô em đâu!

Cô bé nhìn quanh quát, vẫn không thấy một bóng người. Đêm đã khuya rồi. Bây giờ chỉ còn cô bé và chiếc cột đèn, bóng đứng lại, vì trăng lên cao ngay chính giữa đỉnh đầu.

Cô bé bâng khuâng, nửa muốn chờ, nửa muốn ra về. Trong lúc dửng dăng chưa quyết, một giọng hò từ dưới sông vang lại, khiến cô bé hình như cảm thấy bớt cô đơn:

Trước bến Vân Lâu . Ai ngồi ai câu  
Ai sầu ai thảm. Ai thương ai cảm  
Ai nhớ ai trông . Thuyền ai thấp thoáng bên sông  
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non . . .

Chiếc đò xa dần, mang theo giọng hò. Cô bé hơi thất vọng, nhưng lại có một con đò và giọng hò khác tiếp theo:

Một dòng nước trong. Năm bảy dòng nước đục  
Một trăm người tục. Một chục người thanh  
Biết ai gan ruột gởi mình. Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên Quân . . .  
Giọng hò xa dần rồi mất hẳn, nhưng cô bé không thấy sợ nữa, cô nhất định ở lại chờ “ anh ấy”.

Giọng nói hồi nãy lại nổi lên:

• Cô em chờ có buồn không?

Cô bé giật mình hỏi:

• Ông là ai? Ông ở đâu? Người hay ma đấy?

Giọng nói có vẻ chế riếu:

• Tôi ở đây, ngay bên cạnh cô em, không phải người mà cũng không phải ma.

Cô bé nhón nhác nhìn quanh, lại định chạy.

• Cô em đừng sợ. Tôi là bạn của tất cả mọi người. Tôi soi ánh sáng cho đêm tối hết âm thầm và làm cho người bộ hành bớt cô đơn, đêm tối không còn quạnh quẽ . . .

Cô bé lấy hết can đảm hỏi lại:

• Nhưng mà . . . ông là ai mới được chứ?

• Cô em vẫn chưa hiểu sao? Tôi là . . . tôi là chiếc cột đèn cô em đang dựa lưng vào đây mà!

Cô bé ngần ngại xích ra xa một chút.

• Nếu cô em chán thì hãy về đi. Tôi thấy cô em buồn nên muốn trò chuyện một lúc cho em khuây khỏa. Cô em sợ thì thôi vậy!

Cô bé hơi yên lòng, vuốt mấy sợi tóc gió bay tỏa xuống trán, nhìn chăm chú vào cột đèn. Hình như cô muốn tìm xem tiếng nói bí ẩn kia phát ra từ đâu. Cô bé cảm thấy hình như từ cột đèn thực, mà cũng có khi giống như phát ra từ một chốn xa xăm nào, có thể là từ khoảng không gian vô tận, mà cũng có thể là từ trong lòng cô, trong tâm tư cô, làm cô hoang mang. . .

Tóc cô bé còn bỏ lơ. Mái tóc thề buông mới đến ngang vai. Trắng vàng chiếu trên mái tóc lấp lánh sáng. Cô bé không nói gì, hai tay cứ xoắn chặt tóc mình.

• Chàng không đến phải không?

Tiếng nói nghe thoảng qua nhẹ như một hơi thở. Cô bé đỏ ửng đôi má, buông tay thả mái tóc, đổi ra vôn vê tà áo.

• Cô em đừng thẹn. Chuyện đời, tôi hiểu nhiều lắm, tôi đâu dám cười ai . Tôi già rồi, tôi đã trông thấy bao nhiêu cảnh thế sự thăng trầm. Ngay chính tôi cũng đã phải chịu chung trăm nghìn tai ương của quốc nạn, Cô em cố gắng trân quý nguồn sống, đừng bao giờ để bất cứ ai, hay bất điều gì làm bận tâm nghe không?. . . Cô em muốn nghe chuyện của tôi chứ?

Cô bé se sẽ gật đầu.

• Ngày xưa, tôi không giống như thế này đâu. Tôi chỉ là một cột gỗ thô sơ, cây đèn trên đầu tôi thấp bằng đầu lạc. Mỗi tối lính tuần có phận sự đi thấp đèn và đến sáng lại phải đi tắt. Đêm khuya, những người đánh mõ cầm canh thường dừng bên cạnh tôi để hút thuốc, nghỉ chân một lúc, và đôi khi kể cho nhau nghe những gì quan trọng vừa xảy ra tại Đế Kinh.

Tôi đã nhìn thấy bao nhiêu cảnh phế lập, mở đầu một triều đại bắt đầu suy vong. Sau ngày vua Tự Đức băng hà, nhiều vị Hoàng Tử lần lượt bị ra làm vua. Từ Vua Dục Đức đến Vua Duy Tân, 7 đời nối tiếp nhau làm vua từ vài ngày, vài tháng hay vài năm rồi kẻ bị truất phế, người bị giết, bị

đầy, trong khoảng thời gian trên dưới 20 năm. Tôi đã phải run rẩy trong tiếng súng uy hiếp của thực dân. Tôi đã trông thấy Vua và các Mệnh phụ, Vương tôn, Tam cung Lục viện lếch thếch khăn gói kéo nhau xuất thành sau vụ đánh úp quân Pháp bị thất bại.

Vua và Tam Cung rời Cung Điện lánh nạn, rồi đến dân chúng cũng trẻ công già, mẹ bồng con, dắt díu nhau chạy trốn, để tránh sự tàn phá báo thù của quân Pháp. Bao nhiêu kẻ đã mệt mỏi, trúng đạn hay dày xéo lên nhau mà ngã gục dưới chân tôi. Bao nhiêu dòng nước mắt nóng hổi với muôn ngàn nỗi niềm đau đớn khác nhau, đã rưới lên thân hình tôi. Có người khóc nước mắt nhà tan. Có người khóc đại sự bất thành. Có người khóc cho kẻ hữu tài đành mai một. Kẻ khóc trên đời không tri kỷ. Người khóc vì thua một canh bạc bị đánh lặn giữa đời, mà trong số đó, những cô bé ngây thơ như cô em chỉ biết khóc cho tình yêu. . .

Dần dần, cảnh thanh bình của một miền bị trị hiện ra. Thành phố được tô điểm bề ngoài cho thêm vẻ mỹ quan. Tôi cũng được xây lại bằng xi măng, và đổi ngọn đèn dầu lạc thành ra đèn điện để rọi ánh sáng văn minh cho khách bộ hành lúc đêm khuya khỏi lạc lối. Vườn hoa được vun trồng chăm sóc, làm cho du khách thêm quyến luyến đất Thần Kinh. Cầu Trường Tiền chỉnh trang trông thật đẹp đẽ. Nhưng thật ra, những thay đổi ấy chỉ là bề ngoài, cái tâm tư não nề bên trong không những không hề thay đổi, mà còn dồn dập chất chồng thêm những khổ tâm mới. Nhà vua bị trói tay, bây giờ chỉ có độc một cái quyền phát bằng Cử Phẩm cho công dân nào đó nói rằng có công lao với xứ sở. Nhưng cái công ấy, thường thường chỉ là công phục vụ một vị quan lớn, được ông ta xin cho.

Trên bước thang danh vọng, người ta hoang mang vì thấy tài năng không có chỗ dùng. Người được trọng dụng chỉ là những người được tin cậy. Người dân không biết muốn quốc gia hùng cường phải làm thế nào. Muốn phục vụ quê hương đất nước phải đi từ đâu. Và nếu ai thở than hay bàn đến phương pháp làm sao cho văn minh tiến hóa, nước mạnh dân giàu là người ấy bước ngay vào tử địa

Đứng đây, tôi nhìn thấy khắp nơi. Kia là cầu Trường Tiền. Kia là cột cờ, kia là sông Hương. Đây là vườn hoa, nơi hò hẹn của giai nhân tài tử. Có nhiều người ghét tôi, vì tôi đã đem ánh sáng soi mới việc làm của họ, những việc cần được bóng tối từng đảng che giấu dùm. Có những ca nữ, đêm đêm bán thanh bán sắc trên dòng sông, nhưng ban ngày là những cô nương sa sút, họ phải nuốt dòng nước mắt chảy ngược trở lại vào lòng, gượng cười làm vui cho những ai ai . . .

Tôi đã trông thấy từng đôi, từng đôi bạn tình ngồi dưới chân tôi. Có đôi mới hẹn nhau lần đầu tiên, họ còn ngỡ ngàng, hồi hộp e lệ, nhưng trong lòng đang thầm xây dựng tương lai. Có đôi, hẹn nhau lần cuối cùng để rồi kẻ Nam người Bắc. Họ đau đớn, băng khuâng và bi quan, vì đó là buổi hẹn cuối cùng. Có đôi đi với nhau mà tâm hồn mỗi người nghĩ mỗi nơi, họ đi cạnh nhau vì không “thoát” được tay nhau. Và cùng một con trăng năm xưa của riêng họ, bây giờ cũng con trăng ấy, mỗi người có một vầng trăng trong lòng.

Bao nhiêu cảnh đẹp và không đẹp diễn ra trước mắt tôi. Cảnh thì vẫn cảnh này từ nghìn xưa, mà tình tiết thì biến đổi vô lường.

Đêm đêm, những cuộc “trao đổi văn hóa” vốn gọi nhau là “anh, em” hay “sê ri” biến thành “a na tà”. Sau khi các “a na tà” bại trận cuốn gói ra về, những đôi tình lữ lại gọi nhau bằng “đồng chí”. Tôi vẫn đứng đây, đau đớn nhìn cái vườn hoa xinh đẹp biến thành vườn cỏ. Đau đớn nhìn cái cột cờ bất lực bơ vơ bị đổi thay tùy theo . . .” Cờ đến tay ai . . . . “ và cái vườn cỏ biến thành vườn hoa, thay đi đổi lại hoa cỏ, cỏ hoa. . . Nhưng bây giờ, những đôi tình lữ bận lo học hỏi. Họ không có nhiều thì giờ rảnh và cũng không được phép đêm đêm đến đây thủ thỉ câu chuyện tâm tình như độ nào. Bao nhiêu lần vật đổi sao dời, tôi cũng nhiều phen được tô điểm sửa sang để có cái vẻ văn minh lịch sự như bây giờ, nhưng tâm hồn tôi vẫn cô độc bơ vơ . . .

Cột đèn kể đến đây im lặng. Cô bé hỏi lại:

• Rồi sao nữa?

• Chẳng sao cả. Tôi còn đứng đây mãi để nhìn những cảnh yêu đương, đào thải, phụ bạc, biến chuyển, xô dịch chung quanh tôi. Còn cô em, chuyện của cô em ra sao, kể cho tôi nghe đi.

Cô bé ngần ngại một lúc rồi nói:

• Chuyện của tôi chả có gì cả. Chúng tôi yêu nhau và tôi tin rằng chúng tôi sẽ lập một tiểu gia

đình hạnh phúc.

- Thế “ anh ấy” có bao giờ lỗi hẹn như thế này không?
- Có, thỉnh thoảng, nhưng bao giờ cũng có lý do chính đáng.

Có tiếng cười khô khan và mỉa mai:

- Hừ, đã tìm được lý do, thì lý do nào chẳng chính đáng . . .

Cô bé bỗng thấy tim đau nhói . Hai mắt rưng rưng , cô muốn nói gì nhưng nghẹn ngào không nói được.

- Cô định chờ đến bao giờ?

• Dù sao tôi cũng chờ. Chúng tôi có chuyện rất quan hệ, cần gặp nhau để bàn kỹ.

- Thế “ anh ấy” hứa sẽ đến chứ?

• Anh ấy bảo không chắc lắm, nhưng may ra thì có thể đến được. Anh sẽ cố gắng tìm cách đến gặp tôi một lúc để thảo luận chuyện chúng tôi.

- Trời, toàn là những lời . . .

Cô bé gục đầu vào cột đèn khóc nức nở.

- Có khi tôi biết “anh ấy” nói dối chỉ vì không muốn làm tôi đau lòng, nên tôi chấp nhận và tha thứ.

Cô bé ngồi yên một lúc, rồi đứng dậy lau mắt, thần thờ ra về.

Cô bé đi chưa xa, đã có một người khác đến đứng vào chỗ cô ngồi ban nãy. Cô này tóc quăn, mặt phấn son lòe loẹt, mồm phì phèo một điếu thuốc lá. Nghe tiếng giày cộp cộp trên đường nhựa vắng, cô như người đi săn đánh hơi thấy con mồi, vội mỉm cười, ưỡn ngực bật lên một tiếng:

- Ha lô!

Người đi đến cũng “ Ha lô!” và dừng chân lại. Một lần nữa, chiếc cột đèn lại được chứng kiến thêm một cuộc “ trao đổi văn hóa” giữa hai dân tộc

\*\*\*

## Phụ đính II:

### Người quân tử

LTS\_ Người Quân Tử là truyện ngắn trích từ Tàu Ngựa Cũ, tác phẩm văn học được trao giải thưởng văn chương 1961. Người Quân Tử và Áo Mới của Linh Bảo đã được Trung tâm Văn Bút Quốc tế / PEN International tuyển chọn là hai trong số 26 truyện ngắn hay nhất thế giới năm đó.

\*\*\*

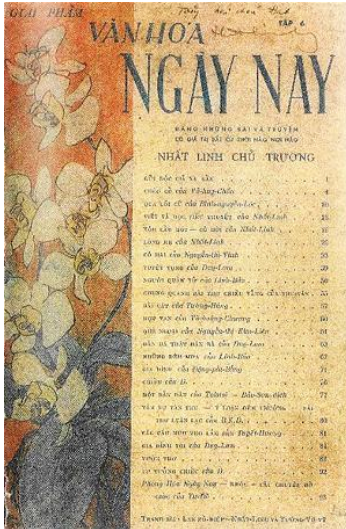
Dung bản khoăn suy nghĩ lẩn lộn trên giường đã hơn một tiếng đồng hồ. Đáng lẽ nàng phải đi chợ nhưng hôm nay có cơ để cho nàng giận dữ nên định đâm liều một bữa xem sao.

Dung còn nhớ rõ hôm ấy nàng đang chạy dưới đám mưa đạn thì gặp hắn. Hắn đón nàng về nhà hắn trong khu vực an toàn. Vợ hắn về quê không trở lại nên hắn rất tự do. Luôn mấy ngày hai người bị kẹt trong cái tổ ấm đó. Thế là hắn thành ra "chính phủ bảo hộ" của Dung. Kể ra lúc đầu hắn cũng mất một ít công phu. Nào là mua nước hoa đắt tiền tặng nào là tắm rửa cho hai đứa con riêng mồ côi chị nàng, nào là thức dậy từ ba giờ sáng khuấy cà-phê cho nàng uống để đi làm. Nhưng hắn thuộc về loại đàn ông tán gái chỉ mất ba bó hoa là về sau lấy lại cả vốn lẫn lời.

Khi hãng máy bay Dung làm đóng cửa, hắn hết sức dỗi dành cho Dung đừng làm nơi khác, hắn hứa sẽ trả lương cho Dung gấp đôi nếu Dung làm thư ký cho hắn. Hắn nói:



- Tôi đã có vợ rồi nên không thể cưới em được. Tôi chỉ là một người ân nhân, một người quân tử giúp em qua khỏi lúc khó khăn tai nạn. Em cần có một người đàn ông làm hậu thuẫn cho em để em dựa vào đó mà làm ăn, để tinh thần em có chỗ ký thác. Con em cần phải có cha, người ta cần phải có mái nhà như con chim cần tổ ấm. Em không thể sống mãi cái cuộc sống cô độc, trống trải tâm hồn và phải phấn đấu lo miếng cơm manh áo cho con như thế mãi được.



*Giai phẩm Văn Hoá Ngày Nay số 6, đăng truyện ngắn Người Quân Tử của nhà văn Linh Bảo [nguồn:thuviennguoiviet/index.asp]*

Hắn tán ngọt như mía lùi. Dung nghe như ăn phải bùa mê. Nàng ký thác trọn thể xác lẫn tâm hồn. Mỗi năm nàng đẻ cho hắn một đứa con. Những đứa bé này đều theo họ mẹ và gọi hắn bằng bác.

Với mọi người hắn chỉ nhận Dung là thư ký của hắn. Mà cũng đúng như thế thực. Như phải viết thư đòi nợ cho hắn; giao thiệp với trạng sư, vì hắn rất thích đi kiện; đi thu tiền nhà, lo chạy các giấy tờ trong việc buôn bán của hắn, nay Sở này mai Bộ nợ toàn là phận sự của cô thư ký cả. Còn những việc "phi phận sự" thư ký như lau nhà, làm bếp, đẻ con, hắn cũng giao cho Dung nốt. Hắn rất hà tiện nhất định không muốn người làm trong nhà, hắn lấy cớ là không tin ai hết để bắt Dung làm lấy tất cả. Hắn đưa cho Dung mỗi tháng ba nghìn gọi là tiền lương thư ký. Và trong số ba nghìn đó cô thư ký phải nấu cơm cho ông chủ ăn nữa.

Số tiền ấy chỉ bằng một phần năm lương Dung đi làm trước kia. Nhưng biết làm sao được khi từ một thư ký thường người ta đã biến thành cô thư ký "vạn năng". Và người "quân tử" lại là hạng quân tử khôn chứ không phải quân tử dại. Quân tử nhất ngôn là quân tử dại, quân tử nói đi nói lại là quân tử khôn. Hắn thuộc về loại quân tử khôn. Còn Dung xưa nay vẫn nổi tiếng khôn nhưng lại là khôn dại.

Hắn sợ Dung tiếp xúc với bạn bè bà con nhớ người ta bày khôn bày khéo nên cấm nàng không được giao thiệp chơi bời với ai cả. Hắn không cho Dung diện và đi phố vì hắn biết Dung còn đẹp lắm, nhớ gặp người "cao tay ấn" hơn hắn thì hắn mất một món bở. Còn biết tìm đâu trên đời này một người đàn bà "ngon một cách thuần túy" như Dung? Trong kỹ nghệ làm vợ "chợ đen" ai cũng đòi được hưởng thụ vật chất đầy đủ để đền bù sự thiệt hại về tinh thần. Chỉ

có một mình Dung đã làm cách mạng trái với định luật ấy. Khi Dung đề cho hấn đưa con trai thứ hai hấn mua cho nàng một cái nhẫn hột xoàn giả. Đó là món quà đầu tiên từ khi nàng về làm "vạn năng thư ký" cho hấn. Không đeo thì sợ hấn giận, đeo thì cũng khổ tâm lắm! Cuối cùng Dung nghĩ được cách đeo nhưng quay mặt nhẫn vào trong. Nàng sợ người ta biết nhẫn giả nên quay mặt nhẫn như vậy cố ý để mập mờ thế cho mọi người tưởng mình giàu nhưng khiêm nhượng không muốn ai biết.

Dung được hấn nhờ sợ rất kỹ; bắt nàng tâm niệm hấn là người ân nhân của nàng, hấn là người quân tử đã cứu mạng và cứu vớt nàng trong cảnh lửa đạn và Dung cũng tin như thế thật.

Nàng vẫn giữ lòng tin ấy cho đến hôm "bác" của mấy đứa nhỏ chạm trán với Loan, một bạn gái từ thuở bé của nàng.

"Bác" của mấy đứa nhỏ nói thao thao bất tuyệt như lên diễn đàn:

- Tôi là người quân tử, tôi là người ân nhân của Dung. Nếu không có tôi Dung đã chết giữa đám đạn lạc. Tôi chỉ bảo Dung cách thức làm ăn. Tôi không nuôi Dung có tính ý lại ăn sống nhờ vào đàn ông như những người đàn bà khác, nhờ khi chồng chết thì làm sao? Vì thế nên tôi không nuôi Dung; tôi tập cho Dung phải làm lấy mà sống, và sống "Độc-lập"!

Hấn nói xong chừng biết mình nguy hiểm, sợ chỉ có một mình Dung nghe lọt tai và tin, chứ còn ngoài ra chẳng ai tin những lời quý quái của hấn hết, nên vừa dứt câu, hấn sợ Loan trả lời vội chân sau đá chân trước chạy ra cửa như bị ma đuổi:

- Tôi xin lỗi, tôi đi đây có chút việc!

Hấn đi rồi, Loan cúi lên với Dung. Nàng cười mũi:

- Hừ quân tử! Hừ ân nhân! Đã quân tử đã ân nhân sao lại làm cho người ta có con? Đồ không chịu trách nhiệm, thừa nước đục thả câu còn dám mở miệng xưng là ân nhân, quân tử!

Dung làm trạng sư cho hấn:

- Nếu không có hấn hôm ấy thì tôi thực chết đấy Loan ạ.

Loan cười gằn:

- Nếu là em thì chết phứt đi còn hơn! Hấn chỉ nghĩ đến phần hấn mà không nghĩ đến phần người ta. Hấn giúp chị thì chả có gì là lạ. Trong hoàn cảnh ấy ai chả giúp nhau! Nhưng đâu có phải giúp một tí rồi bắt người ta phải là tôi mọi suốt đời để trả ơn không? Người quân tử như thế sao?

- Tôi nghĩ ra lạ quá! Thì ra hấn đòi trả ơn như thế đấy!

- Người đàn bà cũng cần phải có một người đàn ông riêng của mình, yêu mình và hoàn toàn thuộc về mình. Cần phải có gia đình. Hấn quân tử gì? Ân nhân gì? Hấn hại chị thì có. Hấn lấy chị đẻ con ra mà hấn khỏi nuôi. Chị không phải là vợ hấn mà cũng không còn mong lấy ai được nữa, không mong gì có một gia đình riêng của mình. Chị chỉ là một kẻ nô lệ của hấn, chỉ làm bổn phận mà không có quyền lợi gì hết! Con đẻ ra mang họ chị! Đấy chị xem hấn nhẫn tâm biết bao nhiêu? Chị phải nai lưng ra suốt đời làm tôi mọi nuôi con cho hấn, làm giàu cho hấn trong khi hấn có tiền chớ chuyên về cho vợ lớn hết. Đến lúc hấn đá chị thì chị đã thành một bà già đi ở đợ nuôi con! Hấn chỉ lợi dụng, ích kỷ thế mà dám xưng là quân tử cho nó nhục nhã cái chữ

quân tử đi. Chẳng thà cứ vỗ ngực nói: Tao là một cái thằng đều, ai ngu thì mắc mưu ta! Nghe còn sáng khoái hơn!

Dung ngỡ ngác như vừa bị mất cắp! Đúng là nàng đã bị mất cắp ngay cả cuộc đời. Kẻ đánh cắp ngay giữa thanh thiên bạch nhật còn cười vào mũi người bị mất cắp nữa!

Loan thấy Dung sững sờ, nói tiếp:

- Em còn nhớ câu chuyện "áo người quân tử" của ba em kể ngày xưa: "có một chàng nọ có một cái áo rất đẹp. Một hôm anh túng tiền liền vào một tiệm cầm đồ hỏi cầm. Chủ tiệm bảo:

"- Cái áo này tôi cầm cho ông hai trăm. Ba tháng nữa ông chuộc phải trả thêm hai trăm tiền lời nữa thành bốn trăm đồng.

"Anh chàng kia bằng lòng, cởi áo giao cho chủ tiệm và cầm tiền xong ra về. Anh vừa ra đến cửa thì chủ tiệm gọi giật lại:

"- Này ông, tôi có ý kiến này hay lắm. Tôi thấy ông thật thà tôi thương tôi làm phúc làm đức nói hơn thiệt cho ông nghe. Ông bây giờ trong túi không có lấy một đồng đến nỗi phải đi cầm áo. Vậy ba tháng nữa ông lấy đâu ra bốn trăm để chuộc áo về. Nếu lúc ấy ông không trả đủ vốn lời cho tôi, để quá ba tháng nữa thì sẽ phải trả gấp đôi thành tám trăm đồng. Tôi hỏi ông, ông sẽ đào đâu ra số tiền ấy?

"Anh chàng kia gật đầu cho là phải:

"- Vâng, ông nói đúng lắm. Ba tháng nữa tôi cũng không làm sao xoay được bốn trăm đồng.

"Chủ tiệm cười híp cả mắt lại:

"- Tôi biết mà! Vì vậy tôi mới khuyên ông, nếu ông chịu nghe tôi thì đỡ khổ. Này nhé, bây giờ trong túi ông đã có hai trăm đồng rồi. Vậy ông trả trước cho tôi hai trăm đồng đi. Ba tháng sau ông chỉ phải trả có hai trăm đồng nữa thôi chứ không phải bốn trăm đồng. Như thế có phải lợi biết bao nhiêu! Nếu ông không trả được, trễ đến ba tháng nữa cũng chỉ thành có bốn trăm đồng chứ không phải tám trăm đồng. Lời đến một nửa, ông nghĩ thế nào?

"Anh chàng nghĩ đi nghĩ lại, thấy quả thực đúng lý vô cùng. Anh móc túi lấy hai trăm đồng ra trả cho chủ tiệm và ra về.

"Anh về nhà thấy lạnh, chợt nhớ ra mình không có áo khoác nữa. Anh ngẫm nghĩ:

"- Lạ quá! Khi mình chưa bước chân vào tiệm cầm đồ thì tuy túi mình rỗng nhưng vẫn còn có áo khoác ngoài mặc và không nợ. Bây giờ ở trong tiệm bước ra, túi vẫn trống không, áo không có nữa lại có một số nợ phải lo trả lạ quá!"

Dung thét lên:

- Thôi, tôi biết rồi! Chính tôi mới là người quân tử! Tôi là cái anh chàng đem áo đi cầm. Khi tôi chưa bước chân vào nhà hán, thì tôi không có chồng, tôi trẻ, tôi đẹp, tôi tự do, tôi có việc làm để nuôi con tôi. Bây giờ ở nhà hán bước ra thì tôi mất tự do, mất việc. Tôi phải hầu hạ hán, nấu cơm cho hán ăn, nuôi con cho hán. Tôi vẫn phải làm việc lấy đồng lương để sống mà phải đội ơn hán nữa. Tôi vẫn không chồng, hán ở nhà hán, tôi ở nhà tôi thế mà tôi vẫn phải thuộc quyền hán xử dụng...

Loan ngắt lời:

- Chị hiểu thế là đủ! Em về nhé!

Loan về rồi, Dung gục đầu lên gối khóc nức nở. Nàng muốn liều lĩnh không nghĩ tới bữa cơm chiều nhưng chợt nhớ tới những cái tát như trời giáng của hán, Dung vội vàng mặc áo đi chợ.

Dung không có cách nào để kháng cự lại hắn được, nàng đâm ra giận Loan. Phải, tại Loan tất cả! Trước khi gặp Loan nàng thấy đời vẫn êm đẹp. Tuy nhà cửa nàng bần thủi thực, tuy con cái nàng rách rưới thực, tuy những lời hắn đều láo thực, tuy nàng phải làm việc quần quật suốt ngày cho hắn, tuy hắn hay gây gổ mắng chửi nhưng nàng đã coi như một sự dĩ nhiên. Ngày trước hắn khuyên nàng lấy hắn để cho con nàng được sung sướng, ngày nay con nàng giống như con mồ côi cả cha lẫn mẹ, nàng không hề phàn nàn, bần khoản, thắc mắc, nghĩ ngợi, tìm hiểu ai hơn ai thiệt. Tất cả mọi sự đều thành ra dĩ nhiên cả rồi. Nàng chỉ biết cố nấu cơm ngon cho hắn ăn. Lo đi đòi được tiền nhà và nợ về cho hắn vui. Mỗi ngày đến nhà hắn làm tròn phận sự và "phi phận sự" xong tối về ngủ với con. Dung không hề thấy khổ hay nghĩ đến khổ. Nhưng không ngờ hôm nay những câu nói của Loan làm đảo lộn cả tâm hồn nàng.

Không lẽ lại chửi người đàn ông đã từng âu yếm mình. Dung nghĩ được cách giải quyết là trút hết cả tội lỗi lên đầu Loan. Nàng nghĩ rằng lắm lắm:

- Đồ ranh con! Mày thì đã hơn ai! Còn mày cũng phải tự nuôi lấy lại còn nhieếc tao! Chỉ được cái tài nói dóc, chửi người ta là giỏi, chính mình thì cũng ngu như bò!

Dung thấy thoả mãn như đã được trả thù, nàng nghĩ đến lúc hắn khen món ăn nàng làm ngon. Hắn cười tít lên rung rinh cả cái thân hình đồ sộ và cái bộ mặt "đồng tháp mười", bộ mặt bí hiểm, thâm trầm, dữ tợn và cũng "phi nhiêu" ấy! Bỗng nàng thấy buồn nôn. Không phải nôn vì nghĩ đến hắn nhưng chắc là tại có một người "quân tử bé con" nữa sắp ra đời.

*[Trích Tàu Ngựa Cũ, tr. 43-52,  
Nxb Ngày Nay, Sài Gòn 1961]*